

Em học toán

LỚP TƯ

4

3

2

1

$$\begin{array}{l} \text{|||||} + \text{||} = \text{|||||} \text{||} \\ 5 + 2 = 7 \\ \text{|||||} = \text{|||} + \text{|||} \\ 6 = 3 + 3 \end{array}$$



BỘ VĂN HÓA GIÁO DỤC XUẤT BẢN

<https://tielun.hopto.org>

Em học toán

thuongmaitruongxua.vn

LỚP TƯ

SÁCH TOÁN BẬC TIỂU-HỌC
BỘ VĂN-HÓA GIÁO-DỤC XUẤT-BẢN
1965

Soạn-thảo dưới sự hướng dẫn của :

Ông LÝ CHÁNH ĐỨC
Nguyên Chánh-sự-vụ Sở Học-liệu

Ông PHẠM VĂN THUẬT
Chánh-sự-vụ Sở Học-liệu

Ông NGUYỄN VĂN NHIỀU
Thanh-tra Tiểu-học Trung-ương
Đại-diện Nha Giám đốc Tiểu học

Với sự tham-gia ý-kiến của :

Cô ALICE H. PALMER

Ông RALPH H. HALL, Ph. D.
Phái-bộ Kinh-tế Hoa-Kỳ tại Việt-Nam

và

Ông ELMER C. ELLIS, Ph. D.
Phái-đoàn Đại-học đường Southern Illinois

Soạn-thảo và ấn-hành trong khuôn-khổ
chương-trình hợp-tác giữa Bộ Văn-Hoá Giáo-dục
và Phái-bộ Kinh-tế Hoa-kỳ tại Việt-Nam

BAN BIÊN-TẬP :

Soạn giả :

HÀ MAI ANH
THÊM VĂN ĐẤT

Họa-sĩ :

HUỲNH PHỦ NHIỀU

Chuyên-viên Tu-thư :

Cô TRẦN THỊ ĐÌNH
Bà NGUYỄN ĐĂNG HẢI

Chuyên-viên Toán-học :

ELMER C. ELLIS, Ph. D.
TRẦN CANH TÂN

Chuyên-viên Kỹ-thuật :

Cô ALICE H. PALMER

LỜI NÓI ĐẦU

Mục - đích

Quyển EM HỌC TOÁN, lớp Tư, nhằm thực-hiện hai mục-đích :

1. Làm sao cho cách dạy toán trở nên giản-dị, dễ hiểu và có kết quả tốt-đẹp.

2. Dùng vật-liệu, sự-kiện và quan-sát làm phương-tiện đưa trẻ em đến chỗ quen-thuộc với đời sống thực-tế.

Do đó việc luyện-tập cho trẻ em quan-sát phải là một trong những cố-gắng chính của nhà giáo chúng ta.

Theo phương-pháp tân-tiên, sự quan-sát giữ một vai trò quan-trọng trong môn sô-học, hình-học và đo-lường ở bậc tiểu-học.

Bài dạy toán phải cụ-thể, thực-tế và linh-động, vì thế, nên để cho học-sinh tự tay đếm, đo, cân, lường, trước rồi mới cho chúng tính-toán sau. Ở lớp Tư, trẻ em học các sô bằng cách nhận-xét tận-tường các vật đơn-giản hay thường dùng, sô mó, đếm, đọc, viết sô, vẽ các vật ấy. Tất cả các sô đưa ra để học là những danh-sô, nghĩa là các sô nguyên có theo tên người, vật hay đồ vật (học-trò, nón, gà, bàn, ghế v. v...) hoặc đơn-vị đo-lường (mét, lít, kilô-gam).

Vài đặc-diểm của cuốn sách

Sách này được biên soạn với mục-tiêu chính-yêu :

1. Cho học-sinh *hiều thấu-đáo* và *chắc-chắn* những bài học (hiểu ý-niệm về con số, cách lập số, cách làm các phép toán). Sự hiểu rõ về môn toán ở lớp dưới sẽ giúp trẻ em sau này tự giải-quyết lầy các vấn-đề về toán-học một cách dễ-dàng. Các bài học đều rất cụ-thể với nhiều vật-liệu, nhiều hình, nhiều thí-dụ. (Về vật-liệu, tự thấy và trò có thể tạo được. Còn hình ảnh rất thích-hợp với đề bài giúp các em chóng hiểu và vui học).

2. Đi *chậm* nhưng *vững* theo phương-pháp tiệm-tiền. Dùng vật-liệu thông-thường, nhiều hình ảnh quen thuộc, nhiều thí-dụ xác-đáng, từ dễ đến khó, từ cụ-thể đến trừu-tượng. Sau mỗi chương đều có hoặc một hai bài ôn để giáo-viên tiện kiểm-soát coi học sinh có hiểu bài học chưa. Nếu nhận thấy chúng chưa thật hiểu thì ông thầy chịu khó giảng lại.

3. Cho nhiều bài tập (bài tập miệng, bài tập viết, toán đồ áp-dụng) luôn luôn thay đổi, tuần-tự trước dễ sau khó, giúp trẻ em hiểu chắc-chắn, tự-tin và vững bước.

Các bài tập được lựa-chọn kỹ-càng, hợp trình-độ học-sinh, sát thực-tề xã-hội.

Cách dùng sách

1. Không có quyển riêng cho phần chỉ-nam mà chỉ gói gọn trong một quyển : trên là phần học-sinh với bài học và bài tập đầy-đủ, dưới có phần giáo-viên với lời chỉ-dẫn đại-cương về cách dạy.

2. Không nên cho học trò làm bài tập ngay trong sách cốt để sách được dùng lâu (anh, chị học xong có thể để lại cho các em dùng vào năm sau). Thấy cho học-trò coi để bài trong sách rồi ghi đáp số vào **bảng** đá hay tập vở riêng. Như vậy có lợi là học-trò có thì giờ làm nhiều bài tập và khỏi thất công chép lại để bài.

3. Những bài nào khó hoặc dài có thể cho học làm hai kỳ. Về những bài tập, có thể cho học-trò làm thêm ở nhà.

Chúng tôi mong rằng quyển sách toán này sẽ đem lại ít nhiều mới lạ trong phương-pháp dạy toán ở lớp Tư cũng như sẽ giúp trẻ em học toán một cách dễ dàng và lý-thú.

MỤC LỤC

PHẦN NHẤT

SỐ HỌC

Chương I

ÔN LẠI CHƯƠNG-TRÌNH LỚP NĂM

	TRANG
Bài 1 — Học ôn : chục và đơn-vị	16
— 2 — Bài tập	17
— 3 — Học ôn : những số dưới 100.	19

Chương II

HỌC NHỮNG SỐ TỪ 100 ĐẾN 400

HỌC ÔN : TOÁN CỘNG

Bài 1 — Những số từ 100 đến 400	20
— 2 — Học ôn : Toán cộng, không nhớ	23
— 3 — Toán cộng, không nhớ (tiếp theo).	25
— 4 — Toán cộng, không nhớ (tiếp theo).	26
— 5 — Học ôn toán cộng, có nhớ	29
— 6 — Toán cộng, có nhớ (tiếp theo)	32

Chương III

HỌC NHỮNG SỐ TỪ 400 ĐẾN 700

HỌC ÔN : TOÁN TRỪ

Bài 1 — Những số từ 400 đến 700	35
— 2 — Học ôn : trừ số một con với số hai con.	38
— 3 — Toán trừ những số hai con, không nhớ	40
— 4 — Toán trừ : số lơn hai con, số nhỏ một con, có nhớ .. .	42
— 5 — Toán trừ những số hai con, có nhớ	44

Chương IV

HỌC NHỮNG SỐ TỪ 700 ĐẾN 999 CỘNG, TRỪ NHỮNG SỐ CÓ HÀNG TRĂM, KHÔNG NHỚ

Bài 1 — Những số từ 700 đến 999	46
— 2 — Cộng những số có hàng trăm, không nhớ	48
— 3 — Trừ những số có hàng trăm, không nhớ	50

Chương V

TOÁN CỘNG NHỮNG SỐ BA CON, CÓ NHỚ PHÉP THỬ TOÁN CỘNG

Bài 1 — Học ôn: đọc và viết những số đến 999	52
— 2 — Toán cộng những số ba con, có nhớ	54
— 3 — Phép thử toán cộng	56
— 4 — Toán đố về phép cộng	58

Chương VI

TOÁN TRỪ NHỮNG SỐ BA CON, CÓ NHỚ PHÉP THỬ TOÁN TRỪ

Bài 1 — Toán trừ những số ba con, có nhớ	59
— 2 — Phép thử toán trừ	62
— 3 — Toán đố về cộng và trừ	63

Chương VII

GẤP ĐÔI, GẤP BA, GẤP TƯ PHÂN NỬA, MỘT PHẦN BA, MỘT PHẦN TƯ

Bài 1 — Gấp đôi	64
— 2 — Gấp ba	66
— 3 — Gấp tư	67
— 4 — Bài tập	68
— 5 — Phân nửa	69
— 6 — Một phần ba và một phần tư (của đơn vị)	71
— 7 — Một phần ba, một phần tư (của một nhóm)	74

Bài 8 — Bài tập	75
— 9 — Bài tập	77

Chương VIII

Ý-NHĨA TOÁN NHÂN NHÂN VỚI 2, 3, 4 VÀ 5

Bài 1 — Ý-nghĩa toán nhân	78
— 2 — Nhân với 2	80
— 3 — Nhân với 3	82
— 4 — Nhân với 4	84
— 5 — Đặc-tính của toán nhân	85
— 6 — Học ôn: nhân với 2, 3, 4 và 5	86
— 7 — Toán đố về phép nhân	87

Chương IX

TOÁN NHÂN: SỐ PHẢI NHÂN CÓ HAI CON SỐ SỐ NHÂN CÓ MỘT CON SỐ

Bài 1 — Số phải nhân có hai con số, số nhân có một con số, không nhớ	88
— 2 — Toán nhân, có nhớ	90
— 3 — Toán nhân, có nhớ (tiếp theo)	92

Chương X

TOÁN ĐỐ NHỎ a) VIỆC MUA BÁN

Bài 1 — Tìm tiền bán	94
— 2 — Tìm tiền lời	95
— 3 — Tìm tiền mua	96

b) TIỀN KIẾM ĐƯỢC VÀ TIỀN ĐỀ DÀNH

Bài 1 — Tìm tiền đề dành	97
— 2 — Tìm tiền xài	98
— 3 — Tìm tiền lãnh	99

c) NHỮNG PHẦN HƠN KÉM NHAU

Toán đố.	100
------------------	-----

d) TOÁN ĐỐ VẬT

.	101
-----------	-----

PHẦN NHÌ ĐO LƯỜNG

Chương I MÉT, LÍT, KILO-GAM

Bài 1 — Phép đo chiều dài, cái mét.	102
— 2 — Các loại mét	104
— 3 — Cái lít	106
— 4 — Kilo-gam	108

Chương II TIỀN TỆ

Bài 1 — Giấy bạc 50\$	110
— 2 — Giấy bạc 100\$	112
— 3 — Giấy bạc 200\$	115
— 4 — Giấy bạc 500\$	118

PHẦN BA HÌNH HỌC

Chương I ĐIỂM VÀ ĐƯỜNG

Bài 1 — Ý niệm về điểm và đường	121
— 2 — Các chiều của đường thẳng	122
— 3 — Đường gãy, đường cong, đường song song	125

Chương II CÁC GÓC

1 — Góc	127
2 — Góc vuông, đường thẳng góc	129
3 — Góc nhọn, đường xiên góc	131
4 — Góc tù	132
5 — Học ôn : các góc	133

Chương III

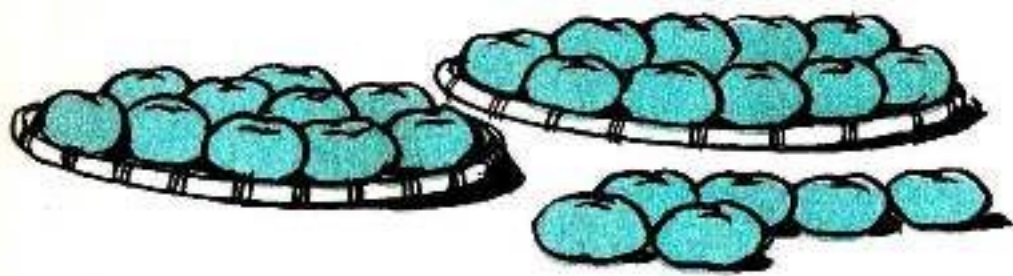
Ý-NIỆM VỀ HÌNH VUÔNG VÀ HÌNH CHỮ NHẬT

Bài 1 — Hình vuông	135
— 2 — Hình chữ nhật	137

PHẦN TƯ VẼ GẠCH

Tập vẽ tay những đường góc và hình đã học	139
33 hình vẽ	139

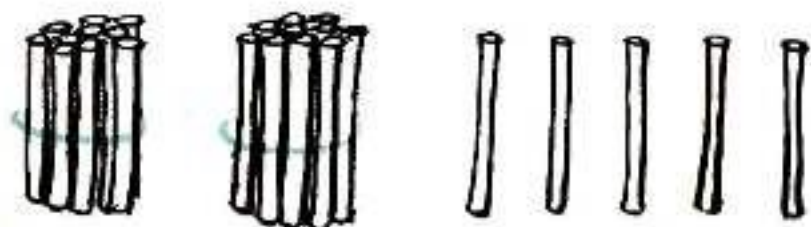
PHẦN NHẤT : SỐ HỌC
 ÔN LẠI CHƯƠNG TRÌNH LỚP NĂM
 HỌC ÔN : CHỤC VÀ ĐƠN-VỊ



CHỤC	ĐƠN-VỊ	SỐ
2	6	26



CHỤC	ĐƠN-VỊ	SỐ
3	4	34



CHỤC	ĐƠN-VỊ	SỐ
4	5	45

BÀI TẬP

vào vở và theo thí dụ ở hàng đầu, viết số vào các ô trống :

CHỤC	ĐƠN-VỊ
III	II

CHỤC	ĐƠN-VỊ
●●●	●●●●●

CHỤC	ĐƠN-VỊ
■■■■	■■■■

CHỤC	ĐƠN-VỊ

CHỤC	ĐƠN-VỊ
●	●●●●●●●●

CHỤC	ĐƠN-VỊ
●●●●	●●●●●●●●

CHỤC	ĐƠN-VỊ	SỐ
3	2	32

CHỤC	ĐƠN-VỊ	SỐ

CHỤC	ĐƠN-VỊ	SỐ

CHỤC	ĐƠN-VỊ	SỐ

CHỤC	ĐƠN-VỊ	SỐ

CHỤC	ĐƠN-VỊ	SỐ

Viết những số lớn dần

5	10						
30	40						
22	24	26					
23	25	27					
36	39	42					

Viết những số nhỏ dần

52	51	50					
90	80	70					
70	65	60					
66	64	62					
47	45	43					

HỌC ÒN : NHỮNG SỐ DƯỚI 100
Kẻ hình sau đây vào tập và viết từ 1 đến 99

1	2	3							
				15					
			24						
81									

Sắp lại những số này theo thứ tự số nhỏ trước số lớn sau :

- a) 16, 36, 48, 24 -

--	--	--	--
- b) 38, 24, 36, 42 -

--	--	--	--
- c) 56, 39, 67, 21 -

--	--	--	--
- d) 77, 80, 91, 65 -

--	--	--	--

Sắp lại những số này theo thứ tự số lớn trước số nhỏ sau :

- a) 38, 14, 52, 45 -

--	--	--	--
- b) 27, 43, 55, 39 -

--	--	--	--
- c) 57, 60, 46, 61 -

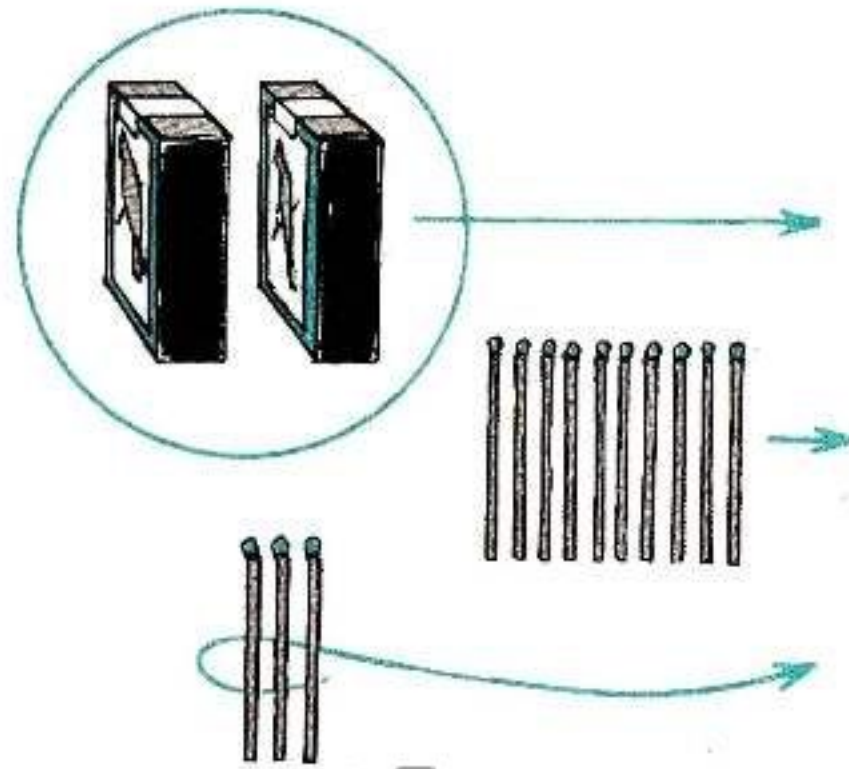
--	--	--	--
- d) 79, 85, 92, 63 -

--	--	--	--

NHỮNG SỐ TỪ 100 ĐẾN 400
HỌC ÔN : TOÁN CỘNG
NHỮNG SỐ TỪ 100 ĐẾN 400

Ý-niệm về số 100.

Thêm 1 cho 99 ta được 100.

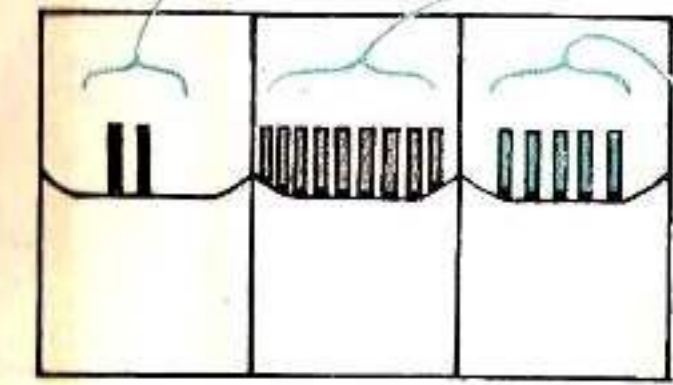
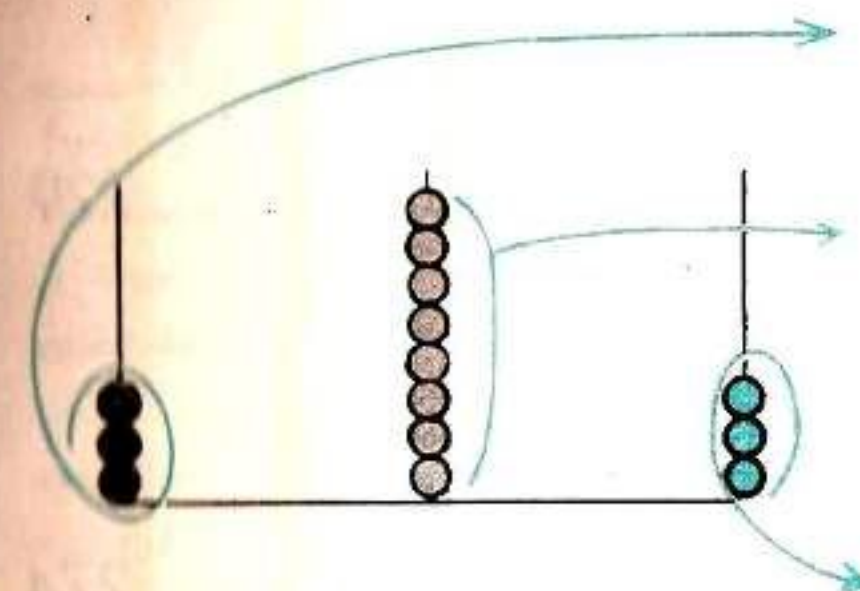
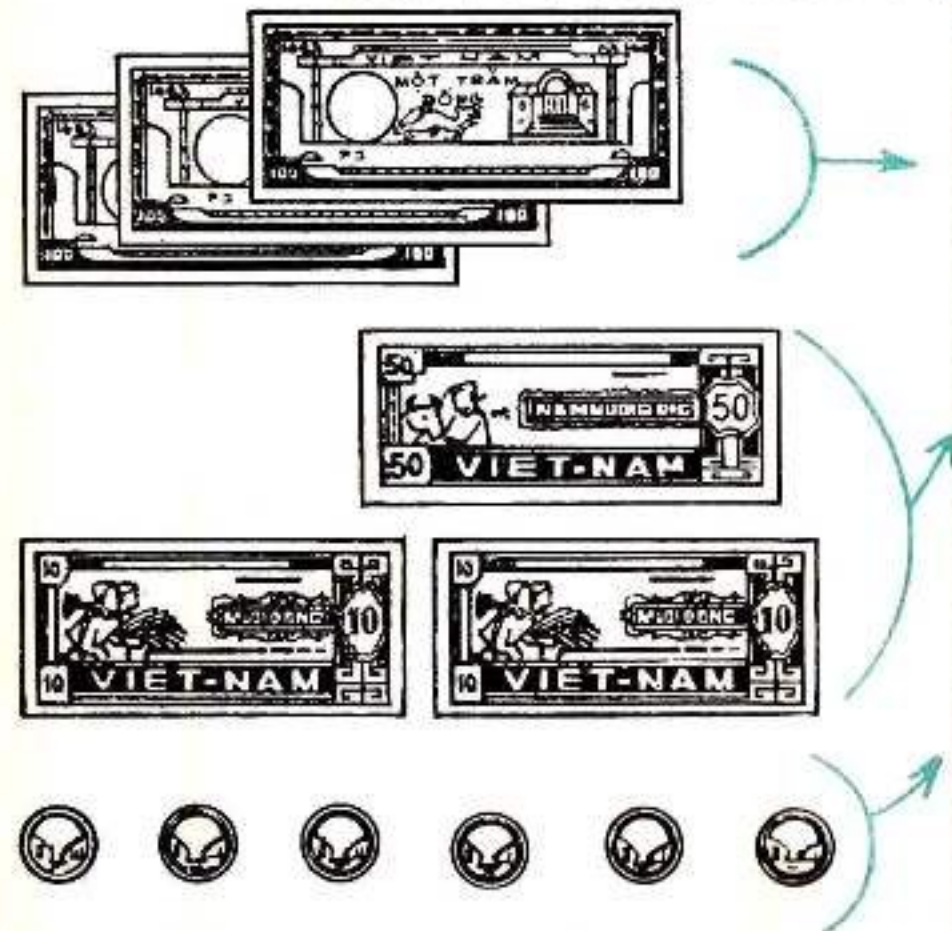


	TRĂM	CHỤC	ĐƠN-VỊ
100 }	2	0	0
100 }			
10		1	0
3			3

213	2	1	3
	TRĂM	CHỤC	ĐƠN-VỊ

100 }	3	0	0
100 }			
100 }			
50 }		7	0
10 }			
10 }			
			6

376	3	7	6
-----	---	---	---



	TRĂM	CHỤC	ĐƠN-VỊ
100 }	3	0	0
100 }			
100 }			
10 }		8	0
10 }			
10 }			
			3

383	3	8	3
	TRĂM	CHỤC	ĐƠN-VỊ

100 }	2	0	0
100 }			
100 }			
10 }		9	0
10 }			
10 }			
			5

295	2	9	5
-----	---	---	---

BÀI TẬP

Cho viết vào tập vở các số liên-tục từ 200 đến 400

200 _____ 206 _____ 209 _____ 211 _____ 213 _____

215 _____ 218 _____ 220 _____ 223 _____ 226 _____ 229 _____

_____ 231 _____ 234 _____ 237 _____ 241 _____

245 _____ 250 _____ 252 _____ 256 _____

260 _____ 264 _____ 267 _____ 270 _____ 272 _____ 274 _____

_____ 278 _____ 280 _____ 285 _____

290 _____ 294 _____ 296 _____ 301 _____

305 _____ 310 _____ 312 _____ 316 _____ 319 _____

_____ 321 _____ 325 _____ 328 _____ 330 _____ 332 _____

_____ 336 _____ 339 _____ 341 _____ 345 _____ 348 _____

350 _____ 352 _____ 354 _____ 357 _____ 360 _____ 363 _____

_____ 366 _____ 369 _____ 371 _____ 372 _____ 375 _____ 378 _____

380 _____ 383 _____ 386 _____ 389 _____ 391 _____ 392 _____ 394 _____

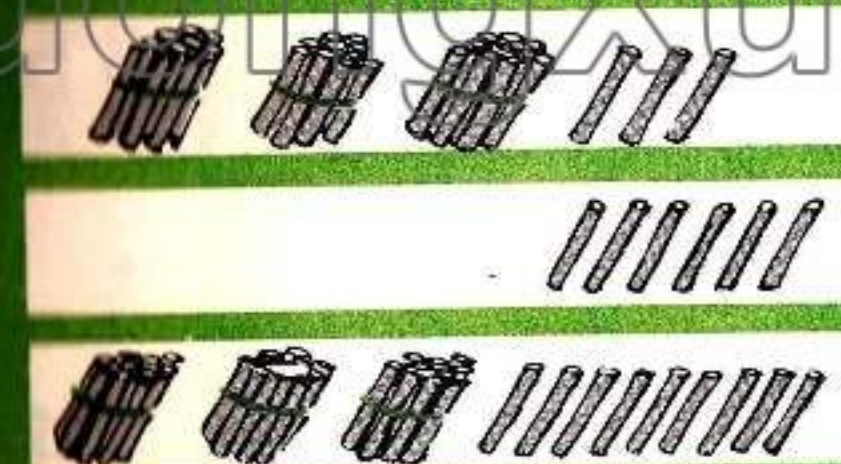
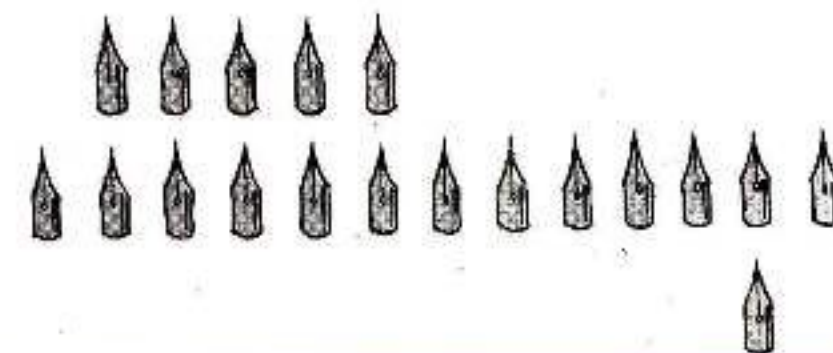
_____ 397 _____ 400 _____

HỌC ÔN : TOÁN CỘNG KHÔNG NHỚ

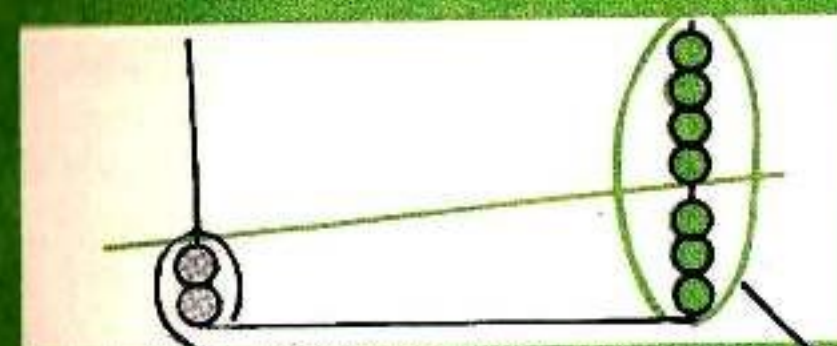


1. Hôm Tết Trung-thu, Tâm được một bao 26 viên kẹo. Chị của Tâm cho thêm 3 viên nữa. Hỏi Tâm có tất cả bao nhiêu viên kẹo ?

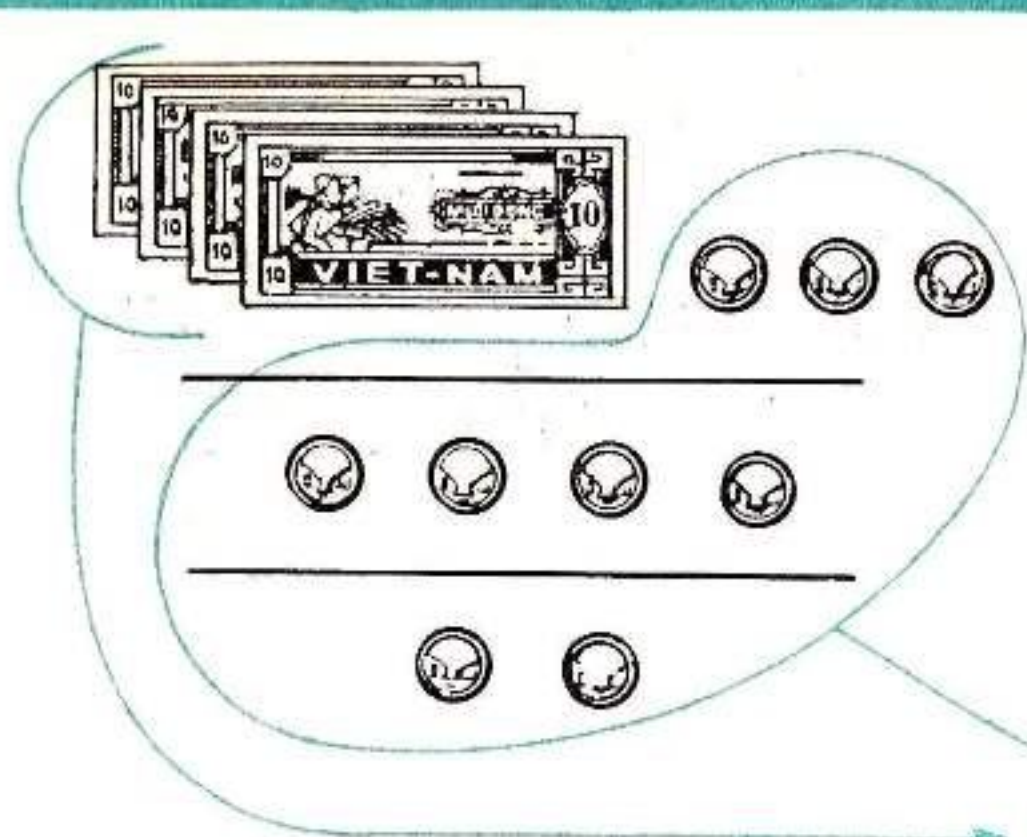
2. Tuần lễ đầu Tâm đứng hạng ba trong lớp học được thưởng 5 ngòi viết. Tuần kế lên hạng nhất Tâm được thưởng 13 ngòi viết, tuần sau xuống hạng năm chỉ được 1 ngòi. Vậy trong ba tuần, Tâm lãnh được tất cả bao nhiêu ngòi viết ?



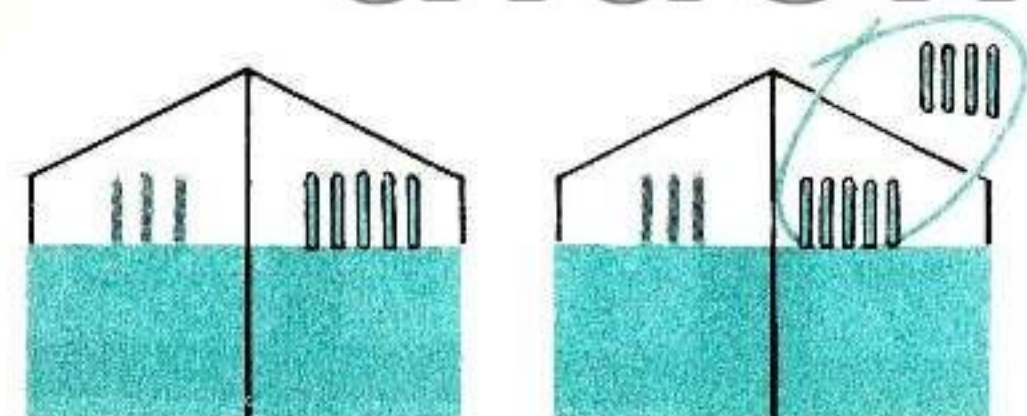
CHỤC	ĐƠN-VỊ	SỐ
3	3	33
	6	+ 6
3	9	39



CHỤC	ĐƠN-VỊ	SỐ
	4	4
2	3	+ 23
2	7	27



CHỤC	ĐƠN-VỊ	SỐ
4	3	43
	4	+ 4
	2	2
4	9	49



CHỤC	ĐƠN-VỊ	SỐ
3	5	35
	4	4
3	9	39

BẮT ĐẦU CỘNG ĐƠN-VỊ VỚI ĐƠN-VỊ, KẾ CỘNG CHỤC VỚI CHỤC

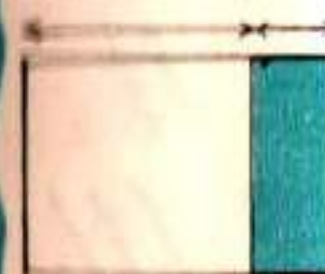
PHẦN GIÁO-VIÊN :

1. Dùng những đồ vật có thiết trong lớp để dạy toán cộng.
2. Dùng hình vẽ trong sách : thẻ đùa, bàn toán, túi số.

TOÁN CỘNG KHÔNG NHỚ (Tiếp theo) TOÁN ĐỐ



1. Mẹ trò Tâm bung một rổ đựng 12 trứng gà. Chị của Tâm bung một rổ đựng 7 trứng gà. Hỏi hai mẹ con bung tất cả bao nhiêu trứng gà ?



2. Bề dài nhà của tôi 14m, bề dài cái sân trước nhà 5m. Hỏi bề dài chung là bao nhiêu ?



3. Tâm có 3 viên đạn. Nhân có 21 viên đạn. Trí có 5 viên đạn. Tất cả ba anh em có bao nhiêu viên đạn ?



Giá 22\$



Giá 13\$



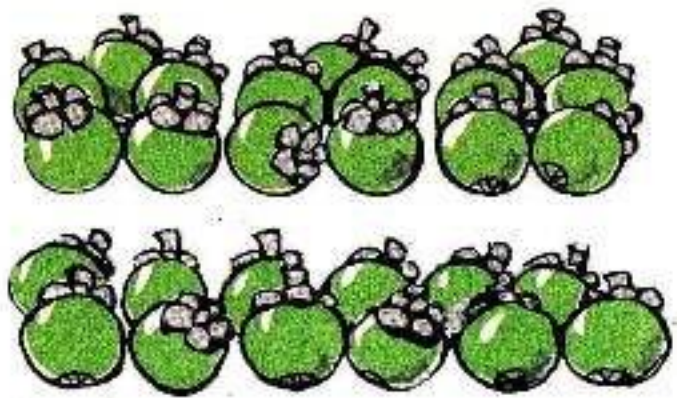
Giá 14\$

Tính coi tất cả bao nhiêu tiền ?

PHẦN GIÁO-VIÊN :

Đồng bạc viết tắt là đ, hay là \$ (dấu đồng gi).

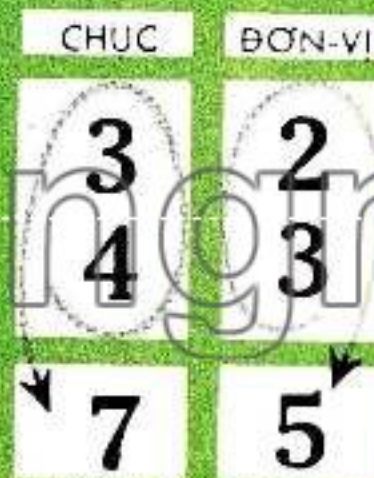
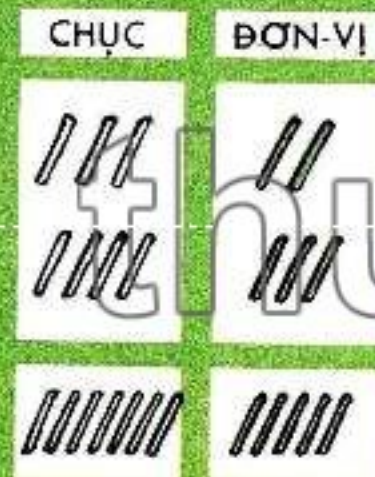
TOÁN CỘNG KHÔNG NHỚ (Tiếp theo)



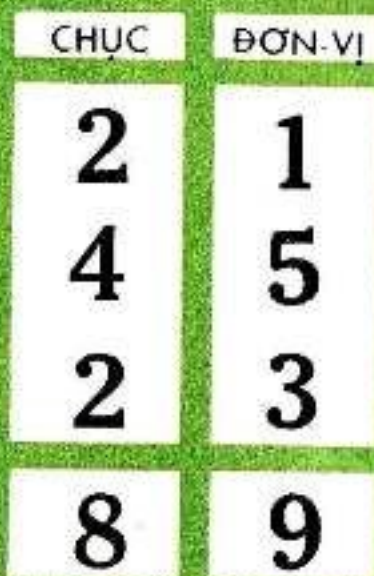
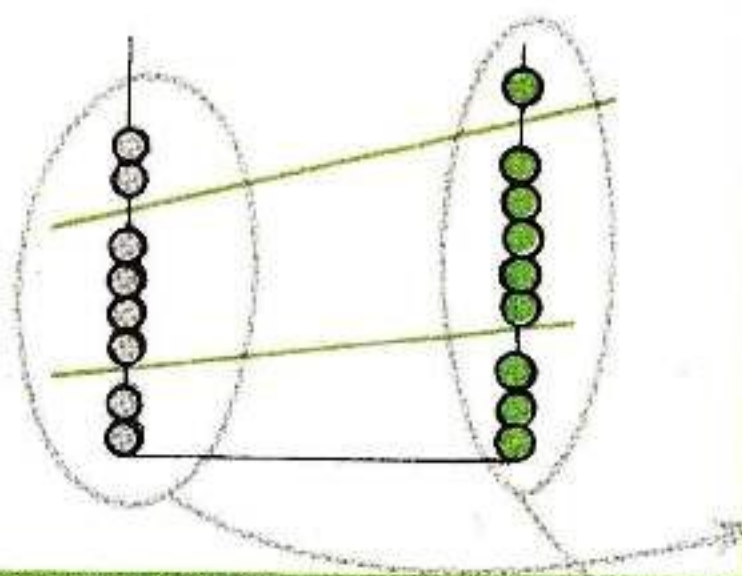
1. Bé Thu mua lần đầu 15 trái măng cụt, lần thứ nhì 12 trái nữa. Hỏi hai lần Thu mua tất cả bao nhiêu măng cụt ?



2. Ba có 32 cây viết chì, Tư có 43 cây. Hai anh em có tất cả mấy cây viết chì ?



$$\begin{array}{r} 32 \\ + 43 \\ \hline 75 \end{array}$$



$$\begin{array}{r} 21 \\ + 45 \\ \hline 66 \end{array}$$

PHẦN GIÁO VIÊN :

Xem cách dạy ở bài số 1, trang 20

CHƯƠNG II BÀI 4

TOÁN ĐO

1. Lớp Năm có 34 trò, Lớp Tư có 43 trò. Hai lớp có tất cả bao nhiêu trò ?

2. Ba bán buổi mai được 45 tờ báo. Chiều bán được 23 tờ. Tính coi Ba bán trọn ngày được bao nhiêu tờ báo ?

3. Ngày chúa-nhật cha trò An xài 51\$, thứ hai xài 47\$. Hỏi trong hai ngày, cha trò An xài hết bao nhiêu tiền ?

4. Chị Năm đi chợ mua một mét hàng giá 63\$, một hộp viết chì màu giá 25\$ và một quyển sách 11\$. Chị Năm phải trả hết bao nhiêu tiền ?

5. Dân làng Bình-Phước rào ấp ngày đầu được 42m, ngày thứ nhì 53m và ngày thứ ba được 64m. Tính coi trong ba ngày họ rào được bao nhiêu mét ?

BÀI TẬP

Viết vào tập vở hay bảng đá tổng số các bài toán cộng dưới đây:

$$\begin{array}{r} 22 \\ + 45 \\ \hline \end{array} \quad \begin{array}{r} 15 \\ + 23 \\ \hline \end{array} \quad \begin{array}{r} 31 \\ + 16 \\ \hline \end{array} \quad \begin{array}{r} 43 \\ + 25 \\ \hline \end{array} \quad \begin{array}{r} 54 \\ + 35 \\ \hline \end{array} \quad \begin{array}{r} 63 \\ + 26 \\ \hline \end{array}$$

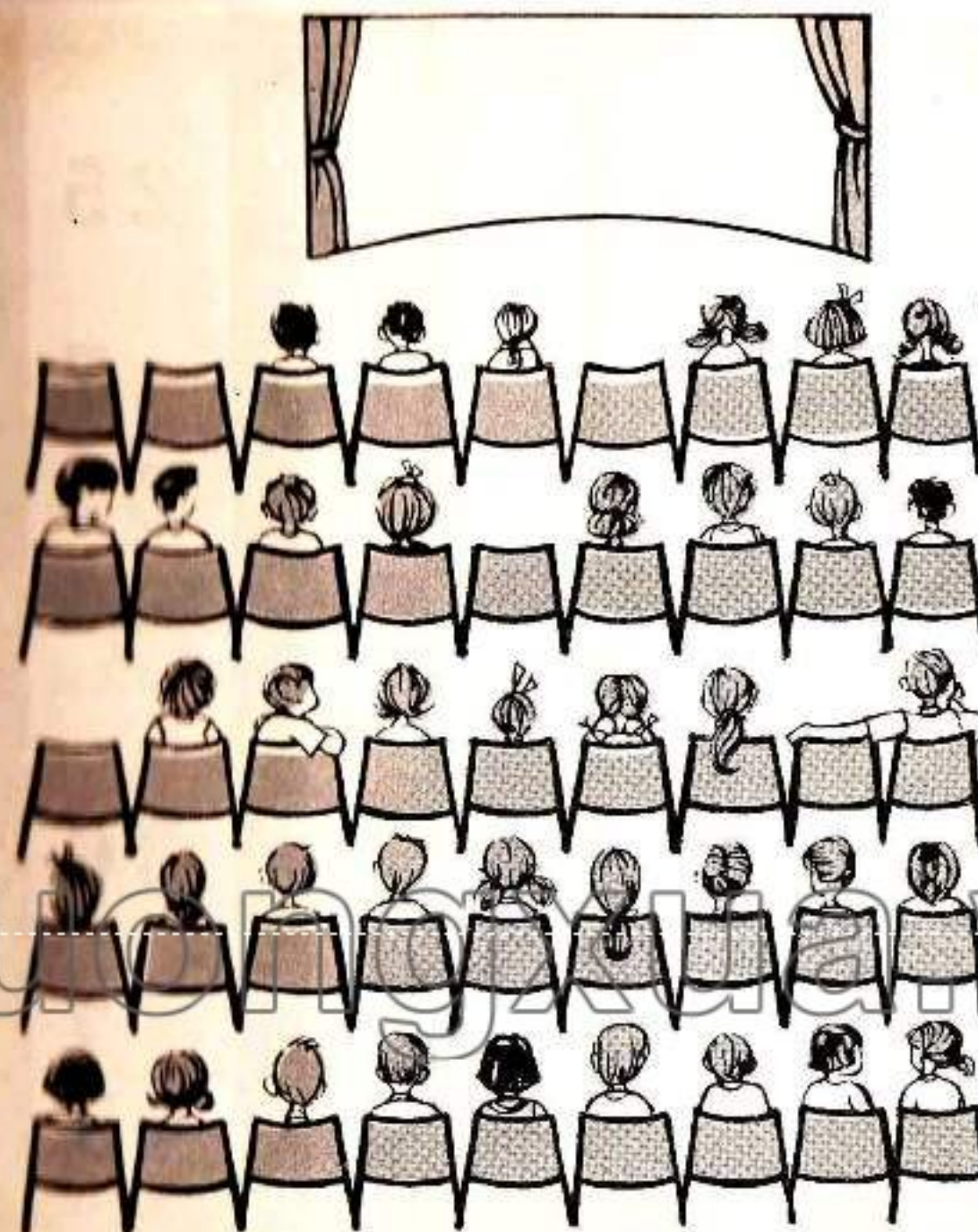
$$\begin{array}{r} 34 \\ + 13 \\ \hline \end{array} \quad \begin{array}{r} 37 \\ + 21 \\ \hline \end{array} \quad \begin{array}{r} 53 \\ + 26 \\ \hline \end{array} \quad \begin{array}{r} 55 \\ + 34 \\ \hline \end{array} \quad \begin{array}{r} 12 \\ + 57 \\ \hline \end{array} \quad \begin{array}{r} 61 \\ + 23 \\ \hline \end{array}$$

$$\begin{array}{r} 65 \\ + 33 \\ \hline \end{array} \quad \begin{array}{r} 52 \\ + 24 \\ \hline \end{array} \quad \begin{array}{r} 45 \\ + 22 \\ \hline \end{array} \quad \begin{array}{r} 76 \\ + 12 \\ \hline \end{array} \quad \begin{array}{r} 81 \\ + 17 \\ \hline \end{array} \quad \begin{array}{r} 85 \\ + 14 \\ \hline \end{array}$$

$$\begin{array}{r} 12 \\ + 24 \\ + 33 \\ \hline \end{array} \quad \begin{array}{r} 35 \\ + 11 \\ + 22 \\ \hline \end{array} \quad \begin{array}{r} 21 \\ + 36 \\ + 21 \\ \hline \end{array} \quad \begin{array}{r} 34 \\ + 12 \\ + 32 \\ \hline \end{array} \quad \begin{array}{r} 13 \\ + 21 \\ + 32 \\ \hline \end{array} \quad \begin{array}{r} 51 \\ + 24 \\ + 13 \\ \hline \end{array}$$

$$\begin{array}{r} 46 \\ + 31 \\ + 22 \\ \hline \end{array} \quad \begin{array}{r} 52 \\ + 13 \\ + 23 \\ \hline \end{array} \quad \begin{array}{r} 57 \\ + 31 \\ + 11 \\ \hline \end{array} \quad \begin{array}{r} 63 \\ + 13 \\ + 21 \\ \hline \end{array} \quad \begin{array}{r} 72 \\ + 14 \\ + 12 \\ \hline \end{array} \quad \begin{array}{r} 45 \\ + 22 \\ + 12 \\ \hline \end{array}$$

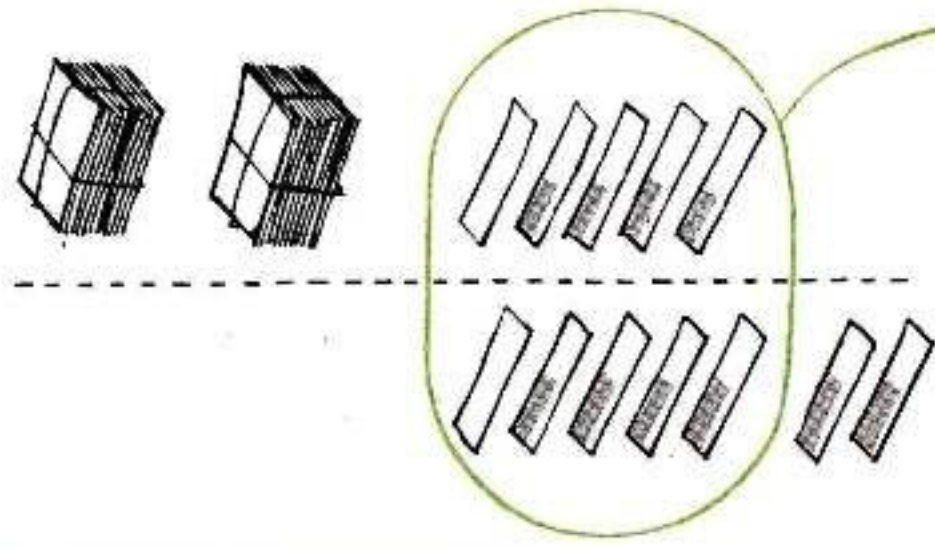
HỌC ÔN: TOÁN CỘNG CÓ NHỚ



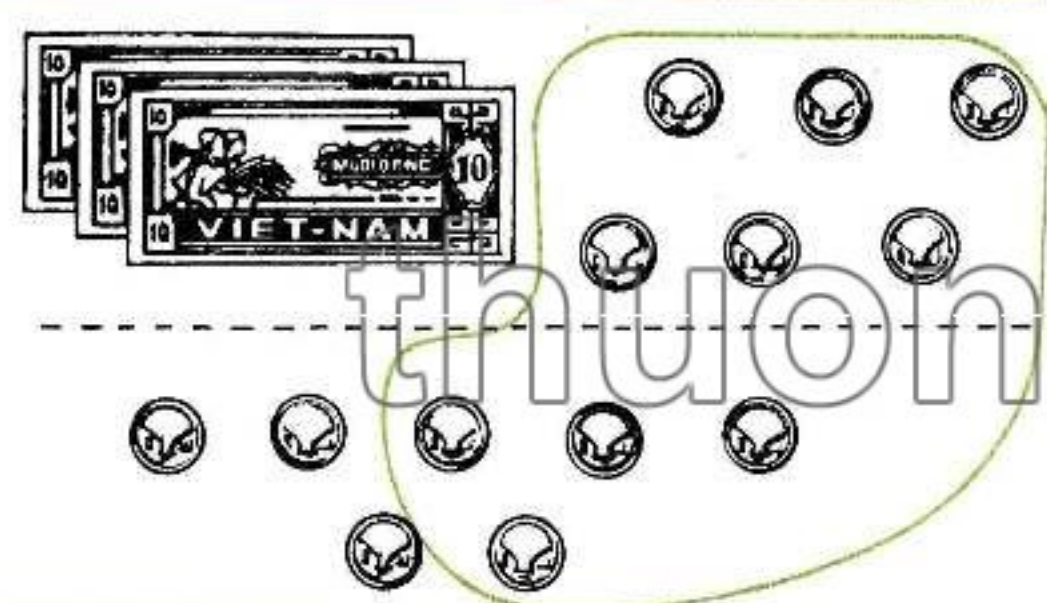
1. Trong phòng chiếu bóng của nhà trường, 39 chiếc ghế có học trò ngồi còn lại 6 ghế trống. Hỏi phòng chiếu bóng đó có tất cả bao nhiêu ghế ngồi ?



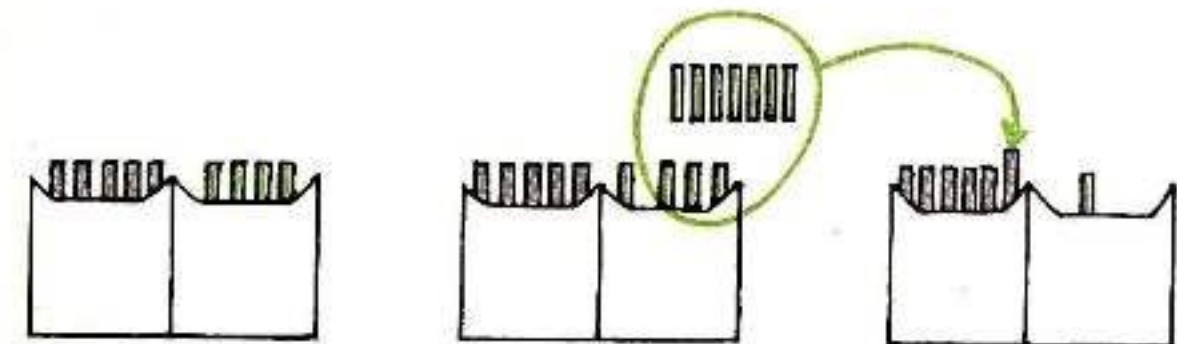
2. Có ba rổ cam. Rổ thứ nhất đựng 5 trái. Rổ thứ nhì đựng 26 trái. Rổ thứ ba đựng 7 trái. Ba rổ đựng tất cả bao nhiêu trái cam ?



CHỤC	ĐƠN-VỊ	SỐ
2	5	25
		+
	7	7
3	2	32



CHỤC	ĐƠN-VỊ	SỐ
3	6	36
		+
	7	7
4	3	43



CHỤC	ĐƠN-VỊ
5	4
	7

BÀI TẬP

Viết vào tập vở hay bảng đá tổng số các bài toán cộng dưới đây :

$$\begin{array}{r} 44 \\ + 7 \\ \hline \end{array} \quad \begin{array}{r} 58 \\ + 5 \\ \hline \end{array} \quad \begin{array}{r} 63 \\ + 8 \\ \hline \end{array} \quad \begin{array}{r} 72 \\ + 9 \\ \hline \end{array} \quad \begin{array}{r} 88 \\ + 6 \\ \hline \end{array} \quad \begin{array}{r} 96 \\ + 8 \\ \hline \end{array}$$

$$\begin{array}{r} 46 \\ + 9 \\ \hline \end{array} \quad \begin{array}{r} 57 \\ + 6 \\ \hline \end{array} \quad \begin{array}{r} 74 \\ + 7 \\ \hline \end{array} \quad \begin{array}{r} 75 \\ + 8 \\ \hline \end{array} \quad \begin{array}{r} 87 \\ + 5 \\ \hline \end{array} \quad \begin{array}{r} 98 \\ + 4 \\ \hline \end{array}$$

$$\begin{array}{r} 25 \\ + 6 \\ + 7 \\ \hline \end{array} \quad \begin{array}{r} 34 \\ + 3 \\ + 5 \\ \hline \end{array} \quad \begin{array}{r} 47 \\ + 8 \\ + 4 \\ \hline \end{array} \quad \begin{array}{r} 50 \\ + 9 \\ + 6 \\ \hline \end{array} \quad \begin{array}{r} 66 \\ + 8 \\ + 3 \\ \hline \end{array} \quad \begin{array}{r} 80 \\ + 6 \\ + 7 \\ \hline \end{array}$$

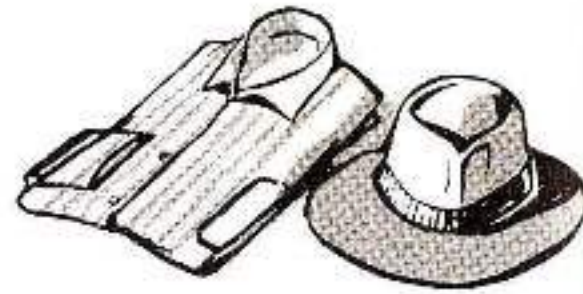
$$\begin{array}{r} 9 \\ + 3 \\ + 16 \\ \hline \end{array} \quad \begin{array}{r} 5 \\ + 2 \\ + 27 \\ \hline \end{array} \quad \begin{array}{r} 8 \\ + 3 \\ + 35 \\ \hline \end{array} \quad \begin{array}{r} 7 \\ + 8 \\ + 42 \\ \hline \end{array} \quad \begin{array}{r} 9 \\ + 6 \\ + 58 \\ \hline \end{array} \quad \begin{array}{r} 6 \\ + 5 \\ + 63 \\ \hline \end{array}$$

TOÁN ĐỐ

- Lớp Tư mua 26 quyển tập đọc và 8 quyển toán. Hỏi lớp Tư mua tất cả bao nhiêu quyển sách ?
- Tám may một cái áo. Tiền vải hết 39\$, tiền nút 5\$. Vậy cái áo ấy tốn hết bao nhiêu tiền ?
- Ba trò Nam có nuôi 46 con vịt trắng, 8 con vịt đen và 9 con vịt xám. Tính coi ba trò Nam nuôi tất cả bao nhiêu con vịt ?
- Đầu năm, Ba má Thu cho Thu 24\$, chú cho 5\$, cậu cho 8\$. Thu được tất cả bao nhiêu tiền ?

TOÁN CỘNG CÓ NHỚ (Tiếp theo)

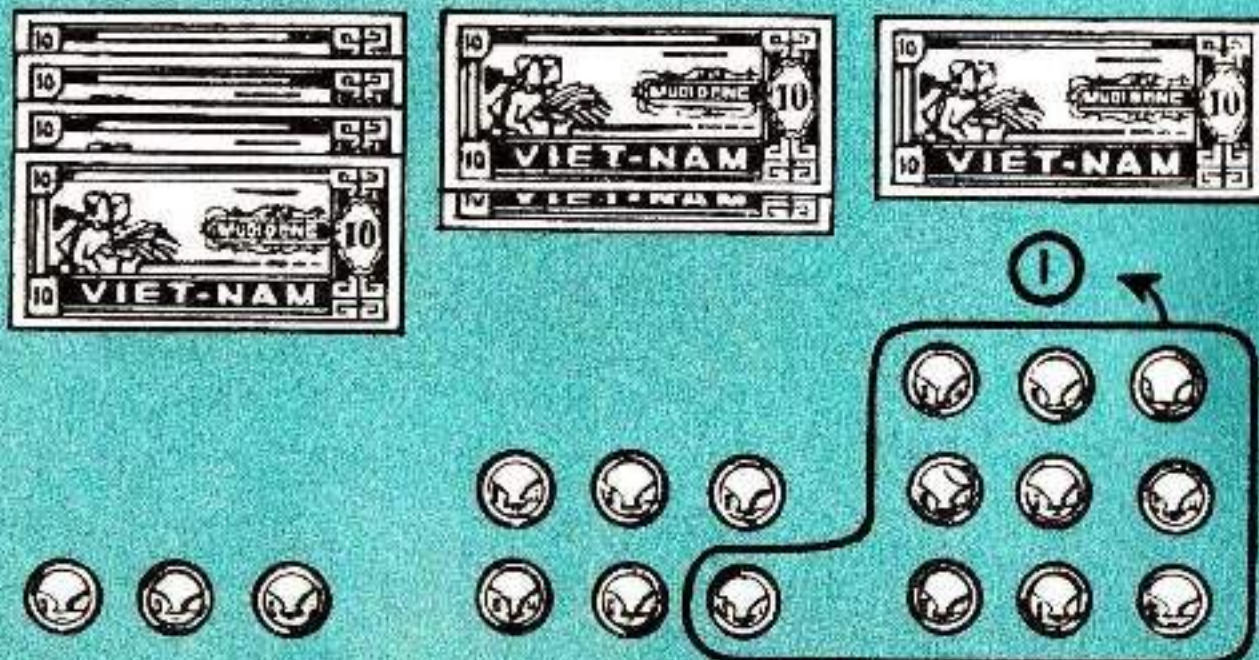
1. Bảy mua một cái áo sơ-mi giá 57\$ và một cái nón giá 36\$. Bảy phải trả hai món đồ ấy bao nhiêu tiền?



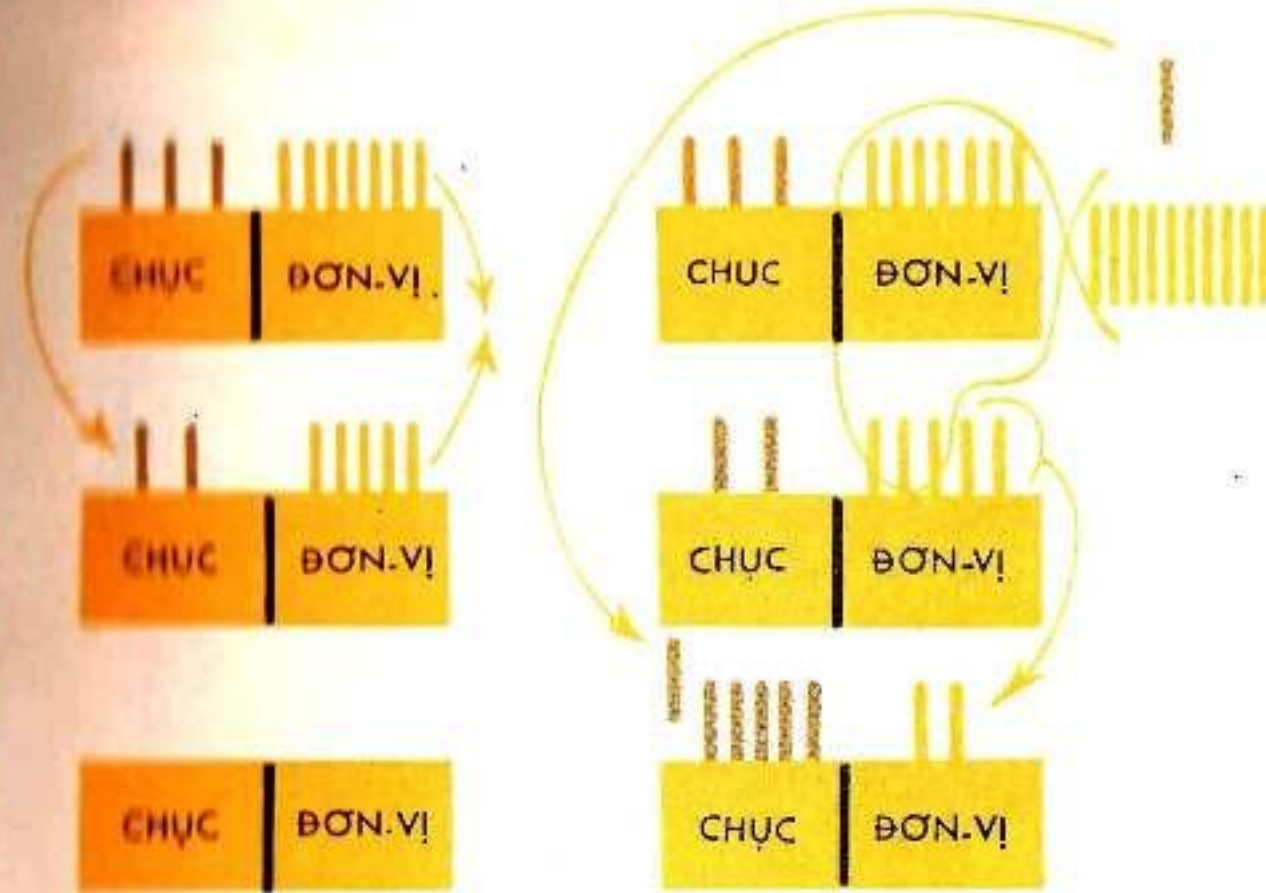
CHỤC	ĐƠN-VỊ
5	7
3	6



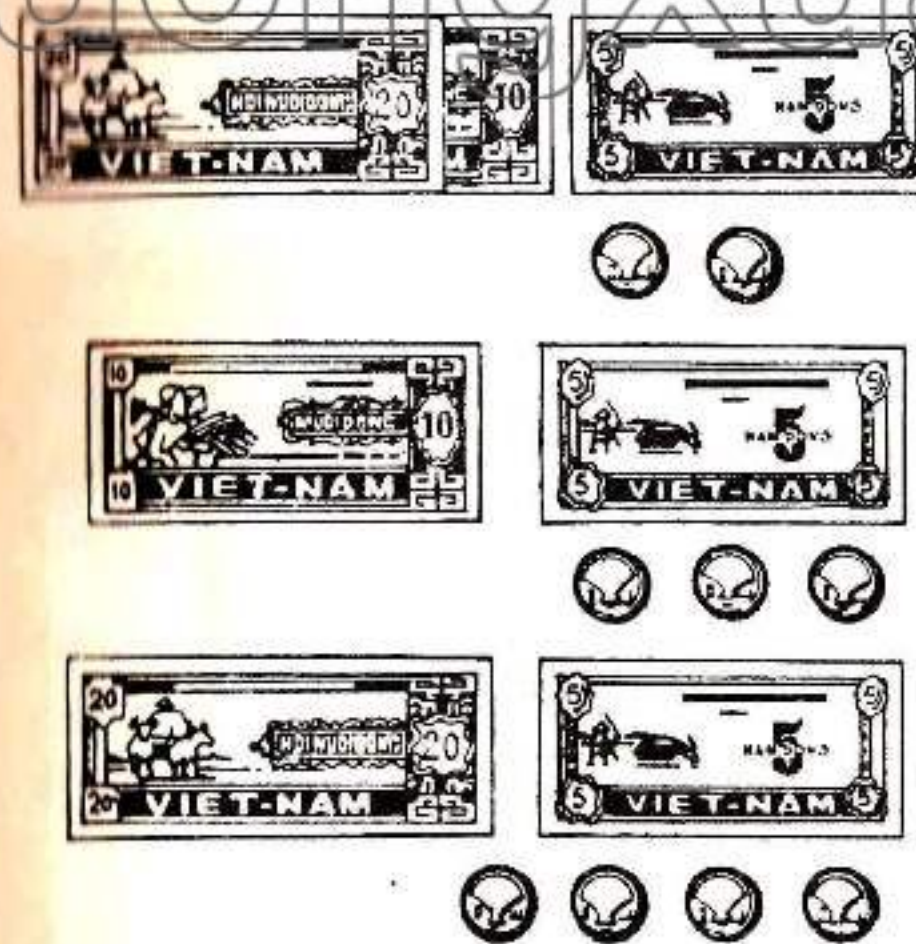
2. Người cha lãnh 43\$ một ngày, người mẹ lãnh 26\$ và người con lãnh 19\$. Hỏi cả ba người lãnh một ngày bao nhiêu tiền?



CHỤC	ĐƠN-VỊ
4	3
2	6
1	9



CHỤC	ĐƠN-VỊ
3	7
+	2 5
6	2



CHỤC	ĐƠN-VỊ	SỐ
3	7	37
1	8	18
2	9	29
8	4	84

BÀI TẬP

Viết vào tập vở hay bảng đã tổng số các bài toán cộng dưới đây:

$$\begin{array}{r} 19 \\ + 54 \\ \hline \end{array} \quad \begin{array}{r} 24 \\ + 18 \\ \hline \end{array} \quad \begin{array}{r} 39 \\ + 25 \\ \hline \end{array} \quad \begin{array}{r} 43 \\ + 26 \\ \hline \end{array} \quad \begin{array}{r} 74 \\ + 19 \\ \hline \end{array} \quad \begin{array}{r} 49 \\ + 23 \\ \hline \end{array}$$

$$\begin{array}{r} 17 \\ + 79 \\ \hline \end{array} \quad \begin{array}{r} 24 \\ + 58 \\ \hline \end{array} \quad \begin{array}{r} 26 \\ + 56 \\ \hline \end{array} \quad \begin{array}{r} 68 \\ + 24 \\ \hline \end{array} \quad \begin{array}{r} 55 \\ + 28 \\ \hline \end{array} \quad \begin{array}{r} 77 \\ + 27 \\ \hline \end{array}$$

$$\begin{array}{r} 36 \\ + 25 \\ \hline \end{array} \quad \begin{array}{r} 48 \\ + 36 \\ \hline \end{array} \quad \begin{array}{r} 54 \\ + 37 \\ \hline \end{array} \quad \begin{array}{r} 57 \\ + 29 \\ \hline \end{array} \quad \begin{array}{r} 63 \\ + 48 \\ \hline \end{array} \quad \begin{array}{r} 88 \\ + 78 \\ \hline \end{array}$$

$$\begin{array}{r} 25 \\ + 32 \\ \hline \end{array} \quad \begin{array}{r} 35 \\ + 25 \\ \hline \end{array} \quad \begin{array}{r} 14 \\ + 43 \\ \hline \end{array} \quad \begin{array}{r} 29 \\ + 50 \\ \hline \end{array} \quad \begin{array}{r} 27 \\ + 44 \\ \hline \end{array} \quad \begin{array}{r} 36 \\ + 23 \\ \hline \end{array}$$

$$\begin{array}{r} 19 \\ + 27 \\ \hline \end{array} \quad \begin{array}{r} 36 \\ + 24 \\ \hline \end{array} \quad \begin{array}{r} 48 \\ + 18 \\ \hline \end{array} \quad \begin{array}{r} 22 \\ + 57 \\ \hline \end{array} \quad \begin{array}{r} 63 \\ + 21 \\ \hline \end{array} \quad \begin{array}{r} 24 \\ + 32 \\ \hline \end{array}$$

TOÁN ĐO

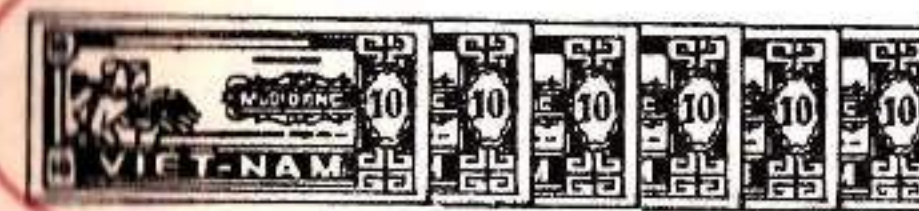
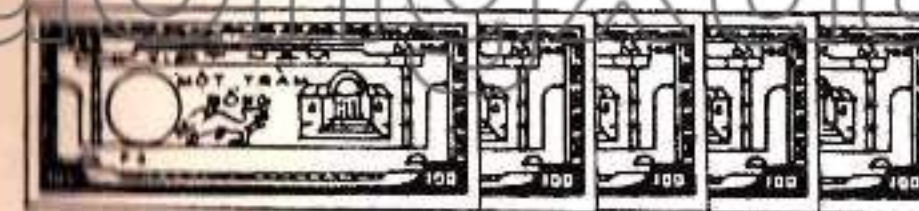
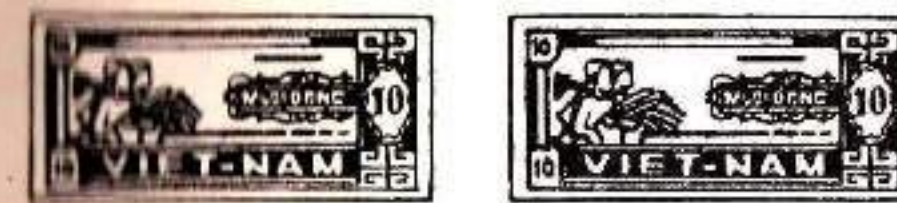
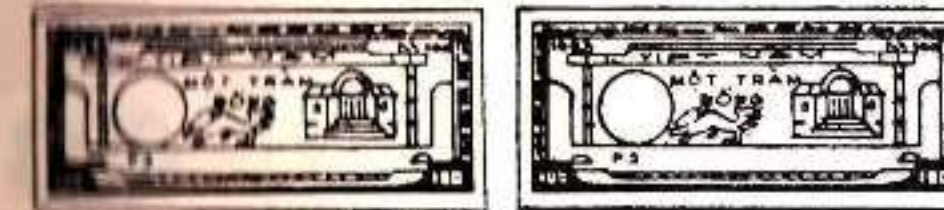
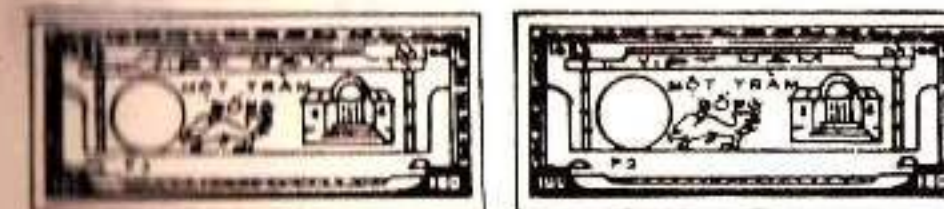
- Lớp Tư A có 38 trò. Lớp Tư B có 36 trò. Hai lớp Tư có bao nhiêu trò?
- Tủ lớp học có hai ngăn. Ngăn trên đựng 45 cuốn sách. Ngăn dưới đựng 58 cuốn sách. Hai ngăn đựng được bao nhiêu cuốn sách?
- Mẹ trò đi chợ mua một hộp bánh 27\$, một bắp cải 19\$, một con gà 45\$. Mẹ trò trả hết bao nhiêu tiền?



NHỮNG SỐ TỪ 400 ĐẾN 700

HỌC ÔN: TOÁN TRỪ

NHỮNG SỐ TỪ 400 ĐẾN 700



TRĂM	CHỤC	ĐƠN-VI
4	0	0
4	2	3
5	0	0
	6	0
5	6	8

TRĂM	CHỤC	ĐƠN.VỊ	SỐ
			639
			693

BÀI TẬP

Xem số ghi trong bàn toán mà viết vào tập:

TRĂM	CHỤC	ĐƠN.VỊ	TRĂM	CHỤC	ĐƠN.VỊ	TRĂM	CHỤC	ĐƠN.VỊ
								
								
								

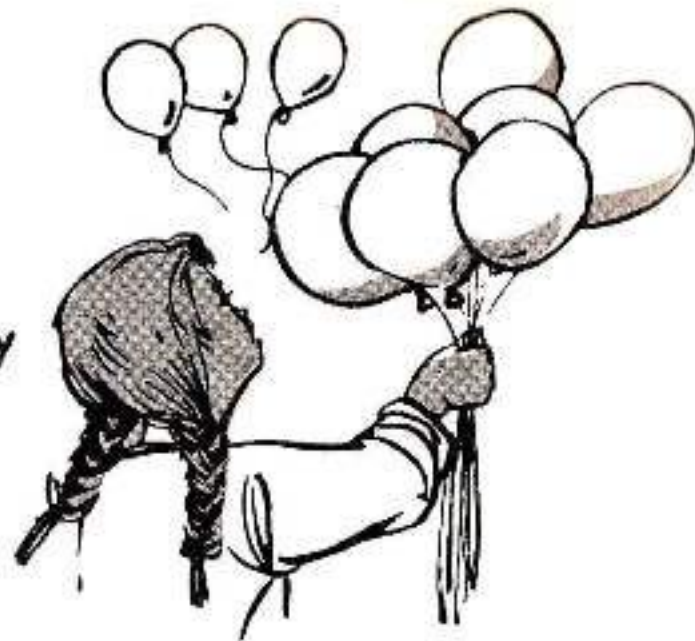
Số nào liền sau những số này? Viết vào tập

517, 518,.....	478, 479,.....	611, 612,.....
536, 537,.....	408, 409,.....	625, 626,.....
428, 429,.....	618, 619,.....	505, 506,.....
634, 635,.....	583, 584,.....	453, 454,.....
599, 600,.....	497, 498,.....	608, 609,.....

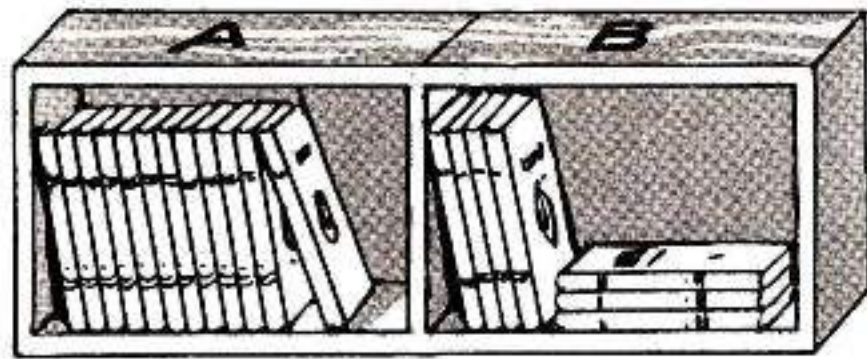
Số nào lớn nhất trong mỗi hàng số sau đây? Viết vào tập

443, 447, (461)	558, 554, 552	662, 660, 664
437, 468, 425	464, 452, 479	480, 448, 479
518, 562, 527	530, 548, 551	547, 523, 532
570, 601, 499	380, 578, 625	611, 485, 509
512, 468, 389	436, 571, 600	582, 613, 497

HỌC ÔN : TRỪ SỐ MỘT CON VỚI SỐ HAI CON

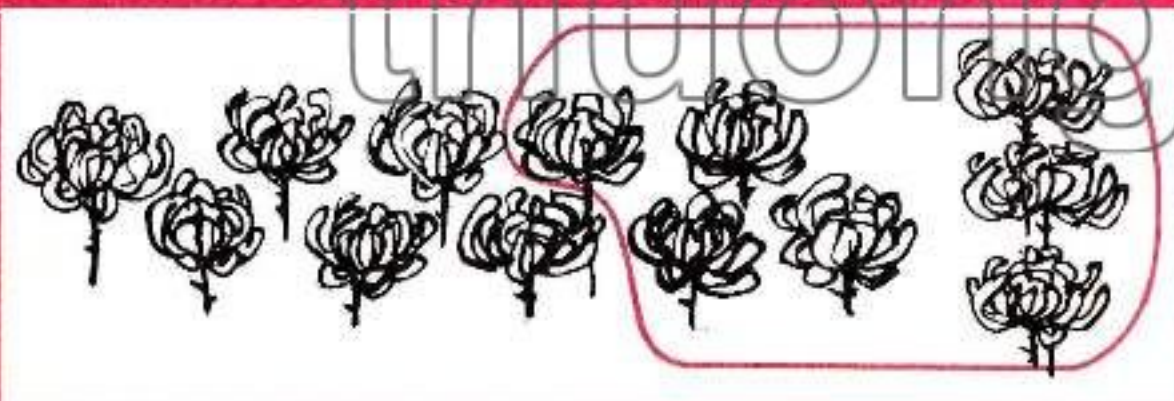


1. Em Thu có 10 quả bóng. Em đánh bay mất 3 quả, hỏi em còn mấy quả ?

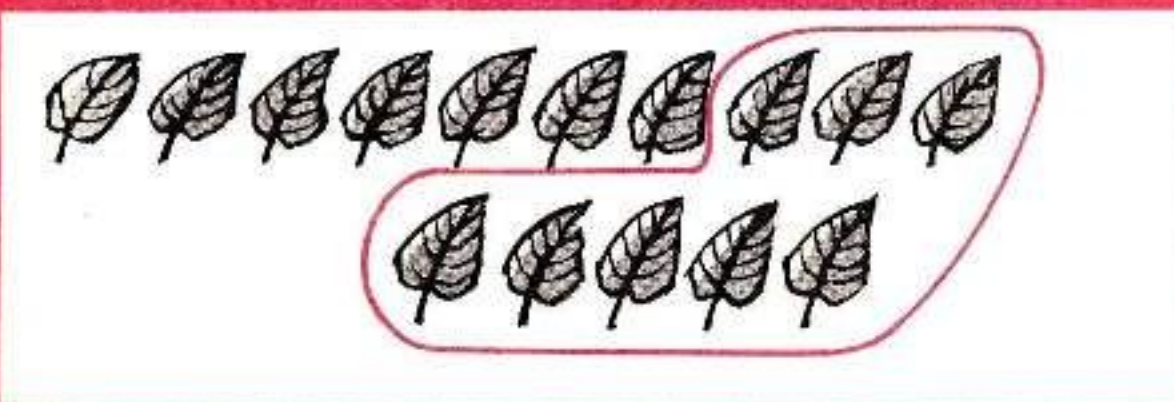


2. Ngăn A có 12 quyển sách. Ngăn B có 7 quyển sách. Hỏi ngăn A có hơn ngăn B mấy quyển sách ?

Toán trừ : Số lớn dưới 20, số nhỏ là số một con.



CHỤC	ĐƠN VỊ	SỐ
1	3	13
	7	- 7
	6	6



CHỤC	ĐƠN VỊ	SỐ
1	5	15
	8	- 8
	7	7

1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17
---	---	---	---	---	---	---	---	---	----	----	----	----	----	----	----	----

$$17 - 8 = 9$$

BÀI TẬP

Làm những toán trừ dưới đây vào tập :

$\begin{array}{r} 10 \\ - 1 \\ \hline \end{array}$	$\begin{array}{r} 10 \\ - 2 \\ \hline \end{array}$	$\begin{array}{r} 10 \\ - 3 \\ \hline \end{array}$	$\begin{array}{r} 10 \\ - 4 \\ \hline \end{array}$	$\begin{array}{r} 10 \\ - 5 \\ \hline \end{array}$	$\begin{array}{r} 10 \\ - 6 \\ \hline \end{array}$	$\begin{array}{r} 10 \\ - 7 \\ \hline \end{array}$	$\begin{array}{r} 10 \\ - 8 \\ \hline \end{array}$	$\begin{array}{r} 10 \\ - 9 \\ \hline \end{array}$
$\begin{array}{r} 11 \\ - 2 \\ \hline \end{array}$	$\begin{array}{r} 11 \\ - 3 \\ \hline \end{array}$	$\begin{array}{r} 11 \\ - 4 \\ \hline \end{array}$	$\begin{array}{r} 11 \\ - 5 \\ \hline \end{array}$	$\begin{array}{r} 11 \\ - 6 \\ \hline \end{array}$	$\begin{array}{r} 11 \\ - 7 \\ \hline \end{array}$	$\begin{array}{r} 11 \\ - 8 \\ \hline \end{array}$	$\begin{array}{r} 11 \\ - 9 \\ \hline \end{array}$	$\begin{array}{r} 12 \\ - 3 \\ \hline \end{array}$
$\begin{array}{r} 12 \\ - 4 \\ \hline \end{array}$	$\begin{array}{r} 12 \\ - 5 \\ \hline \end{array}$	$\begin{array}{r} 12 \\ - 6 \\ \hline \end{array}$	$\begin{array}{r} 12 \\ - 7 \\ \hline \end{array}$	$\begin{array}{r} 12 \\ - 8 \\ \hline \end{array}$	$\begin{array}{r} 12 \\ - 9 \\ \hline \end{array}$	$\begin{array}{r} 13 \\ - 4 \\ \hline \end{array}$	$\begin{array}{r} 13 \\ - 5 \\ \hline \end{array}$	$\begin{array}{r} 13 \\ - 6 \\ \hline \end{array}$
$\begin{array}{r} 13 \\ - 7 \\ \hline \end{array}$	$\begin{array}{r} 13 \\ - 8 \\ \hline \end{array}$	$\begin{array}{r} 13 \\ - 9 \\ \hline \end{array}$	$\begin{array}{r} 14 \\ - 5 \\ \hline \end{array}$	$\begin{array}{r} 14 \\ - 6 \\ \hline \end{array}$	$\begin{array}{r} 14 \\ - 7 \\ \hline \end{array}$	$\begin{array}{r} 14 \\ - 8 \\ \hline \end{array}$	$\begin{array}{r} 14 \\ - 9 \\ \hline \end{array}$	$\begin{array}{r} 15 \\ - 6 \\ \hline \end{array}$
$\begin{array}{r} 15 \\ - 7 \\ \hline \end{array}$	$\begin{array}{r} 15 \\ - 8 \\ \hline \end{array}$	$\begin{array}{r} 15 \\ - 9 \\ \hline \end{array}$	$\begin{array}{r} 16 \\ - 7 \\ \hline \end{array}$	$\begin{array}{r} 16 \\ - 8 \\ \hline \end{array}$	$\begin{array}{r} 16 \\ - 9 \\ \hline \end{array}$	$\begin{array}{r} 17 \\ - 8 \\ \hline \end{array}$	$\begin{array}{r} 17 \\ - 9 \\ \hline \end{array}$	$\begin{array}{r} 18 \\ - 9 \\ \hline \end{array}$

TOÁN ĐỐ

- Má có 9 trái mận, cho Bé 4 trái. Hỏi má còn bao nhiêu mận ?
- Em Nam có 12 ngòi bút, dùng hết 5 ngòi. Hỏi còn lại mấy ngòi ?
- Chị Hảo có 16\$ đi chợ mua một nải chuối 8\$. Hỏi chị còn lại bao nhiêu tiền ?
- Hải có 16 bi, Hà có 7 bi. Hỏi Hải có hơn Hà mấy bi ?
- Bà Hai muốn mua một hộp sữa giá 15\$, bà có 8\$. Hỏi bà còn thiếu bao nhiêu tiền mới mua được một hộp sữa ?
- Một xấp vải dài 18m, người ta bán 9m. Hỏi xấp vải còn lại mấy mét ?

TOÁN TRỪ NHỮNG SỐ HAI CON (không nhớ)



Em Sơn có một chùm 28 trái nhãn. Em lấy ra 12 trái cho em bé. Hỏi Sơn còn bao nhiêu trái nhãn ?

$$28 - 12 =$$

CHỤC	ĐƠN.VỊ	SỐ
2	7	27
1	5	15
1	2	12

CHỤC	ĐƠN.VỊ	SỐ
3	8	38
1	6	16
2	2	22

CHỤC	ĐƠN.VỊ	SỐ
6	6	66
2	4	24
4	2	42

CHỤC	ĐƠN.VỊ	SỐ
9	7	97
3	5	35
6	2	62

BÀI TẬP

Làm những toán trừ dưới đây vào tập vở :

$$\begin{array}{r} 25 \\ - 15 \\ \hline \end{array} \quad \begin{array}{r} 27 \\ - 14 \\ \hline \end{array} \quad \begin{array}{r} 29 \\ - 17 \\ \hline \end{array} \quad \begin{array}{r} 28 \\ - 16 \\ \hline \end{array} \quad \begin{array}{r} 39 \\ - 18 \\ \hline \end{array} \quad \begin{array}{r} 36 \\ - 15 \\ \hline \end{array} \quad \begin{array}{r} 37 \\ - 17 \\ \hline \end{array} \quad \begin{array}{r} 38 \\ - 16 \\ \hline \end{array}$$

$$\begin{array}{r} 48 \\ - 27 \\ \hline \end{array} \quad \begin{array}{r} 46 \\ - 25 \\ \hline \end{array} \quad \begin{array}{r} 44 \\ - 24 \\ \hline \end{array} \quad \begin{array}{r} 45 \\ - 14 \\ \hline \end{array} \quad \begin{array}{r} 59 \\ - 27 \\ \hline \end{array} \quad \begin{array}{r} 58 \\ - 26 \\ \hline \end{array} \quad \begin{array}{r} 56 \\ - 25 \\ \hline \end{array} \quad \begin{array}{r} 57 \\ - 16 \\ \hline \end{array}$$

$$\begin{array}{r} 64 \\ - 32 \\ \hline \end{array} \quad \begin{array}{r} 65 \\ - 24 \\ \hline \end{array} \quad \begin{array}{r} 67 \\ - 43 \\ \hline \end{array} \quad \begin{array}{r} 68 \\ - 57 \\ \hline \end{array} \quad \begin{array}{r} 73 \\ - 61 \\ \hline \end{array} \quad \begin{array}{r} 75 \\ - 45 \\ \hline \end{array} \quad \begin{array}{r} 77 \\ - 62 \\ \hline \end{array} \quad \begin{array}{r} 74 \\ - 53 \\ \hline \end{array}$$

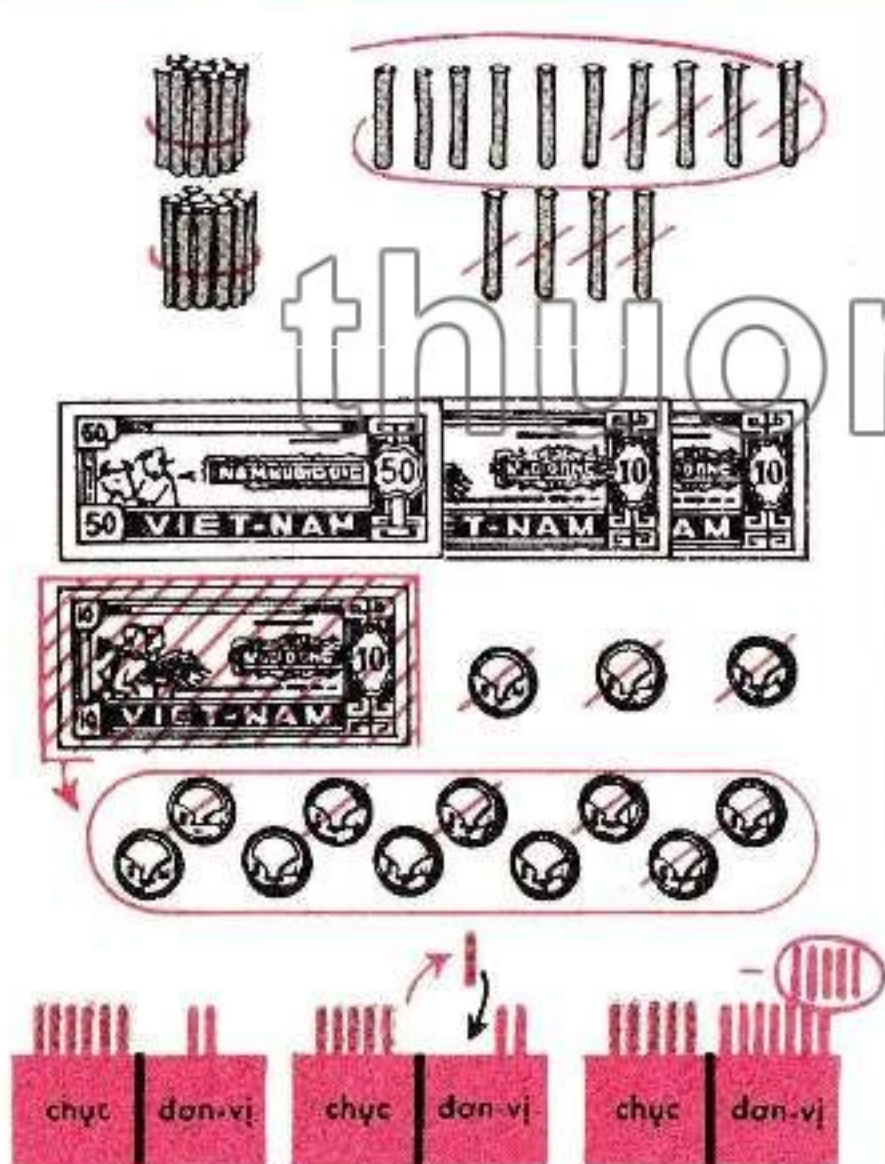
$$\begin{array}{r} 27 \\ - 10 \\ \hline \end{array} \quad \begin{array}{r} 35 \\ - 20 \\ \hline \end{array} \quad \begin{array}{r} 40 \\ - 30 \\ \hline \end{array} \quad \begin{array}{r} 56 \\ - 20 \\ \hline \end{array} \quad \begin{array}{r} 72 \\ - 40 \\ \hline \end{array} \quad \begin{array}{r} 60 \\ - 30 \\ \hline \end{array} \quad \begin{array}{r} 85 \\ - 50 \\ \hline \end{array} \quad \begin{array}{r} 93 \\ - 60 \\ \hline \end{array}$$

$$\begin{array}{r} 84 \\ - 64 \\ \hline \end{array} \quad \begin{array}{r} 86 \\ - 53 \\ \hline \end{array} \quad \begin{array}{r} 87 \\ - 74 \\ \hline \end{array} \quad \begin{array}{r} 82 \\ - 41 \\ \hline \end{array} \quad \begin{array}{r} 91 \\ - 50 \\ \hline \end{array} \quad \begin{array}{r} 96 \\ - 65 \\ \hline \end{array} \quad \begin{array}{r} 95 \\ - 72 \\ \hline \end{array} \quad \begin{array}{r} 98 \\ - 63 \\ \hline \end{array}$$

TOÁN ĐỐ

1. Vân có một gói 28 viên kẹo. Vân đã ăn hết 15 viên. Hỏi Vân còn bao nhiêu viên kẹo ?
2. Một cuộn vải dài 45m, người ta bán 12m. Hỏi còn lại bao nhiêu mét vải ?
3. Chị Xuân có 48\$ tiêu hết 25\$. Hỏi chị còn bao nhiêu ?
4. Lớp Tư có 45 học-sinh. Lớp Năm có 56 học-sinh. Hỏi lớp Năm có hơn lớp Tư bao nhiêu học-sinh ?
5. Bà Hai có 68 trái cam, bán 34 trái. Hỏi bà còn bao nhiêu trái cam ?
6. Chị tôi đem 79\$ đi chợ, mua thức ăn hết 57\$. Hỏi chị tôi còn bao nhiêu tiền ?

TOÁN TRỪ :
SỐ LỚN HAI CON, SỐ NHỎ MỘT CON (có nhớ)



chục	đơn-vị	chục	đơn-vị	chục	đơn-vị
				2	(14)
3	4	2	(14)	2	4
	8		8		8
				2	6
8	3	7	(13)	7	(13)
	9		9	8	3
				7	4
6	2	5	(12)	5	(12)
	5		5	6	2
				5	7

PHẦN GIÁO VIÊN :

Trong toán trừ $34 - 8$, 4 đơn-vị không thể trừ đi 8 đơn-vị được. Vậy ta phải lấy 1 chục trong hàng chục để đổi ra 10 đơn-vị. Như thế thay vì có 3 chục và 4 đơn-vị, ta có 2 chục và 14 đơn-vị. Bây giờ ta có thể lấy 14 đơn-vị trừ 8.

BÀI TẬP

Làm những toán trừ dưới đây vào tập vở :

$$\begin{array}{r} 24 \\ - 6 \\ \hline \end{array} \quad \begin{array}{r} 32 \\ - 5 \\ \hline \end{array} \quad \begin{array}{r} 21 \\ - 4 \\ \hline \end{array} \quad \begin{array}{r} 34 \\ - 7 \\ \hline \end{array} \quad \begin{array}{r} 26 \\ - 8 \\ \hline \end{array} \quad \begin{array}{r} 30 \\ - 3 \\ \hline \end{array}$$

$$\begin{array}{r} 42 \\ - 6 \\ \hline \end{array} \quad \begin{array}{r} 40 \\ - 4 \\ \hline \end{array} \quad \begin{array}{r} 46 \\ - 7 \\ \hline \end{array} \quad \begin{array}{r} 53 \\ - 8 \\ \hline \end{array} \quad \begin{array}{r} 45 \\ - 6 \\ \hline \end{array} \quad \begin{array}{r} 54 \\ - 5 \\ \hline \end{array}$$

$$\begin{array}{r} 63 \\ - 7 \\ \hline \end{array} \quad \begin{array}{r} 71 \\ - 8 \\ \hline \end{array} \quad \begin{array}{r} 65 \\ - 7 \\ \hline \end{array} \quad \begin{array}{r} 70 \\ - 6 \\ \hline \end{array} \quad \begin{array}{r} 66 \\ - 9 \\ \hline \end{array} \quad \begin{array}{r} 75 \\ - 7 \\ \hline \end{array}$$

$$\begin{array}{r} 85 \\ - 8 \\ \hline \end{array} \quad \begin{array}{r} 93 \\ - 6 \\ \hline \end{array} \quad \begin{array}{r} 82 \\ - 4 \\ \hline \end{array} \quad \begin{array}{r} 94 \\ - 8 \\ \hline \end{array} \quad \begin{array}{r} 86 \\ - 8 \\ \hline \end{array} \quad \begin{array}{r} 91 \\ - 6 \\ \hline \end{array}$$

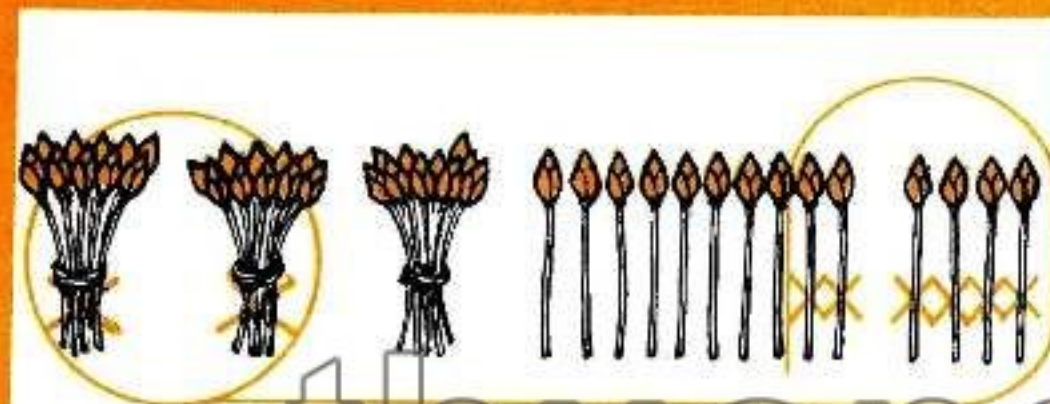
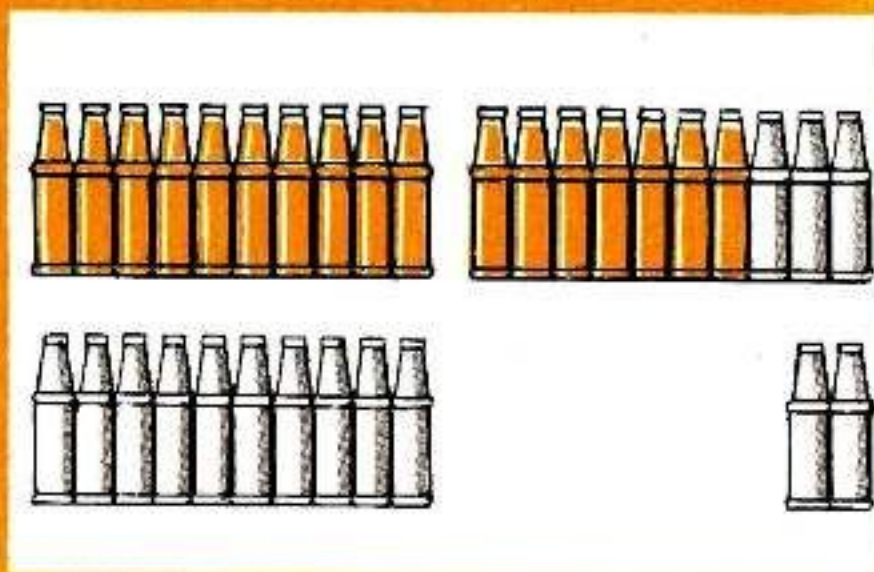


TOÁN ĐO

1. Khánh đề dành được 25% mua một cái kéo hết 9%. Hỏi còn lại bao nhiêu tiền ?
2. Một xấp vải dài 42m, người ta bán đi 8m. Hỏi còn lại mấy mét ?
3. Một lớp học có 63 trò, vắng mặt 7 trò. Hỏi có bao nhiêu trò đi học ?
4. Chị Trang đi chợ mua 25 hột gà, đem về làm bánh hết 8 hột. Hỏi còn lại bao nhiêu hột gà ?

TOÁN TRỪ NHỮNG SỐ HAI CON (có nhớ)

Có 32 chai nước cam, người ta uống hết 15 chai, hỏi còn lại mấy chai chưa uống ?



chục	đơn-vị	chục	đơn-vị	chục	đơn-vị
4	4	3	(14)	3	(14)
2	6	2	6	2	6
				1	8

TOÁN ĐỐ

- Một cái lồng đựng 31 con vịt. Người ta bán đi 16 con. Hỏi trong lồng còn bao nhiêu con ?
- Cha đếm một hộp kẹo có 63 cái kẹo chia cho các con hết 48 cái. Hỏi trong hộp còn bao nhiêu cái kẹo ?
- Chị Huệ để dành được 84\$. Chị mua đôi giày hết 65\$. Hỏi chị còn bao nhiêu tiền ?
- Một buồng cau có 92 trái. Người ta cắt ra 45 trái. Hỏi buồng cau còn mấy trái ?

BÀI TẬP

Làm những toán trừ dưới đây vào tập vở :

$$\begin{array}{r} 21 \\ - 15 \\ \hline \end{array}$$

$$\begin{array}{r} 23 \\ - 14 \\ \hline \end{array}$$

$$\begin{array}{r} 25 \\ - 7 \\ \hline \end{array}$$

$$\begin{array}{r} 24 \\ - 16 \\ \hline \end{array}$$

$$\begin{array}{r} 20 \\ - 18 \\ \hline \end{array}$$

$$\begin{array}{r} 16 \\ - 9 \\ \hline \end{array}$$

$$\begin{array}{r} 34 \\ - 17 \\ \hline \end{array}$$

$$\begin{array}{r} 36 \\ - 18 \\ \hline \end{array}$$

$$\begin{array}{r} 32 \\ - 14 \\ \hline \end{array}$$

$$\begin{array}{r} 27 \\ - 12 \\ \hline \end{array}$$

$$\begin{array}{r} 35 \\ - 26 \\ \hline \end{array}$$

$$\begin{array}{r} 37 \\ - 28 \\ \hline \end{array}$$

$$\begin{array}{r} 46 \\ - 27 \\ \hline \end{array}$$

$$\begin{array}{r} 41 \\ - 19 \\ \hline \end{array}$$

$$\begin{array}{r} 40 \\ - 25 \\ \hline \end{array}$$

$$\begin{array}{r} 47 \\ - 39 \\ \hline \end{array}$$

$$\begin{array}{r} 42 \\ - 20 \\ \hline \end{array}$$

$$\begin{array}{r} 33 \\ - 18 \\ \hline \end{array}$$

$$\begin{array}{r} 56 \\ - 29 \\ \hline \end{array}$$

$$\begin{array}{r} 55 \\ - 53 \\ \hline \end{array}$$

$$\begin{array}{r} 51 \\ - 24 \\ \hline \end{array}$$

$$\begin{array}{r} 59 \\ - 19 \\ \hline \end{array}$$

$$\begin{array}{r} 54 \\ - 38 \\ \hline \end{array}$$

$$\begin{array}{r} 53 \\ - 17 \\ \hline \end{array}$$

$$\begin{array}{r} 60 \\ - 23 \\ \hline \end{array}$$

$$\begin{array}{r} 62 \\ - 18 \\ \hline \end{array}$$

$$\begin{array}{r} 57 \\ - 46 \\ \hline \end{array}$$

$$\begin{array}{r} 61 \\ - 35 \\ \hline \end{array}$$

$$\begin{array}{r} 68 \\ - 59 \\ \hline \end{array}$$

$$\begin{array}{r} 65 \\ - 46 \\ \hline \end{array}$$

$$\begin{array}{r} 72 \\ - 65 \\ \hline \end{array}$$

$$\begin{array}{r} 78 \\ - 72 \\ \hline \end{array}$$

$$\begin{array}{r} 66 \\ - 39 \\ \hline \end{array}$$

$$\begin{array}{r} 78 \\ - 60 \\ \hline \end{array}$$

$$\begin{array}{r} 77 \\ - 58 \\ \hline \end{array}$$

$$\begin{array}{r} 71 \\ - 36 \\ \hline \end{array}$$

$$\begin{array}{r} 85 \\ - 75 \\ \hline \end{array}$$

$$\begin{array}{r} 80 \\ - 25 \\ \hline \end{array}$$

$$\begin{array}{r} 73 \\ - 47 \\ \hline \end{array}$$

$$\begin{array}{r} 72 \\ - 57 \\ \hline \end{array}$$

$$\begin{array}{r} 84 \\ - 66 \\ \hline \end{array}$$

$$\begin{array}{r} 81 \\ - 39 \\ \hline \end{array}$$

$$\begin{array}{r} 90 \\ - 62 \\ \hline \end{array}$$

$$\begin{array}{r} 96 \\ - 46 \\ \hline \end{array}$$

$$\begin{array}{r} 83 \\ - 76 \\ \hline \end{array}$$

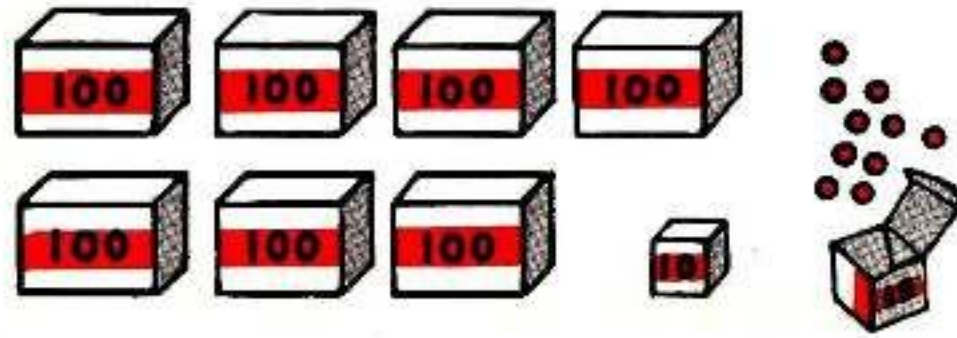
$$\begin{array}{r} 92 \\ - 54 \\ \hline \end{array}$$

$$\begin{array}{r} 91 \\ - 18 \\ \hline \end{array}$$

$$\begin{array}{r} 98 \\ - 89 \\ \hline \end{array}$$

NHỮNG SỐ TỪ 700 ĐẾN 999

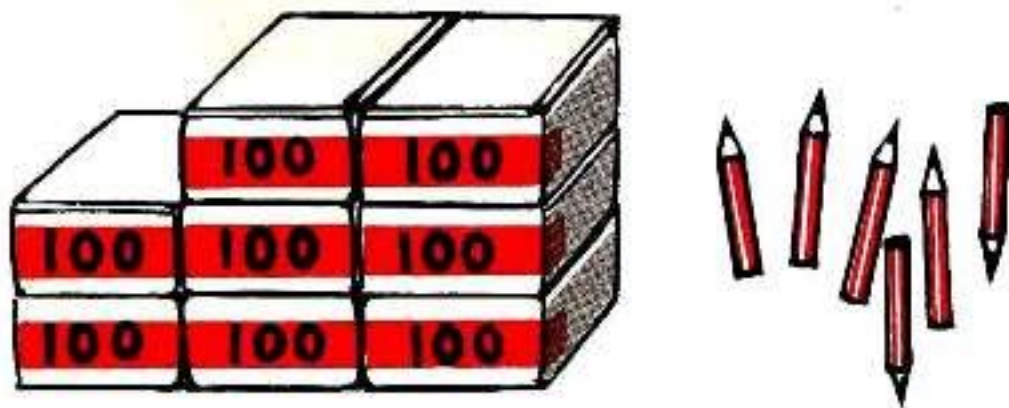
Những hộp kẹo



Có bao nhiêu viên kẹo tất cả?

TRĂM	CHỤC	ĐƠN.VỊ
7	0	0
	2	0
7	2	0
8	0	0
		6
8	0	6

Những hộp viết chì



Có bao nhiêu cây viết chì tất cả?

BÀI TẬP

- Đếm nhảy 2, từ 700 đến 750.
- Đếm nhảy 2, từ 751 đến 801.
- Đếm nhảy 5, từ 700 đến 800.
- Đếm từng chục, từ 800 đến 900.
- Viết từ 901 đến 951 — từ 951 đến 999.
- Số nào lớn nhất trong mỗi nhóm số sau đây:

780, 709, 738 — 820, 841, 851

800, 799, 812 — 880, 902, 901

- Số nào nhỏ nhất trong mỗi nhóm số sau đây:

750, 693, 716 — 815, 729, 903

830, 723, 815 — 820, 901, 778

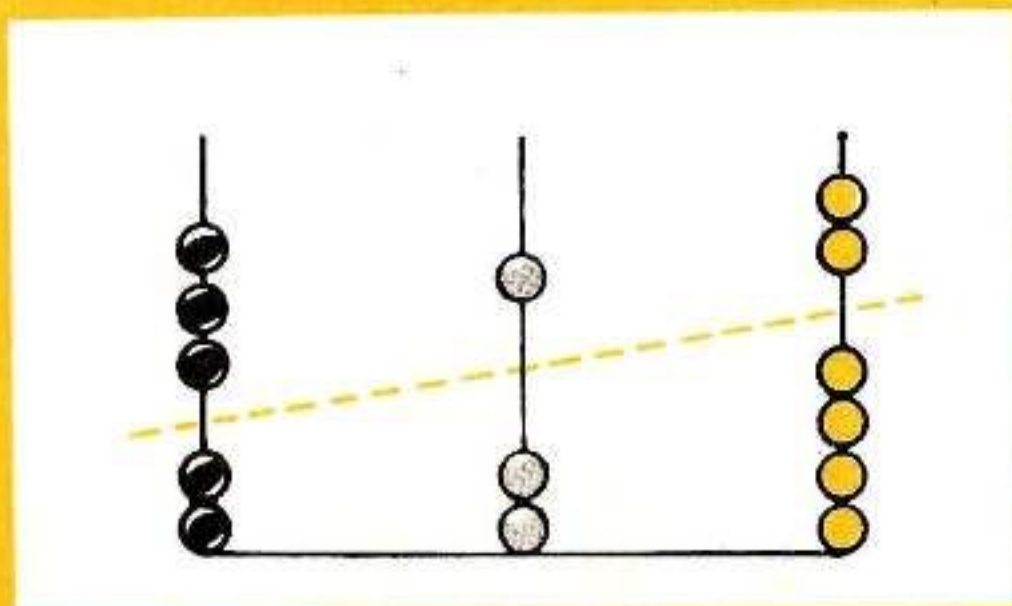
CỘNG NHỮNG SỐ CÓ HÀNG TRĂM (không nhớ)



1. Má trò Thu mua cho trò cái áo đầm giá 243\$ và cho em trai trò cái áo sơ-mi giá 132\$. Má trò Thu phải trả cho nhà hàng bao nhiêu tất cả ?

TRĂM	CHỤC	ĐƠN-VỊ	SỐ
2	4	3	243
1	3	2	+ 132
3	7	5	375

2. Chị Tám bán hàng mua hai thùng xà-bông thơm. Thùng thứ nhất đựng 224 bánh xà-bông thơm, thùng thứ hai lớn hơn đựng 312 bánh xà-bông. Hỏi hai thùng đựng tất cả bao nhiêu ?



TRĂM	CHỤC	ĐƠN-VỊ	SỐ
3	1	2	312
2	2	4	+ 224
			536

BÀI TẬP

Làm vào tập vở các bài toán cộng dưới đây :

$\begin{array}{r} 135 \\ + 114 \\ \hline \end{array}$	$\begin{array}{r} 152 \\ + 116 \\ \hline \end{array}$	$\begin{array}{r} 261 \\ + 37 \\ \hline \end{array}$	$\begin{array}{r} 303 \\ + 254 \\ \hline \end{array}$	$\begin{array}{r} 428 \\ + 261 \\ \hline \end{array}$	$\begin{array}{r} 517 \\ + 182 \\ \hline \end{array}$
$\begin{array}{r} 146 \\ + 213 \\ \hline \end{array}$	$\begin{array}{r} 217 \\ + 232 \\ \hline \end{array}$	$\begin{array}{r} 236 \\ + 202 \\ \hline \end{array}$	$\begin{array}{r} 318 \\ + 261 \\ \hline \end{array}$	$\begin{array}{r} 324 \\ + 53 \\ \hline \end{array}$	$\begin{array}{r} 483 \\ + 205 \\ \hline \end{array}$
$\begin{array}{r} 275 \\ + 123 \\ \hline \end{array}$	$\begin{array}{r} 356 \\ + 212 \\ \hline \end{array}$	$\begin{array}{r} 427 \\ + 352 \\ \hline \end{array}$	$\begin{array}{r} 510 \\ + 363 \\ \hline \end{array}$	$\begin{array}{r} 585 \\ + 213 \\ \hline \end{array}$	$\begin{array}{r} 723 \\ + 265 \\ \hline \end{array}$
$\begin{array}{r} 154 \\ + 223 \\ \hline \end{array}$	$\begin{array}{r} 336 \\ + 121 \\ \hline \end{array}$	$\begin{array}{r} 421 \\ + 312 \\ \hline \end{array}$	$\begin{array}{r} 543 \\ + 212 \\ \hline \end{array}$	$\begin{array}{r} 651 \\ + 123 \\ \hline \end{array}$	$\begin{array}{r} 714 \\ + 161 \\ \hline \end{array}$
$\begin{array}{r} 312 \\ + 233 \\ \hline \end{array}$	$\begin{array}{r} 42 \\ + 251 \\ \hline \end{array}$	$\begin{array}{r} 160 \\ + 243 \\ \hline \end{array}$	$\begin{array}{r} 232 \\ + 31 \\ \hline \end{array}$	$\begin{array}{r} 214 \\ + 122 \\ \hline \end{array}$	$\begin{array}{r} 113 \\ + 311 \\ \hline \end{array}$
$\begin{array}{r} 242 \\ + 321 \\ \hline \end{array}$	$\begin{array}{r} 124 \\ + 125 \\ \hline \end{array}$	$\begin{array}{r} 125 \\ + 243 \\ \hline \end{array}$	$\begin{array}{r} 24 \\ + 31 \\ \hline \end{array}$	$\begin{array}{r} 220 \\ + 122 \\ \hline \end{array}$	$\begin{array}{r} 123 \\ + 311 \\ \hline \end{array}$

TOÁN ĐỐ

1. Trong trường có 168 học trò trai và 221 học trò gái. Hỏi trường có bao nhiêu học trò tất cả ?
2. Tháng rồi, chị Thu dệt được 254m lụa, tháng này chị dệt được 135m. Trong hai tháng, chị dệt được tất cả bao nhiêu mét lụa ?
3. Ông Ba mua một cái tủ đựng sách giá 520\$ và một cái bàn giá 245\$. Hỏi ông Ba phải trả cho nhà hàng bao nhiêu ?
4. Ba toán thanh-niên cùng đắp một con đường. Toán I đắp được 143m, toán II, 124m, và toán III, 212m. Hỏi ba toán đắp được khoảng đường dài bao nhiêu ?
5. Tháng giêng anh Tư để dành được 321\$, tháng hai 243\$ và tháng ba 215\$. Hỏi trong ba tháng anh Tư để dành được bao nhiêu tiền ?

PHẦN GIÁO-VIÊN :

Thầy chỉ cho học trò biết : muốn cộng những con số có hàng trăm, người ta bắt đầu cộng các số hàng đơn-vị kể các số hàng chục và sau cùng các số hàng trăm.

TRỪ NHỮNG SỐ CÓ HÀNG TRĂM (không nhớ)



1. Ông Ba muốn mua một cái xe đạp giá 976\$. Ông chỉ có 850\$. Hỏi ông còn thiếu bao nhiêu tiền?

$$\begin{array}{r} 976 \\ - 850 \\ \hline \end{array}$$

$$\begin{array}{r} 976 \\ - 850 \\ \hline \end{array}$$

$$\begin{array}{r} 976\$ \\ - 850\$ \\ \hline 126\$ \end{array}$$

2. Chị Hai có 857m vải chị bán hết 325m. Tính coi chị còn lại bao nhiêu mét vải?

$$\begin{array}{r} 857 \\ - 325 \\ \hline \end{array}$$

$$\begin{array}{r} 857 \\ - 325 \\ \hline \end{array}$$

$$\begin{array}{r} 857\text{m} \\ - 325\text{m} \\ \hline 532\text{m} \end{array}$$

BÀI TẬP

Làm vào tập vở các bài toán trừ dưới đây:

$\begin{array}{r} 234 \\ - 122 \\ \hline \end{array}$	$\begin{array}{r} 367 \\ - 154 \\ \hline \end{array}$	$\begin{array}{r} 458 \\ - 37 \\ \hline \end{array}$	$\begin{array}{r} 594 \\ - 263 \\ \hline \end{array}$	$\begin{array}{r} 676 \\ - 360 \\ \hline \end{array}$	$\begin{array}{r} 785 \\ - 453 \\ \hline \end{array}$
$\begin{array}{r} 247 \\ - 135 \\ \hline \end{array}$	$\begin{array}{r} 386 \\ - 74 \\ \hline \end{array}$	$\begin{array}{r} 405 \\ - 203 \\ \hline \end{array}$	$\begin{array}{r} 568 \\ - 245 \\ \hline \end{array}$	$\begin{array}{r} 754 \\ - 441 \\ \hline \end{array}$	$\begin{array}{r} 876 \\ - 563 \\ \hline \end{array}$
$\begin{array}{r} 398 \\ - 275 \\ \hline \end{array}$	$\begin{array}{r} 369 \\ - 257 \\ \hline \end{array}$	$\begin{array}{r} 483 \\ - 361 \\ \hline \end{array}$	$\begin{array}{r} 545 \\ - 334 \\ \hline \end{array}$	$\begin{array}{r} 678 \\ - 405 \\ \hline \end{array}$	$\begin{array}{r} 856 \\ - 34 \\ \hline \end{array}$
$\begin{array}{r} 376 \\ - 255 \\ \hline \end{array}$	$\begin{array}{r} 493 \\ - 371 \\ \hline \end{array}$	$\begin{array}{r} 580 \\ - 260 \\ \hline \end{array}$	$\begin{array}{r} 654 \\ - 542 \\ \hline \end{array}$	$\begin{array}{r} 778 \\ - 463 \\ \hline \end{array}$	$\begin{array}{r} 896 \\ - 675 \\ \hline \end{array}$
$\begin{array}{r} 382 \\ - 241 \\ \hline \end{array}$	$\begin{array}{r} 468 \\ - 245 \\ \hline \end{array}$	$\begin{array}{r} 576 \\ - 452 \\ \hline \end{array}$	$\begin{array}{r} 767 \\ - 24 \\ \hline \end{array}$	$\begin{array}{r} 865 \\ - 734 \\ \hline \end{array}$	$\begin{array}{r} 927 \\ - 815 \\ \hline \end{array}$

TOÁN ĐÓ

- Năm rồi, cái áo mưa giá 145\$, năm nay cũng cái áo mưa như ấy giá 187\$. Hỏi năm nay cái áo mưa mắc hơn bao nhiêu tiền?
- Trường làng tôi năm ngoái có 863 trò, năm nay có 974 trò. Vậy số học trò năm nay hơn năm ngoái bao nhiêu?
- Một cuộn nhợ đo được 287m, tôi cắt bớt 152m. Hỏi cuộn nhợ ấy còn lại bao nhiêu mét?
- Anh Ba mua 385m dây kẽm gai để rào vườn. Anh dùng hết 232m. Hỏi anh còn lại bao nhiêu mét kẽm gai?
- Trong bữa tiệc có mời 324 khách ăn, nhưng chỉ có 213 người đến dự. Hỏi có bao nhiêu người vắng mặt?

PHẦN GIÁO VIÊN

Thầy chỉ cho học trò biết: Người ta trừ đơn vị cho đơn vị, chục cho chục, trăm cho trăm.

TOÁN CỘNG NHỮNG SỐ BA CON, CÓ NHỚ
PHÉP THỪ TOÁN CỘNG

HỌC ÔN : ĐỌC VÀ VIẾT NHỮNG SỐ ĐẾN 999

Đếm rồi viết vào vở từng trăm một từ 100 đến 900

100 200

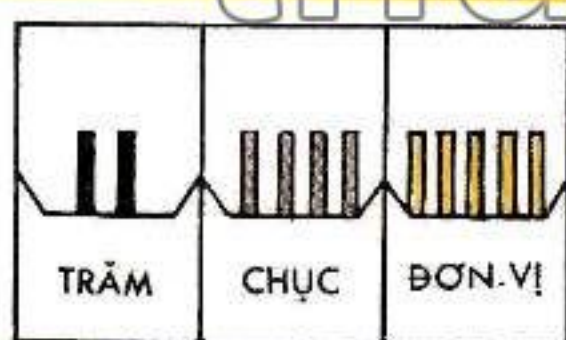
Đếm rồi viết từng năm chục từ 50 đến 500.

50 100

Đếm rồi viết từng chục một từ 110 đến 200.

110 120

Nhìn hình vẽ viết ra số và nói số đó có mấy trăm, mấy chục, mấy đơn vị.



TRĂM	CHỤC	ĐƠN-VỊ	SỐ
2	4	5	245

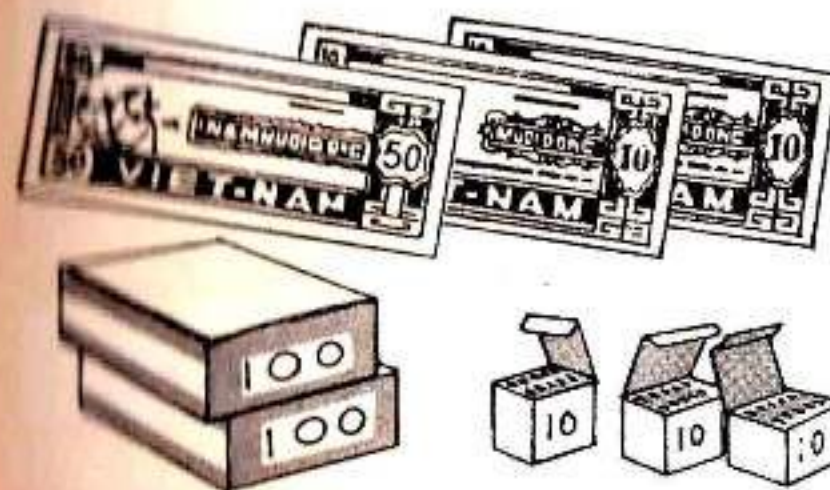
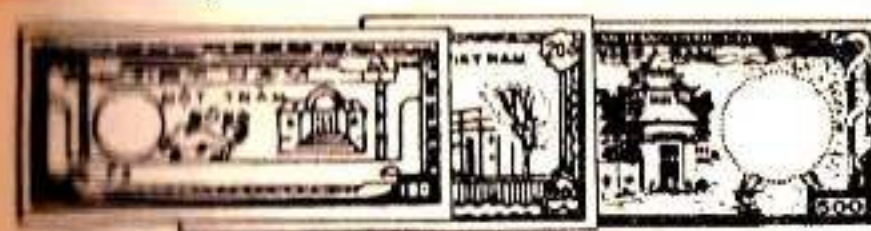


TRĂM CHỤC ĐƠN-VỊ

TRĂM	CHỤC	ĐƠN-VỊ	SỐ



TRĂM	CHỤC	ĐƠN-VỊ	SỐ



TRĂM	CHỤC	ĐƠN-VỊ	SỐ

Sắp lại theo thứ-tự số lớn trước, số nhỏ sau và viết vào bảng đã :

- A. 210 241 283 236 270 252
B. 416 325 810 294 612 704

Sắp theo thứ-tự số nhỏ trước, số lớn sau và viết vào bảng đã :

- A. 375 305 347 360 326 351
B. 556 480 614 702 504 399

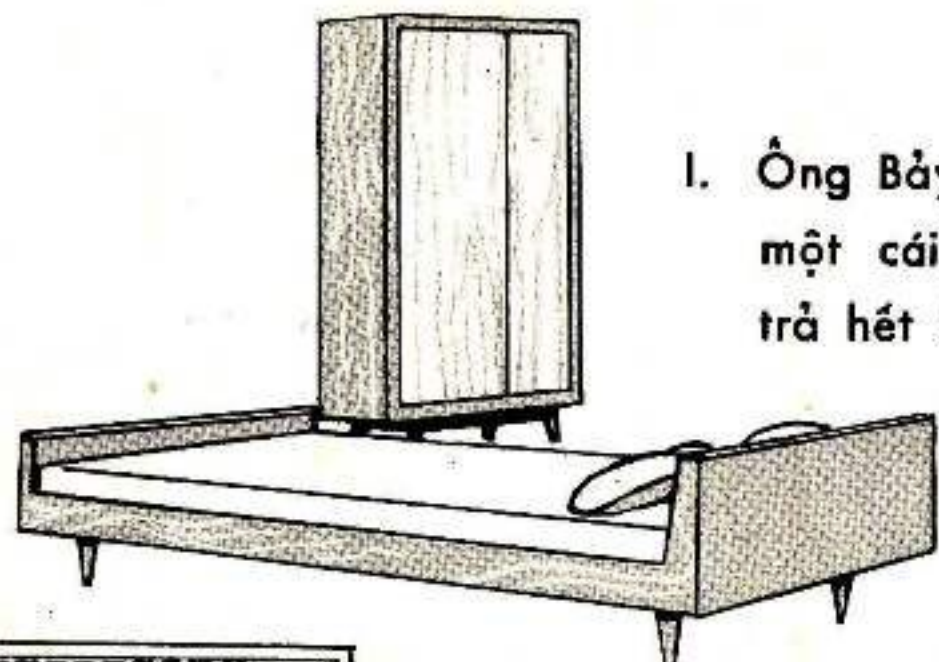
Đọc những số sau này :

305, 926, 733, 615, 206, 483.

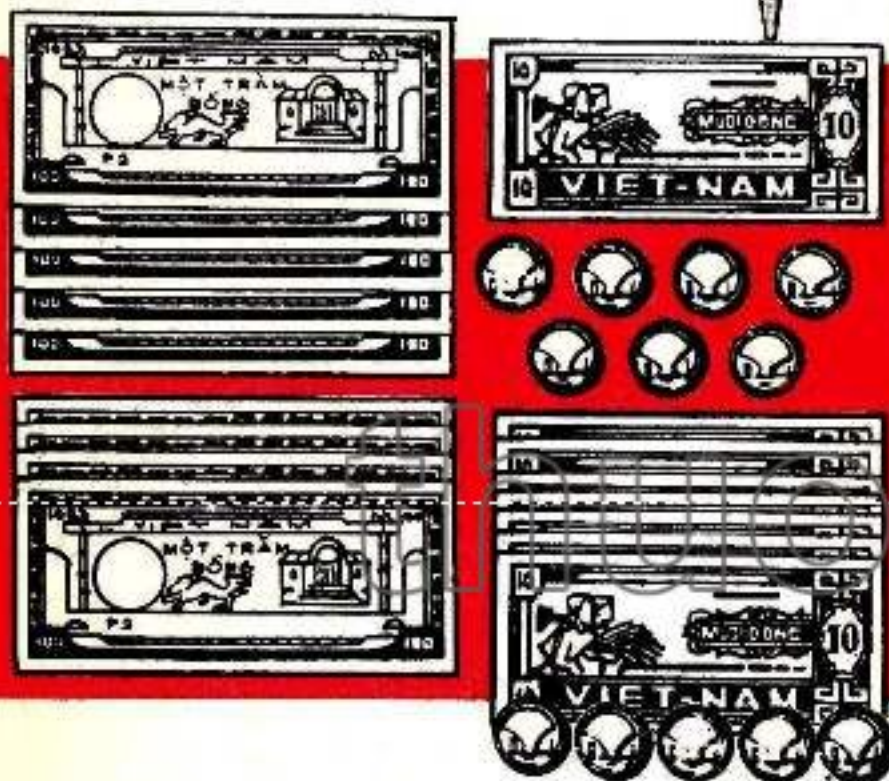
Viết những số sau này vào bảng đã :

- a) Hai trăm bốn mươi hai
b) Năm trăm lẻ chín
c) Bảy trăm năm mươi tám
d) Bốn trăm lẻ ba
e) Ba trăm ba mươi ba

TOÁN CỘNG NHỮNG SỐ BA CON (có nhớ)



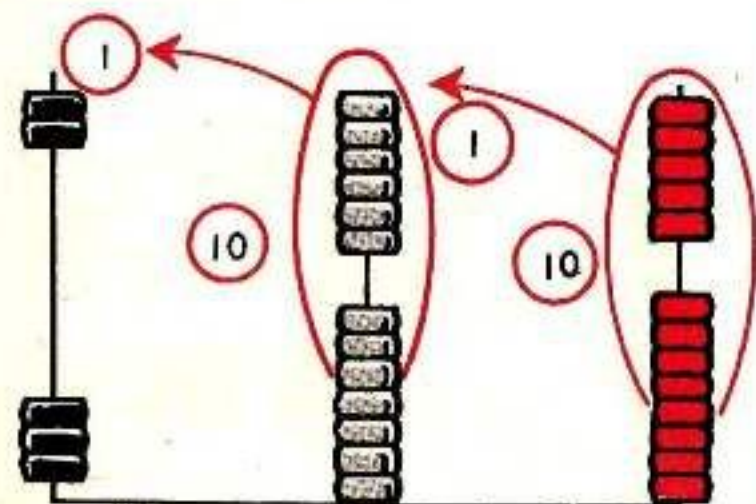
1. Ông Bảy mua một cái tủ giá 517\$ và một cái giường giá 475\$. Ông Bảy trả hết bao nhiêu tiền ?



TRĂM	CHỤC	ĐƠN.VỊ
5	1	7
4	7	5
9	9	2

$$\begin{array}{r} 517 \\ + 475 \\ \hline 992 \end{array}$$

2. Tâm có 265\$. Chánh có 378\$. Hỏi Tâm và Chánh có tất cả bao nhiêu tiền ?



TRĂM	CHỤC	ĐƠN.VỊ
2	6	5
3	7	8
6	4	3

$$\begin{array}{r} 265 \\ + 378 \\ \hline 643 \end{array}$$

PHẦN GIÁO-VIÊN :

Chỉ cho học-sinh biết : cộng số ba con cũng như số hai con, khởi cộng từ đơn-vị tới hàng chục tới hàng trăm, phải giữ số nhớ nếu có.

BÀI TẬP

làm vào tập vở các bài toán cộng sau đây :

$$\begin{array}{r} 134^m \\ + 38^m \\ \hline \end{array} \quad \begin{array}{r} 223^m \\ + 9^m \\ \hline \end{array} \quad \begin{array}{r} 229^m \\ + 63^m \\ \hline \end{array} \quad \begin{array}{r} 383^m \\ + 159^m \\ \hline \end{array} \quad \begin{array}{r} 375^m \\ + 218^m \\ \hline \end{array} \quad \begin{array}{r} 357^m \\ + 373^m \\ \hline \end{array}$$

$$\begin{array}{r} 148^s \\ + 6^s \\ \hline \end{array} \quad \begin{array}{r} 273^s \\ + 81^s \\ \hline \end{array} \quad \begin{array}{r} 368^s \\ + 129^s \\ \hline \end{array} \quad \begin{array}{r} 405^s \\ + 226^s \\ \hline \end{array} \quad \begin{array}{r} 537^s \\ + 185^s \\ \hline \end{array} \quad \begin{array}{r} 644^s \\ + 267^s \\ \hline \end{array}$$

$$\begin{array}{r} 296^m \\ + 315^m \\ \hline \end{array} \quad \begin{array}{r} 374^m \\ + 249^m \\ \hline \end{array} \quad \begin{array}{r} 405^m \\ + 306^m \\ \hline \end{array} \quad \begin{array}{r} 513^m \\ + 238^m \\ \hline \end{array} \quad \begin{array}{r} 689^m \\ + 52^m \\ \hline \end{array} \quad \begin{array}{r} 790^m \\ + 141^m \\ \hline \end{array}$$

$$\begin{array}{r} 217^s \\ + 74^s \\ + 23^s \\ \hline \end{array} \quad \begin{array}{r} 243^s \\ + 107^s \\ + 256^s \\ \hline \end{array} \quad \begin{array}{r} 352^s \\ + 233^s \\ + 128^s \\ \hline \end{array} \quad \begin{array}{r} 468^s \\ + 341^s \\ + 115^s \\ \hline \end{array} \quad \begin{array}{r} 426^s \\ + 174^s \\ + 332^s \\ \hline \end{array} \quad \begin{array}{r} 675^s \\ + 108^s \\ + 154^s \\ \hline \end{array}$$

1. Bà Mão mua 385\$ gạo, 148\$ thịt và 95\$ trái cây. Hỏi bà Mão xài hết bao nhiêu tiền ?

2. Người cha lãnh 675\$, người con lãnh 280\$ Hỏi hai cha con lãnh tất cả bao nhiêu tiền ?

3. Một toán dân rào làng : ngày thứ nhất được 313m, ngày thứ nhì 468m và ngày thứ ba 179m. Hỏi trong ba ngày, họ đã rào được bao nhiêu mét ?

PHÉP THỪ TOÁN CỘNG

Thí dụ :

$$\begin{array}{r} 295 \text{ m} \\ + 178 \text{ m} \\ \hline 473 \text{ m} \end{array}$$

$$\begin{array}{r} 662 \text{ m} \\ + 295 \text{ m} \\ \hline 957 \text{ m} \end{array}$$

Bài toán đúng

PHẦN GIÁO VIÊN :

Chỉ cho học-sinh cách thử bài toán cộng : người ta cộng các số từ dưới lên trên.
Nếu tổng-số thứ hai giống tổng-số thử nhất là bài toán đúng.

BÀI TẬP

làm vào tập vở các bài toán cộng sau đây rồi thử :

$$\begin{array}{r} 17 \\ + 182 \\ \hline 9 \end{array}$$

$$\begin{array}{r} 243 \\ + 52 \\ \hline 8 \end{array}$$

$$\begin{array}{r} 96 \\ + 12 \\ \hline 231 \end{array}$$

$$\begin{array}{r} 380 \\ + 163 \\ \hline 50 \end{array}$$

$$\begin{array}{r} 402 \\ + 147 \\ \hline 60 \end{array}$$

$$\begin{array}{r} 254 \\ + 321 \\ \hline 262 \end{array}$$

$$\begin{array}{r} 300 \\ + 219 \\ \hline 93 \end{array}$$

$$\begin{array}{r} 521 \\ + 108 \\ \hline 64 \end{array}$$

$$\begin{array}{r} 575 \\ + 231 \\ \hline 142 \end{array}$$

$$\begin{array}{r} 580 \\ + 270 \\ \hline 30 \end{array}$$

$$\begin{array}{r} 604 \\ + 213 \\ \hline 82 \end{array}$$

$$\begin{array}{r} 546 \\ + 302 \\ \hline 73 \end{array}$$

$$\begin{array}{r} 472 \\ + 183 \\ \hline 201 \end{array}$$

$$\begin{array}{r} 688 \\ + 91 \\ \hline 152 \end{array}$$

$$\begin{array}{r} 495 \\ + 171 \\ \hline 242 \end{array}$$

$$\begin{array}{r} 352 \\ + 246 \\ \hline 105 \end{array}$$

$$\begin{array}{r} 708 \\ + 63 \\ \hline 217 \end{array}$$

$$\begin{array}{r} 566 \\ + 135 \\ \hline 183 \end{array}$$

$$\begin{array}{r} 675 \\ + 81 \\ \hline 219 \end{array}$$

$$\begin{array}{r} 788 \\ + 104 \\ \hline 56 \end{array}$$

$$\begin{array}{r} 368 \\ + 145 \\ \hline 170 \end{array}$$

$$\begin{array}{r} 556 \\ + 102 \\ \hline 84 \end{array}$$

$$\begin{array}{r} 805 \\ + 87 \\ \hline 13 \end{array}$$

$$\begin{array}{r} 874 \\ + 19 \\ \hline 63 \end{array}$$

TOÁN ĐỐ VỀ PHÉP CỘNG

1. Mẹ trò Ba cho trò 25\$, cha cho trò 12\$. Vậy Ba có tất cả bao nhiêu tiền?
2. Một con đường rộng 8 m. Người ta mở rộng một bên 3 m và một bên 2 m. Bây giờ đường ấy rộng bao nhiêu?
3. Con bò sữa cho mỗi ngày 11 l về mùa nắng, và về mùa mưa nó cho mỗi ngày nhiều hơn 5 l. Vậy về mùa mưa, mỗi ngày con bò ấy cho bao nhiêu lít sữa?
4. Lớp Tư A có 48 trò, lớp Tư B có 45 trò, lớp Tư C có 47 trò. Tính coi ba lớp Tư có được tất cả bao nhiêu học trò?
5. Mẹ trò đi chợ mua 85\$ thịt, 18\$ rau và 15\$ trái cây. Tính coi mẹ trò xài hết bao nhiêu tiền?
6. Thầy giáo có 25 cuốn sách trong tủ. Thầy mua thêm lần đầu 37 cuốn sách, lần thứ nhì 24 cuốn sách. Hiện giờ thầy có bao nhiêu cuốn sách tất cả?

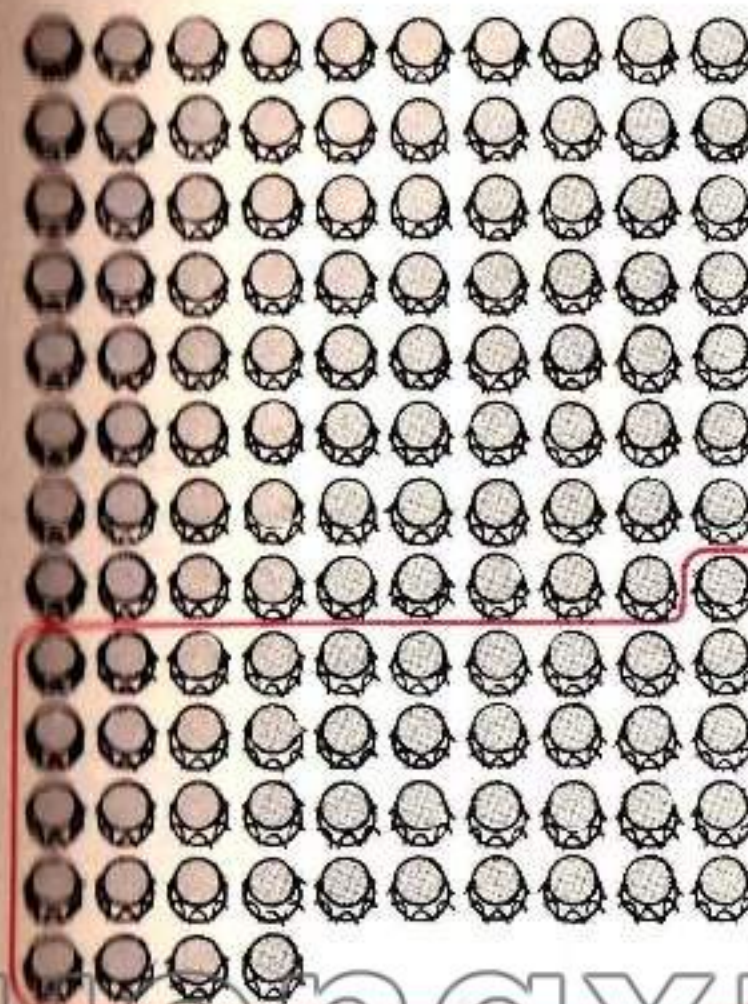
TOÁN ĐỐ VỀ PHÉP CỘNG VÀ TRỪ

1. Chị Hai mua một đôi dép giá 42\$ và một cái cặp giá 35\$. Chị trao cho nhà hàng một tấm giấy 100\$. Nhà hàng phải thối lại cho chị bao nhiêu?
2. Trường làng có ba lớp, lớp Năm có 48 chỗ, lớp Tư có 46 chỗ và lớp Ba có 35 chỗ. Ngày nhập học số học trò trong ba lớp chỉ có 116. Vậy ông hiệu trưởng có thể thuê thêm bao nhiêu trò nữa?
3. Thanh có 58 hòn bi. Nó cho thằng Ban 12 hòn bi và thằng Nhân 14 hòn bi. Nó còn lại bao nhiêu?
4. Ông Sanh có món nợ 879\$. Ông trả làm ba kỳ. Kỳ thứ nhất, ông trả được 214\$, kỳ nhì 322\$ và kỳ ba 231\$. Tính coi ông còn thiếu lại bao nhiêu?

TOÁN TRỪ NHỮNG SỐ BA CON, CÓ NHỚ

PHÉP TRỪ TOÁN TRỪ

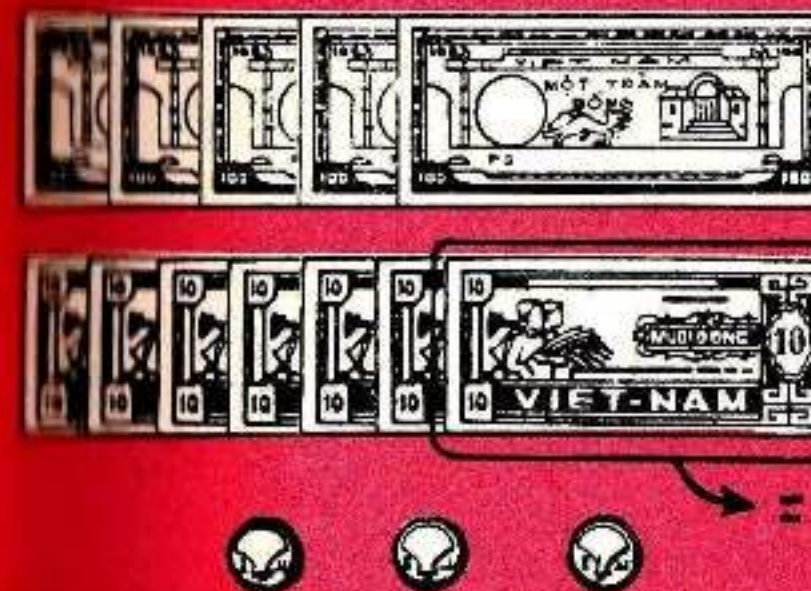
TOÁN TRỪ NHỮNG SỐ BA CON (có nhớ)



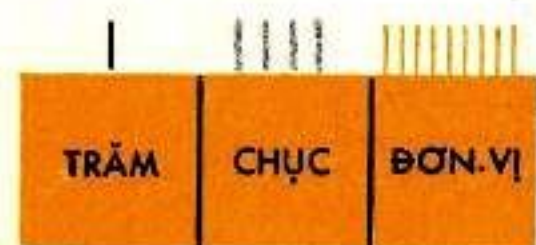
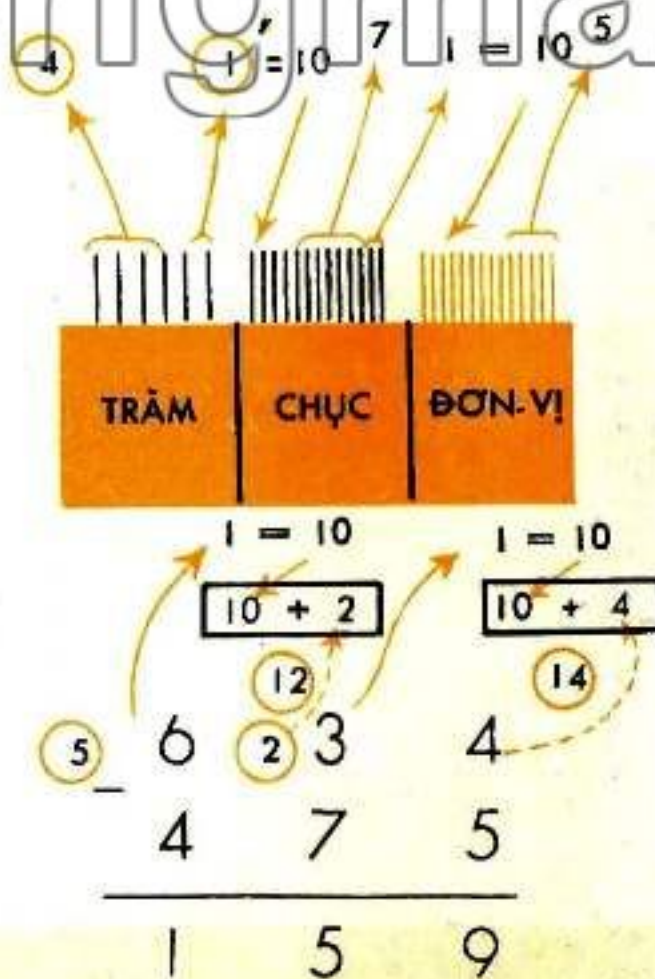
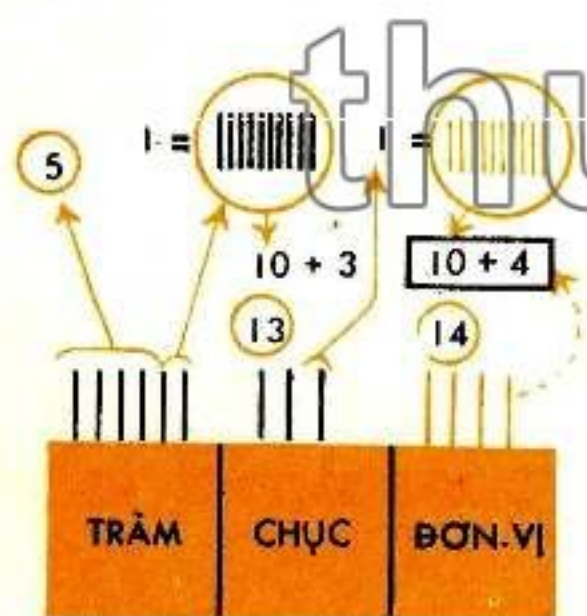
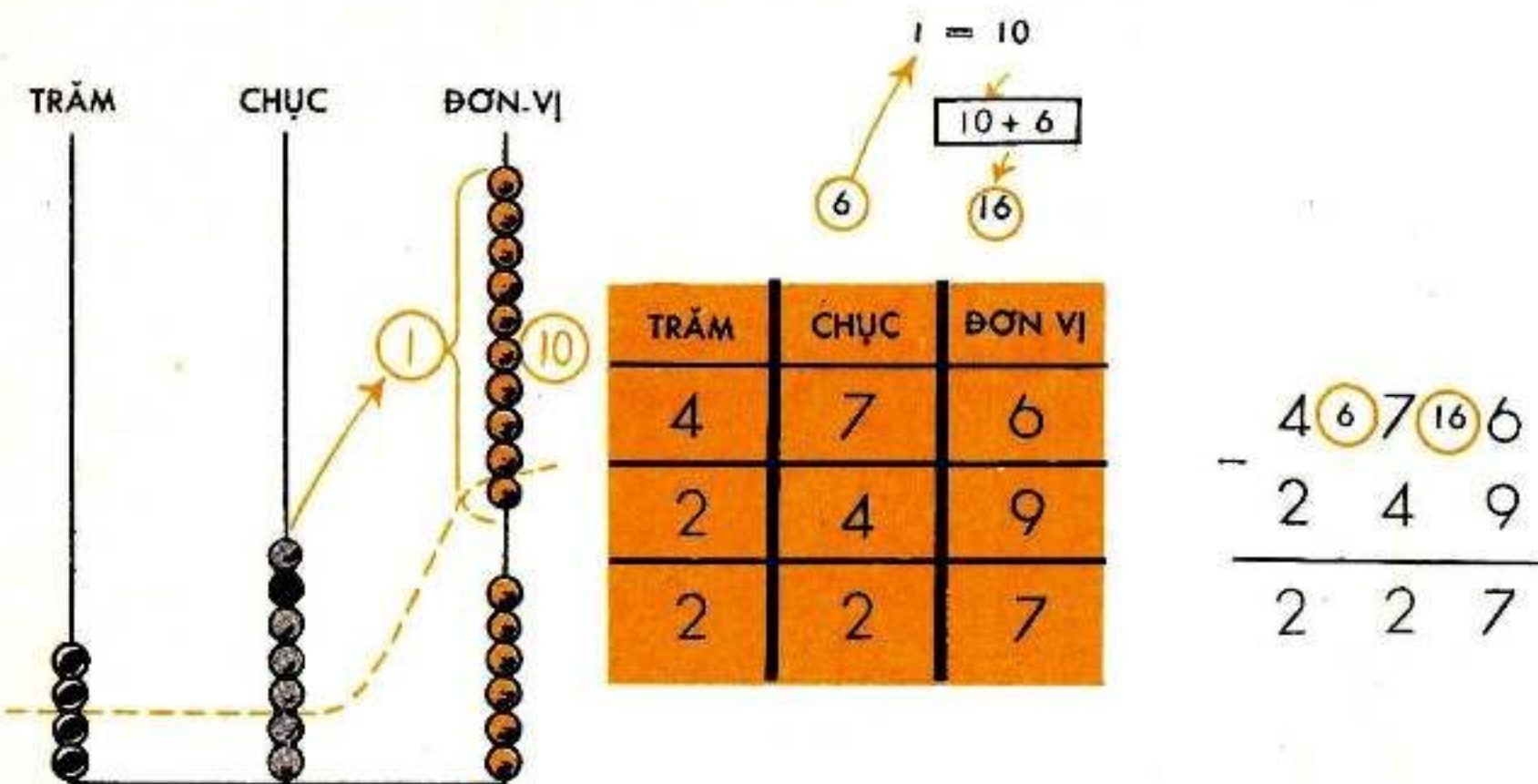
Tâm có 124 nút khoén. Nó cho em nó 45 nút. Hỏi nó còn lại bao nhiêu nút khoén?

$$\begin{array}{r} 124 \\ - 45 \\ \hline \end{array}$$

Diagram showing the borrowing process: 1 = 10, 10 + 4 = 14, 14 - 5 = 9, 11 - 4 = 7, 12 - 1 = 11.



TRĂM	CHỤC	ĐƠN.VỊ
1	0	0
0	4	5
0	0	0



BÀI TẬP

Làm vào tập vở các bài toán trừ dưới đây :

$\begin{array}{r} 145^m \\ - 28^m \\ \hline \end{array}$	$\begin{array}{r} 253^m \\ - 135^m \\ \hline \end{array}$	$\begin{array}{r} 302^m \\ - 233^m \\ \hline \end{array}$	$\begin{array}{r} 374^m \\ - 248^m \\ \hline \end{array}$	$\begin{array}{r} 483^m \\ - 219^m \\ \hline \end{array}$	$\begin{array}{r} 497^m \\ - 278^m \\ \hline \end{array}$
$\begin{array}{r} 554^* \\ - 319^* \\ \hline \end{array}$	$\begin{array}{r} 602^* \\ - 433^* \\ \hline \end{array}$	$\begin{array}{r} 634^* \\ - 218^* \\ \hline \end{array}$	$\begin{array}{r} 752^* \\ - 438^* \\ \hline \end{array}$	$\begin{array}{r} 841^* \\ - 519^* \\ \hline \end{array}$	$\begin{array}{r} 934^* \\ - 717^* \\ \hline \end{array}$
$\begin{array}{r} 187^m \\ - 93^m \\ \hline \end{array}$	$\begin{array}{r} 253^m \\ - 135^m \\ \hline \end{array}$	$\begin{array}{r} 271^m \\ - 123^m \\ \hline \end{array}$	$\begin{array}{r} 352^m \\ - 228^m \\ \hline \end{array}$	$\begin{array}{r} 403^m \\ - 204^m \\ \hline \end{array}$	$\begin{array}{r} 654^m \\ - 339^m \\ \hline \end{array}$
$\begin{array}{r} 694^* \\ - 318^* \\ \hline \end{array}$	$\begin{array}{r} 662^* \\ - 237^* \\ \hline \end{array}$	$\begin{array}{r} 705^* \\ - 382^* \\ \hline \end{array}$	$\begin{array}{r} 716^* \\ - 435^* \\ \hline \end{array}$	$\begin{array}{r} 778^* \\ - 569^* \\ \hline \end{array}$	$\begin{array}{r} 791^* \\ - 545^* \\ \hline \end{array}$
$\begin{array}{r} 873^m \\ - 197^m \\ \hline \end{array}$	$\begin{array}{r} 851^m \\ - 280^m \\ \hline \end{array}$	$\begin{array}{r} 830^m \\ - 416^m \\ \hline \end{array}$	$\begin{array}{r} 924^m \\ - 617^m \\ \hline \end{array}$	$\begin{array}{r} 941^m \\ - 319^m \\ \hline \end{array}$	$\begin{array}{r} 980^m \\ - 538^m \\ \hline \end{array}$

TOÁN ĐỐ

- Bảo có 132\$. Trò mua một cái cặp da giá 85\$. Tính coi trò còn lại bao nhiêu tiền ?
- Chị Tư có 264m vải. Chị Năm có 182m. Vậy chị Tư có hơn chị Năm bao nhiêu mét vải ?
- Ông Nam phải trả cho nhà hàng 427\$. Ông đã trả 218\$. Hỏi ông còn thiếu nhà hàng bao nhiêu tiền ?

PHẦN GIÁO-VIÊN :

Chỉ cho học-sinh cách làm bài toán trừ số trăm có nhớ như sau :

Làm toán trừ những số ba con cũng giống như làm toán trừ những số hai con, từ một sang trái bắt đầu hàng đơn-vị rồi đến hàng chục và hàng trăm. Phải giữ số nhớ qua cột bên trái kế tiếp nếu có.

PHÉP THỪ, TOÁN TRỪ

Trong kho có 278 hộp phấn. Trong niên-học người ta đã phát cho các lớp học 152 hộp. Hỏi trong kho còn lại bao nhiêu hộp phấn ?

152 hộp phấn + số hộp phấn còn lại = 278 hộp phấn

Số hộp phấn còn lại : 278 hộp phấn - 152 hộp phấn = 126 hộp phấn.

$$\begin{array}{r} 278 \text{ hp} \\ - 152 \text{ hp} \\ \hline 126 \text{ hp} \end{array} \quad \begin{array}{r} 152 \text{ hp (số nhỏ)} \\ + 126 \text{ hp (hiệu số)} \\ \hline 278 \text{ hp (số lớn)} \end{array}$$

BÀI TẬP

Làm vào tập vở các bài toán trừ dưới đây rồi thử :

$\begin{array}{r} 548^m \\ - 325^m \\ \hline \end{array}$	$\begin{array}{r} 179^m \\ - 64^m \\ \hline \end{array}$	$\begin{array}{r} 363^m \\ - 152^m \\ \hline \end{array}$	$\begin{array}{r} 357^m \\ - 243^m \\ \hline \end{array}$	$\begin{array}{r} 485^m \\ - 372^m \\ \hline \end{array}$	$\begin{array}{r} 464^m \\ - 131^m \\ \hline \end{array}$
$\begin{array}{r} 219^s \\ - 17^s \\ \hline \end{array}$	$\begin{array}{r} 278^s \\ - 156^s \\ \hline \end{array}$	$\begin{array}{r} 346^s \\ - 267^s \\ \hline \end{array}$	$\begin{array}{r} 389^s \\ - 267^s \\ \hline \end{array}$	$\begin{array}{r} 495^s \\ - 374^s \\ \hline \end{array}$	$\begin{array}{r} 562^s \\ - 331^s \\ \hline \end{array}$
$\begin{array}{r} 243^m \\ - 131^m \\ \hline \end{array}$	$\begin{array}{r} 209^m \\ - 127^m \\ \hline \end{array}$	$\begin{array}{r} 364^m \\ - 240^m \\ \hline \end{array}$	$\begin{array}{r} 468^m \\ - 165^m \\ \hline \end{array}$	$\begin{array}{r} 557^m \\ - 432^m \\ \hline \end{array}$	$\begin{array}{r} 682^m \\ - 472^m \\ \hline \end{array}$
$\begin{array}{r} 635^m \\ - 334^m \\ \hline \end{array}$	$\begin{array}{r} 648^m \\ - 436^m \\ \hline \end{array}$	$\begin{array}{r} 717^m \\ - 504^m \\ \hline \end{array}$	$\begin{array}{r} 739^m \\ - 425^m \\ \hline \end{array}$	$\begin{array}{r} 864^m \\ - 652^m \\ \hline \end{array}$	$\begin{array}{r} 876^m \\ - 543^m \\ \hline \end{array}$
$\begin{array}{r} 735^s \\ - 431^s \\ \hline \end{array}$	$\begin{array}{r} 757^s \\ - 245^s \\ \hline \end{array}$	$\begin{array}{r} 774^s \\ - 572^s \\ \hline \end{array}$	$\begin{array}{r} 876^s \\ - 454^s \\ \hline \end{array}$	$\begin{array}{r} 887^s \\ - 676^s \\ \hline \end{array}$	$\begin{array}{r} 960^s \\ - 765^s \\ \hline \end{array}$

PHẦN GIÁO VIÊN :

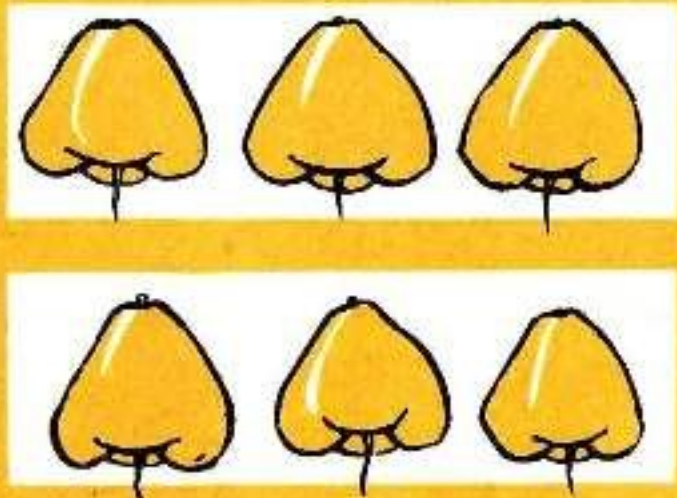
Chỉ cho học-sinh cách thử bài toán trừ những số ba con : cộng số nhỏ với hiệu-số. Nếu tổng-số đó giống số lớn là bài toán đúng.

HỌC ÔN : TOÁN ĐỒ VỀ CỘNG VÀ TRỪ

- Bà Tư mua hai thùng cam. Thùng thứ nhất đựng 137 trái. Thùng thứ nhì 156 trái. Tính coi hai thùng đựng được bao nhiêu cam ?
- Ba nhóm thanh-niên rào ấp. Nhóm I rào 93m, nhóm II : 107m và nhóm III : 114m. Hỏi ba nhóm rào được bao nhiêu mét ?
- Ông Ba có 325\$ trong tủ. Một người khách hàng trả cho ông 38\$ và một người nữa trả 127\$. Hỏi trong tủ ông Ba có bao nhiêu tiền ?
- Cây xoài có 126 trái. Người ta hái xuống hết 97 trái. Vậy cây xoài còn lại mấy trái ?
- Nam được cha cho 245\$. Nó xài hết 137\$. Hỏi nó còn lại bao nhiêu tiền ?
- Một cái thùng chứa 220 lít dầu. Anh tôi múc ra hết 54l. Hỏi trong thùng còn lại bao nhiêu lít dầu ?
- Tâm và Nhân có 276\$. Riêng Tâm có 138\$. Hỏi Nhân có bao nhiêu tiền ?
- Một hộp đựng 208 viên kẹo. Mẹ chia cho Thu 23 viên, cho em Thu 27 viên. Hỏi trong hộp còn lại bao nhiêu viên kẹo ?
- Người phu lục-lộ phải sửa 400m đường. Anh đã sửa xong 218m. Vậy anh còn phải sửa bao nhiêu mét đường nữa ?
- Quyền Tập Đọc Lớp Tư có 186 trang, quyền Toán Lớp Tư có 148 trang. Vậy hỏi quyền Tập Đọc có nhiều hơn quyền Toán bao nhiêu trang ?
- Mẹ trò Nhân mua cho trò một đôi giày 45\$, một cái áo 86\$. Bà đưa tám giấy bạc 200\$. Hỏi nhà hàng phải thối lại bao nhiêu ?
- Chị Năm đi chợ đem theo 508\$. Chị mua một con heo con giá 315\$, một thùng gạo 72\$ và một mớ cá 45\$. Tính coi chị còn lại bao nhiêu tiền ?

GẤP ĐÔI, GẤP BA, GẤP TƯ
PHÂN NỬA, MỘT PHẦN BA, MỘT PHẦN TƯ

GẤP ĐÔI



Mẹ cho Lan 3 trái mận, chị lại cho Lan 3 trái mận nữa, hỏi Lan được bao nhiêu trái mận ?

$$3 \text{ trái} + 3 \text{ trái} = 6 \text{ trái}$$

Gấp đôi phân nửa : $\text{một nửa} + \text{một nửa} = 1$

Gấp đôi một vật : $1 + 1 = 2$

Gấp đôi một nhóm : $4 + 4 = 8$

Gấp đôi là thêm một nửa nữa vào một nửa đã có, thêm một vật nữa vào một vật đã có hay thêm một nhóm nữa bằng nhóm đã có.

BÀI TẬP

Viết số vào tập vở

Gấp đôi phân nửa :



Gấp đôi một vật :



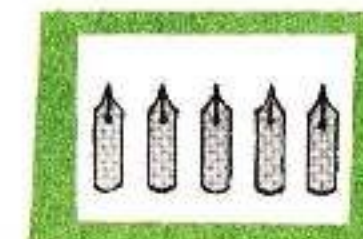
Gấp đôi một nhóm :



Gấp đôi một nhóm :

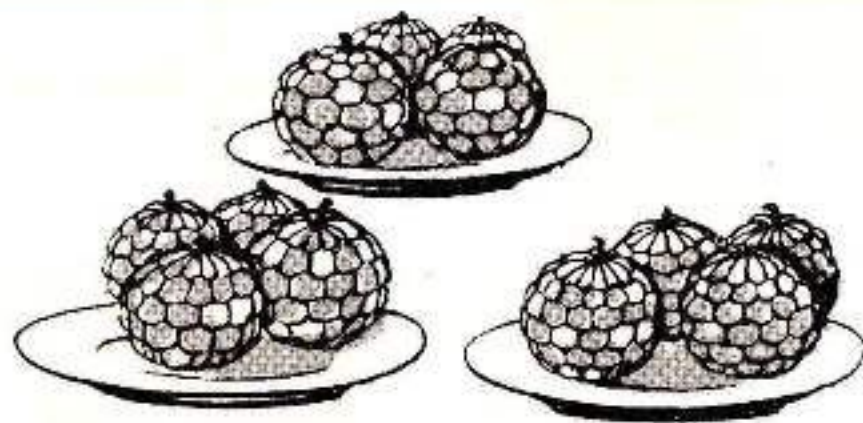


Gấp đôi một nhóm :



=

GẤP BA



Chị bày 3 đĩa măng cầu trên bàn, mỗi đĩa có 4 trái. Hỏi 3 đĩa có bao nhiêu trái măng cầu ?

$$4 + 4 + 4 = 12$$

Gấp ba một nhóm đồ vật là thêm vào hai nhóm nữa bằng nhóm đã có.

BÀI TẬP

Viết số vào tập vở :

Gấp ba một phần ba :



Ba phần ba của cái bánh là cái bánh

trái cam

Gấp ba một nhóm hai vật :



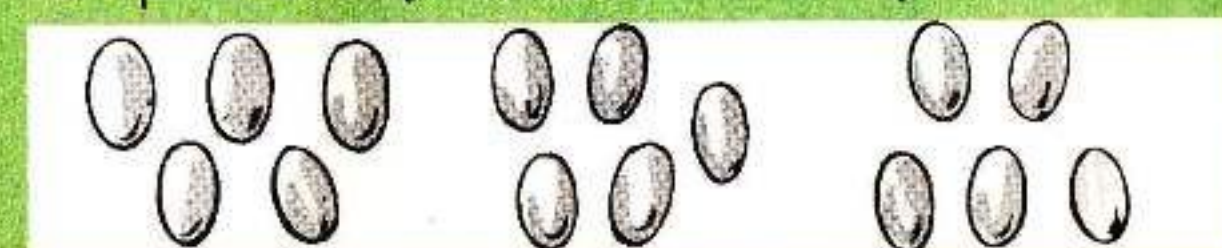
chiếc đũa

Gấp ba một nhóm ba vật :



hòn bi

Gấp ba một nhóm năm vật :

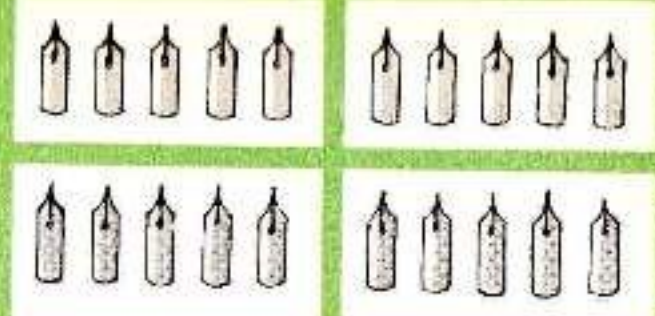


quả trứng

GẤP TƯ

Thầy giáo cho 4 trò, mỗi trò 5 ngòi bút. Hỏi thầy đã cho bao nhiêu ngòi bút tất cả ?

$$5 + 5 + 5 + 5 = 20$$

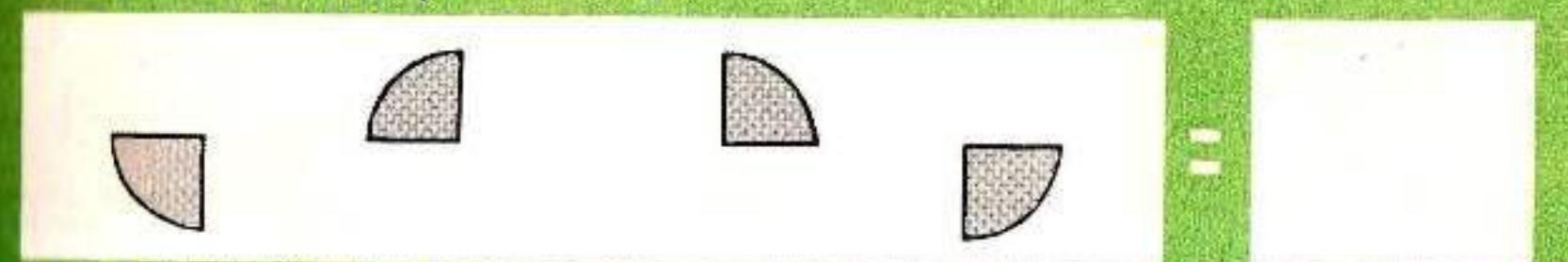


Gấp tư một nhóm đồ vật là thêm vào ba nhóm nữa bằng nhóm đã có.

BÀI TẬP

Viết số vào tập vở :

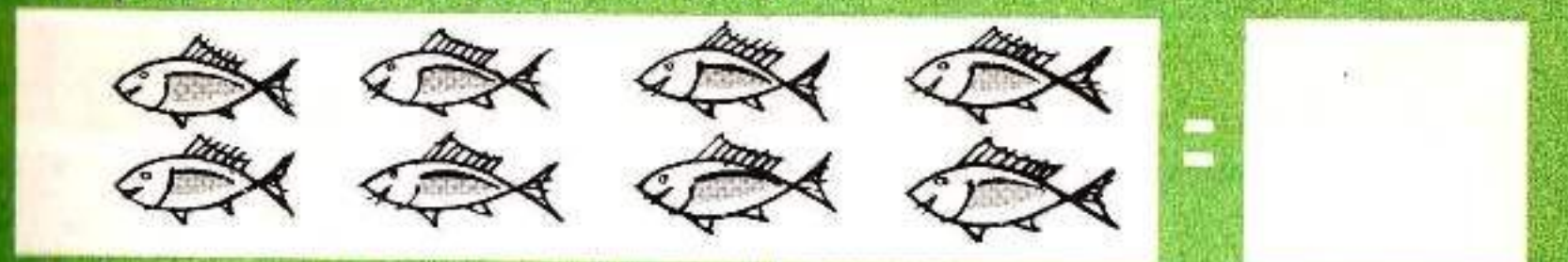
Gấp tư một phần tư :



Gấp tư một vật :



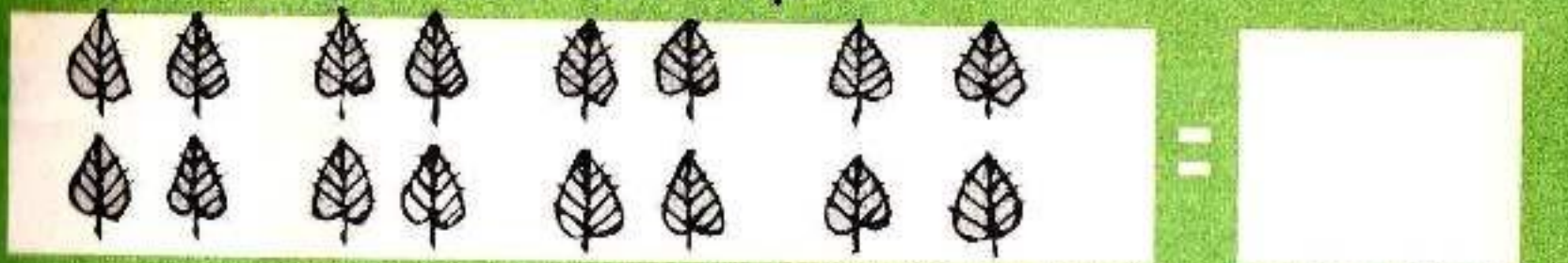
Gấp tư một nhóm hai vật :



Gấp tư một nhóm ba vật :



Gấp tư một nhóm bốn vật :

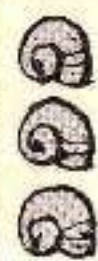
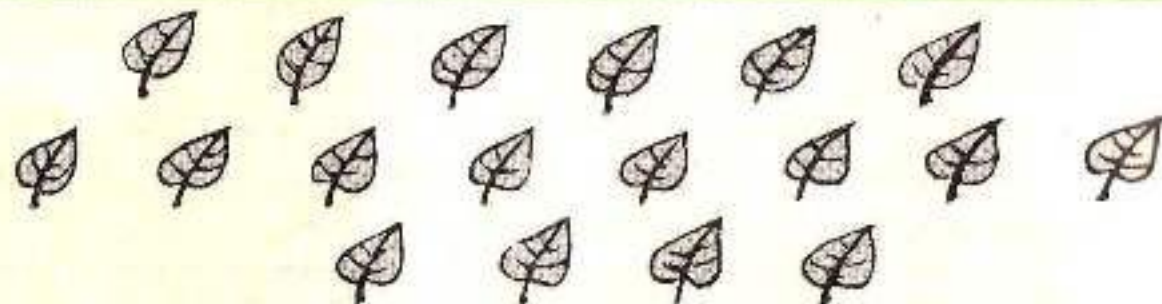


BÀI TẬP

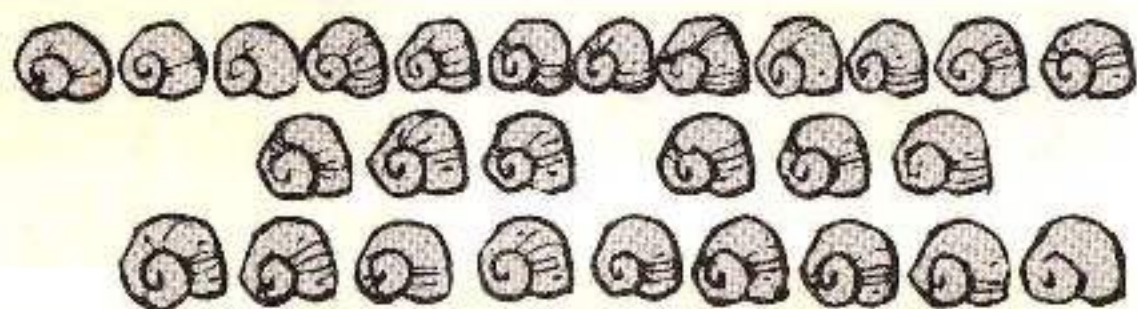
Vẽ những hình này lên bảng và cho học-sinh chỉ hàng nào là gấp đôi, gấp ba hay gấp tư của nhóm bên trái.



Gấp đôi



Gấp ba



Gấp tư



Đếm xem số vật của các nhóm ở mỗi hàng, được bao nhiêu ?

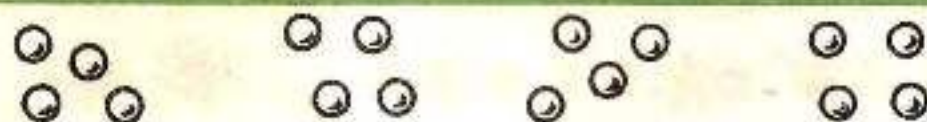
2 nhóm
mỗi nhóm có 2



3 nhóm
mỗi nhóm có 1



4 nhóm
mỗi nhóm có 4



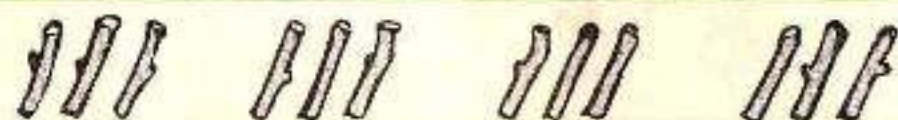
3 nhóm
mỗi nhóm có 5



2 nhóm
mỗi nhóm có 6



4 nhóm
mỗi nhóm có 3

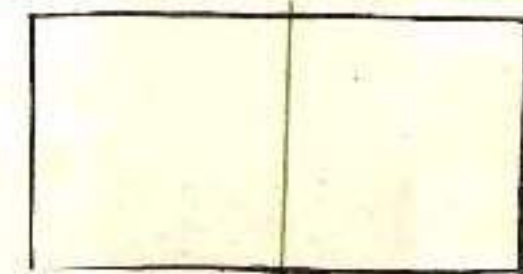


PHÂN NỬA

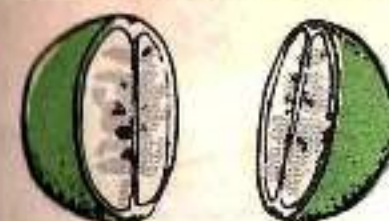


1. Mẹ cắt cái bánh Trung-Thu làm 2 phần bằng nhau. Ngân lãnh 1 phần, bé Hạnh lãnh 1 phần. Ngân được nửa cái bánh, Hạnh cũng được nửa cái bánh.

2. Một tờ giấy được cắt đôi. Mỗi phần là nửa tờ giấy.



Khi một vật được chia làm 2 phần bằng nhau, mỗi phần gọi là **PHÂN NỬA**.



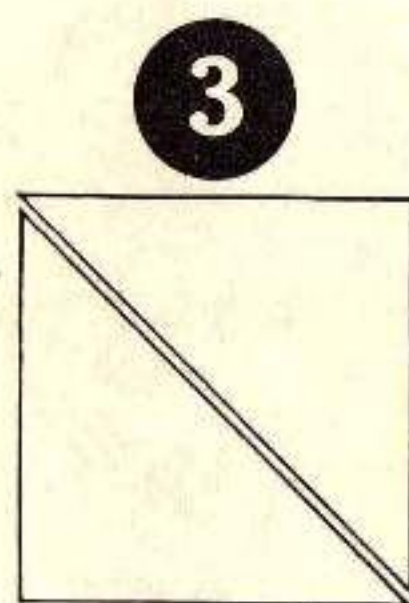
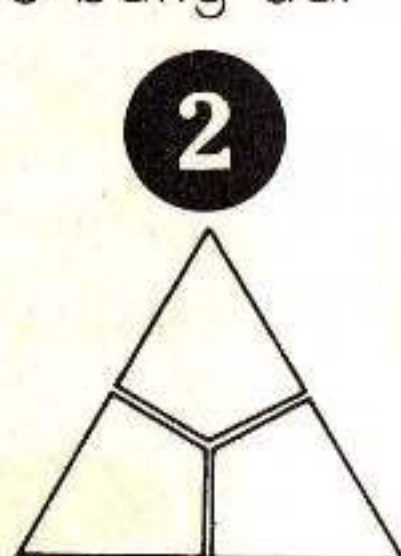
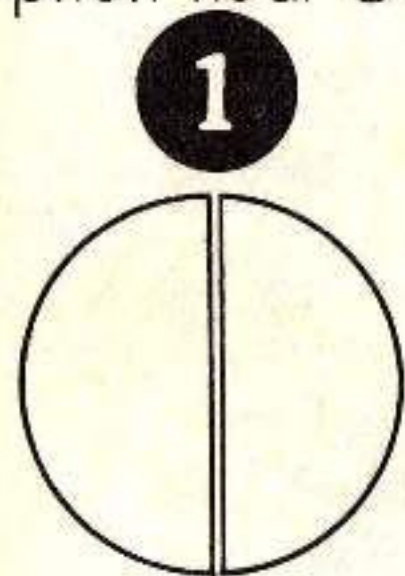
3. Trái cam chia làm mấy phần bằng nhau ? Mỗi phần gọi là gì ?



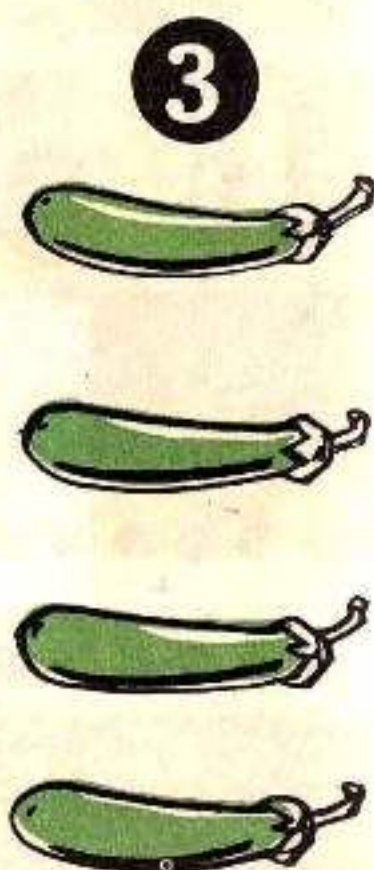
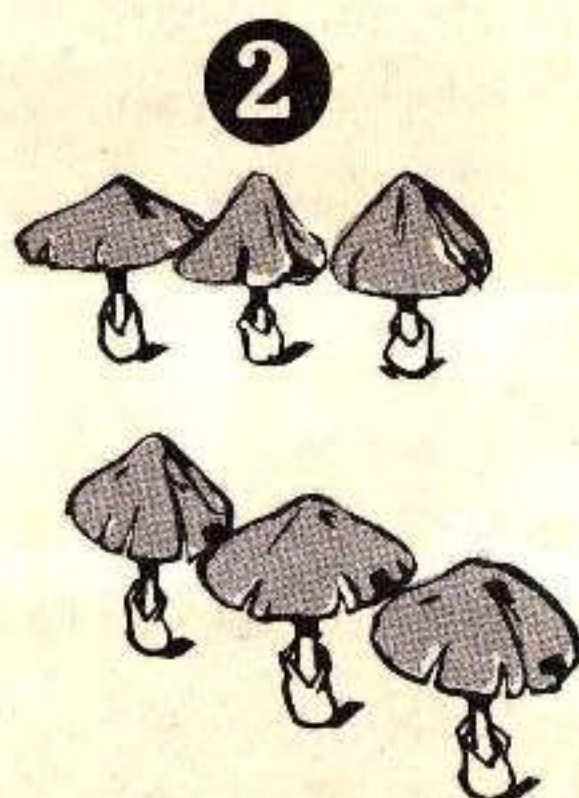
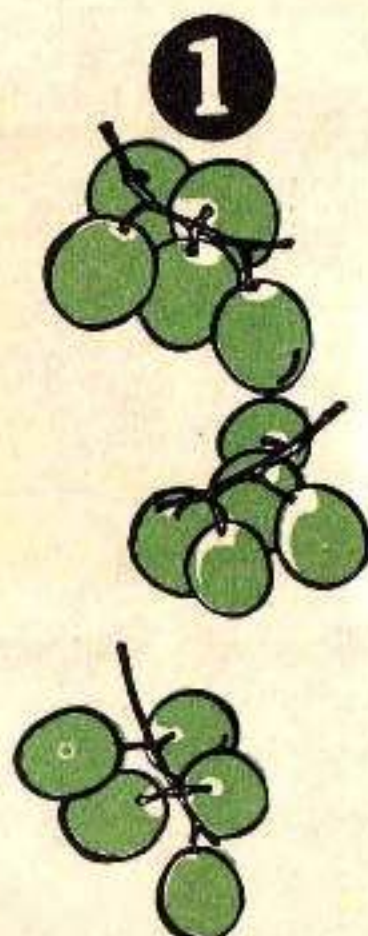
4. Ba có 20 viên kẹo, cho em 10 viên và giữ lại 10 viên. Mỗi phần kẹo đó gọi là gì ?

BÀI TẬP

Nhận xem những vật nào dưới đây đã được chia làm phân nửa. Ghi số vào bảng đã.



Nhận xem những nhóm vật nào dưới đây đã được chia làm phân nửa. Ghi số vào bảng đã.



PHẦN GIÁO-VIÊN :

Dùng vật thật giảng cho học-sinh hiểu rõ thế nào là phân nửa. Cho tìm phân nửa của một vật và một nhóm vật.

MỘT PHẦN BA (của đơn-vị)

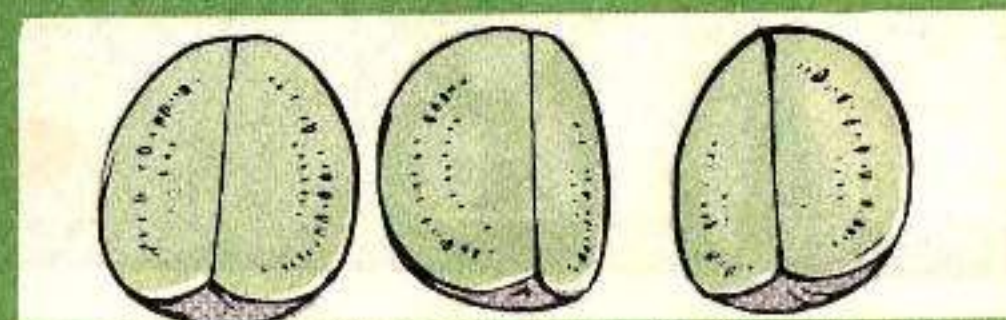
1. Ở bánh bông lan này được chia làm mấy phần bằng nhau ?



2. Tờ giấy này được chia làm mấy phần bằng nhau ?



3. Trái dưa hấu này được chia làm mấy phần bằng nhau ?

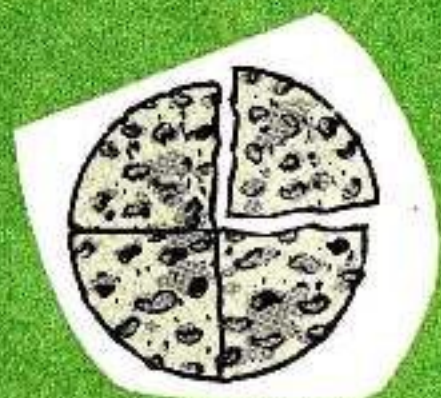


Mỗi phần bằng nhau đó gọi là gì ?

Khi một vật được chia làm ba phần bằng nhau, mỗi phần gọi là **MỘT PHẦN BA**.

MỘT PHẦN TƯ (của đơn-vị)

1. Giờ thủ-công, cô giáo cắt một tấm giấy màu làm 4 phần bằng nhau, phát cho 4 trò, mỗi trò một phần. Mỗi phần này gọi là một phần tư.



2. Miếng kẹo này được phân làm mấy phần bằng nhau? Mỗi phần đó gọi là gì?

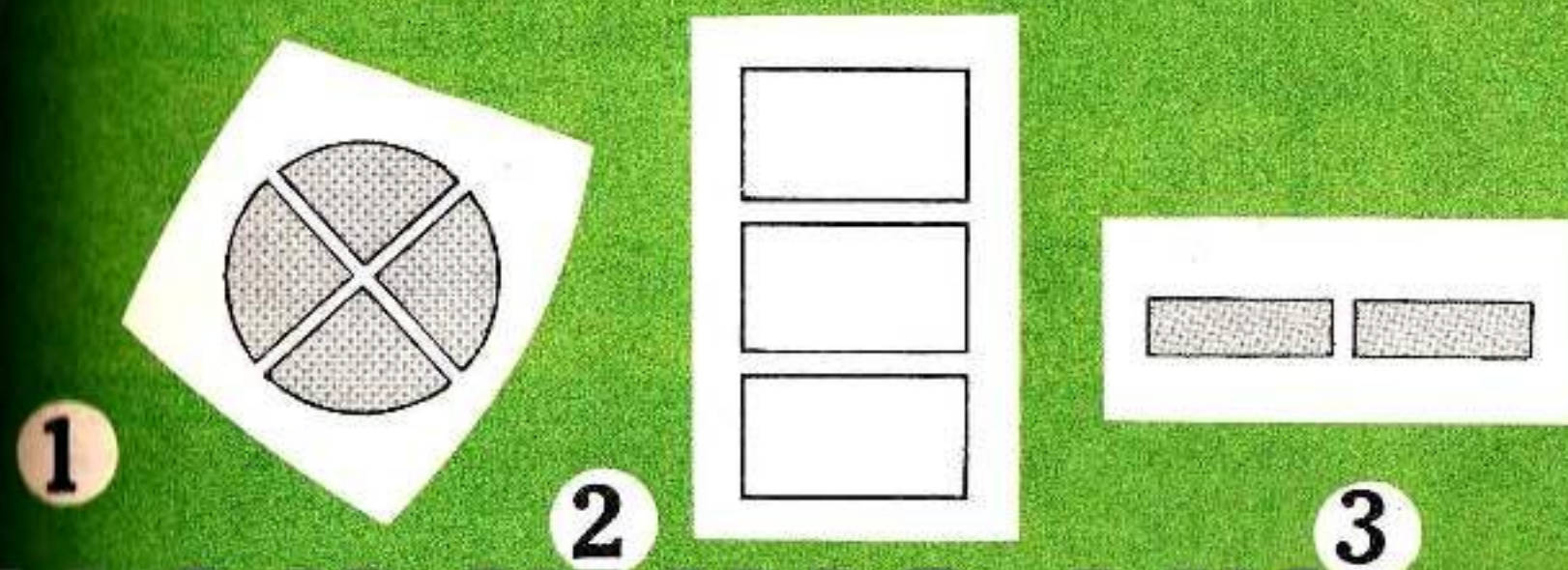
Khi một vật được chia làm 4 phần bằng nhau, mỗi phần gọi là **MỘT PHẦN TƯ**.

PHẦN GIÁO-VIÊN :

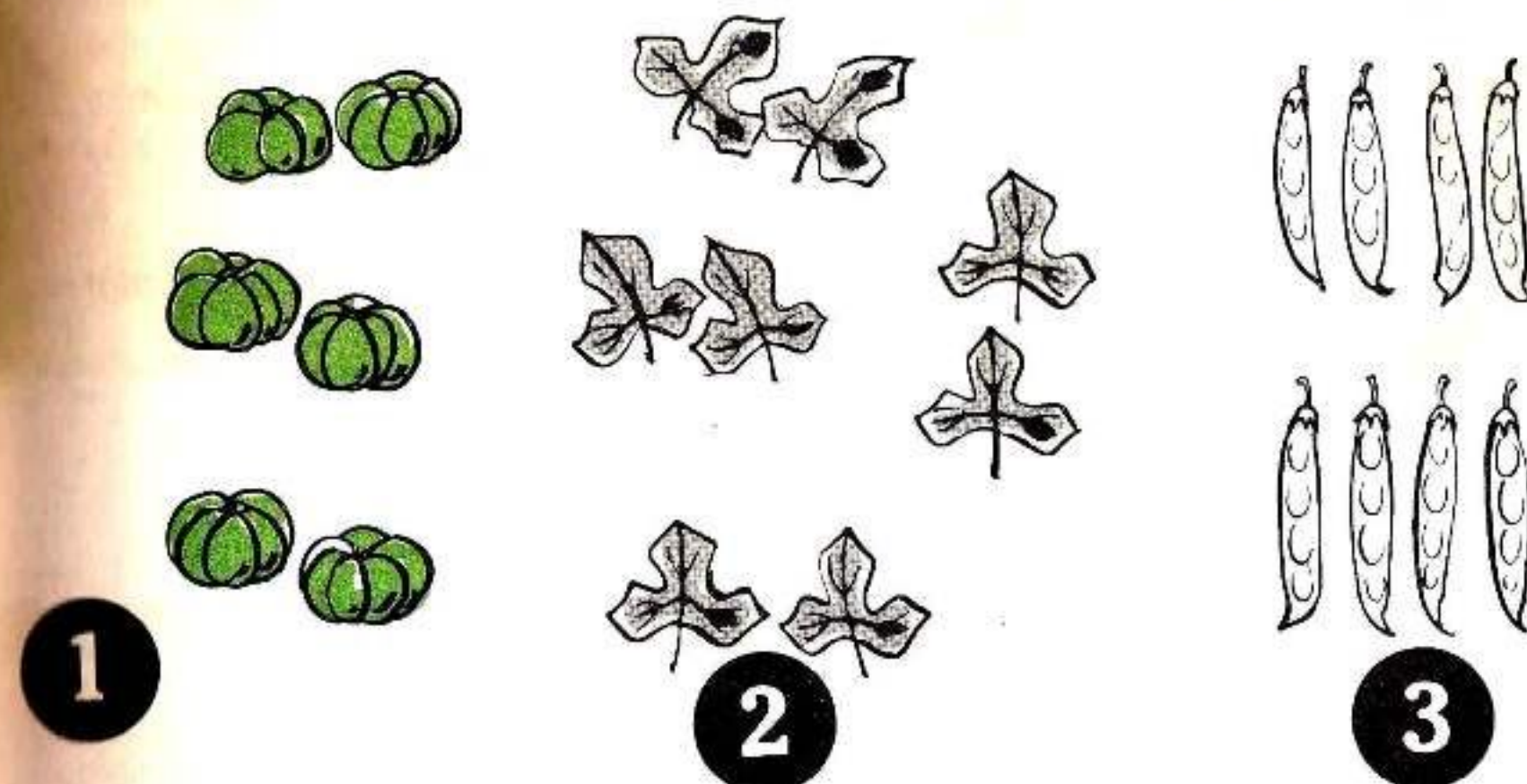
Muốn chia một vật làm 4 phần bằng nhau, trước tiên, giáo-viên chia vật ấy làm 2, xong lại chia đôi mỗi phần.

BÀI TẬP

Nhận xem những vật nào dưới đây đã được chia làm 4 phần bằng nhau. Ghi số vào bảng đó.



Nhận xem những nhóm vật nào dưới đây đã được chia làm 4 phần bằng nhau. Ghi số vào bảng đó.



MỘT PHẦN BA (của một nhóm)



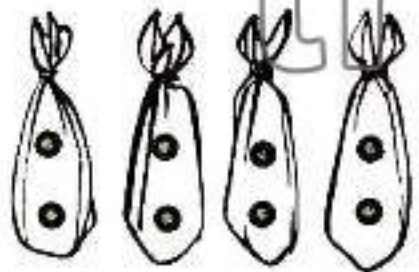
Chị có một nải chuối 6 trái chia cho 3 em là Ba, Tư và Năm, mỗi đứa một trái rồi mỗi đứa một trái nữa là hết. Mỗi em được mấy trái chuối? Mỗi em được một phần mấy của nải chuối?

Ba được 2 trái hay một phần ba số chuối. Tư được 2 trái hay một phần ba số chuối. Năm được 2 trái hay một phần ba số chuối.

Tìm một phần ba số cam sau đây:



GHI NHỚ: Muốn tìm một phần ba của một nhóm đồ vật người ta phân các vật đó làm ba nhóm đều nhau rồi đếm xem mỗi nhóm có bao nhiêu tức là một phần ba của nhóm đem chia.

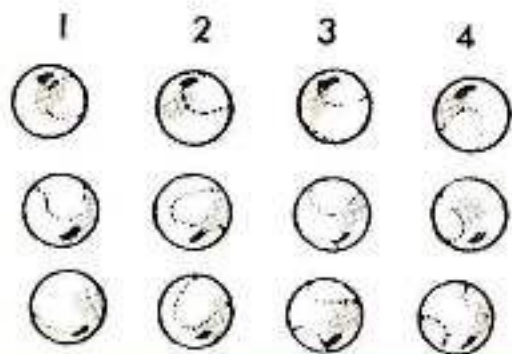


MỘT PHẦN TƯ (của một nhóm)

Má có 8 cái kẹo bảo Thúy chia làm 4 túi đều nhau. Thúy đặt 4 túi trên bàn rồi bỏ vào mỗi túi một cái kẹo, lại bỏ như thế lượt nữa thì hết. Hỏi mỗi phần có mấy cái kẹo? Mỗi túi kẹo là một phần mấy của số kẹo đem chia?

Mỗi phần được 2 cái kẹo hay một phần tư của số kẹo đem chia.

Tìm một phần tư số bánh sau đây:



GHI NHỚ: Muốn tìm một phần tư của một nhóm đồ vật người ta phân các vật đó làm bốn phần đều nhau rồi đếm xem mỗi nhóm có bao nhiêu tức là một phần tư của nhóm đem chia.

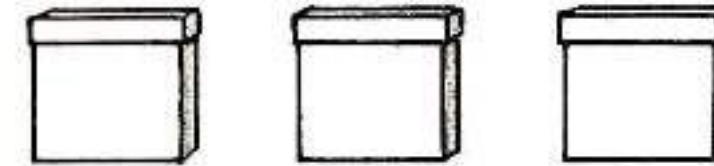
BÀI TẬP

Tìm một phần ba những nhóm vật sau đây:

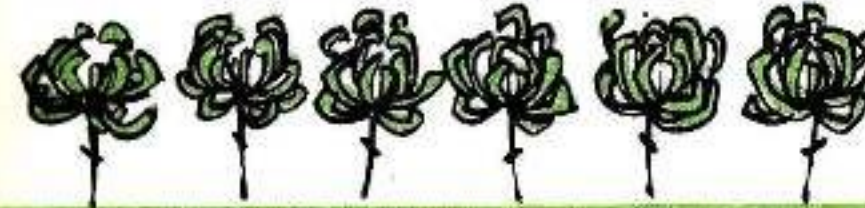


một phần ba

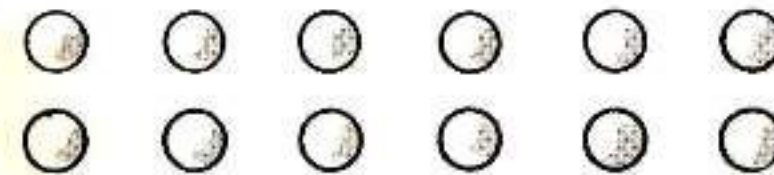
--	--	--



--	--	--



--	--	--



--	--	--

Tìm một phần tư những nhóm vật sau đây:

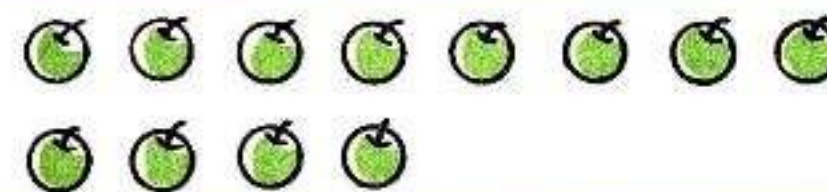


một phần tư

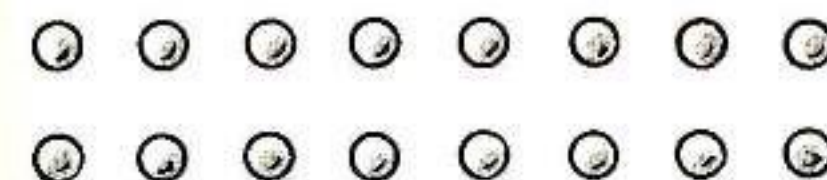
--	--	--	--



--	--	--	--

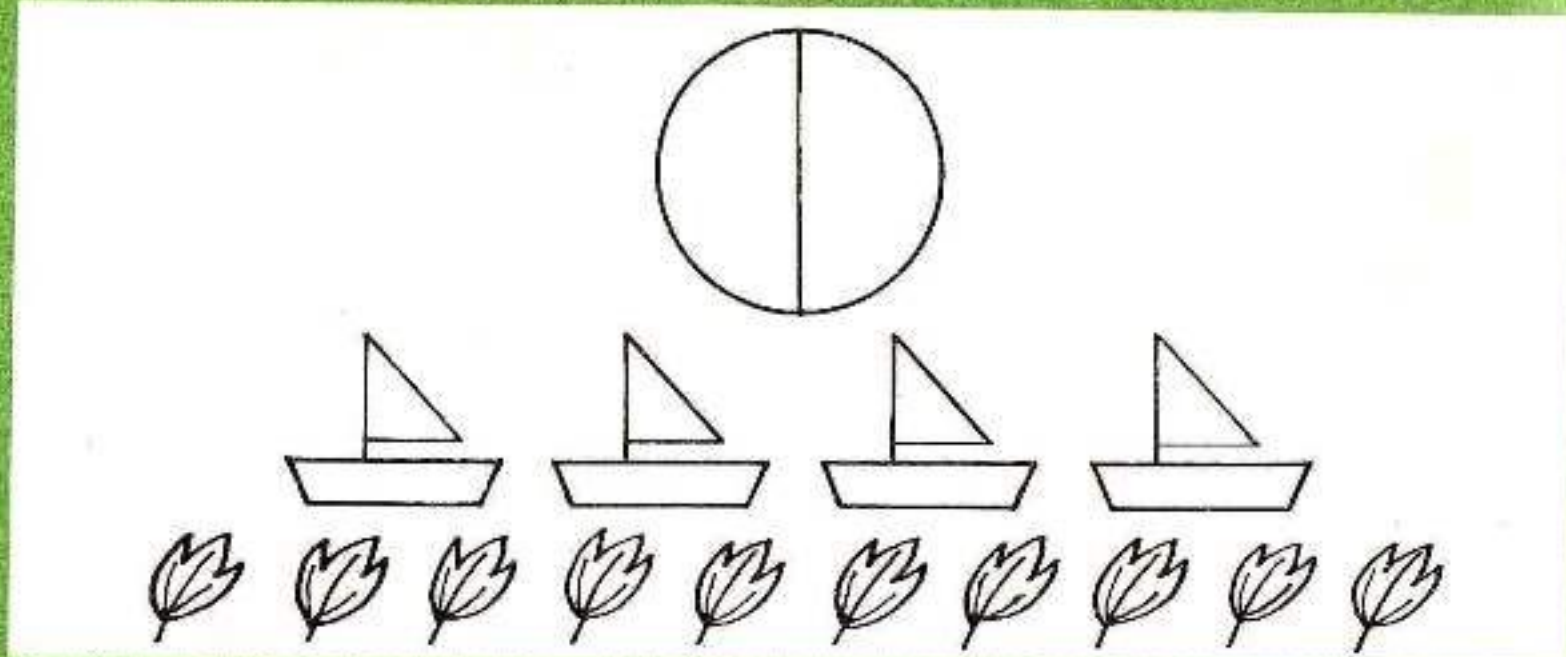


--	--	--	--

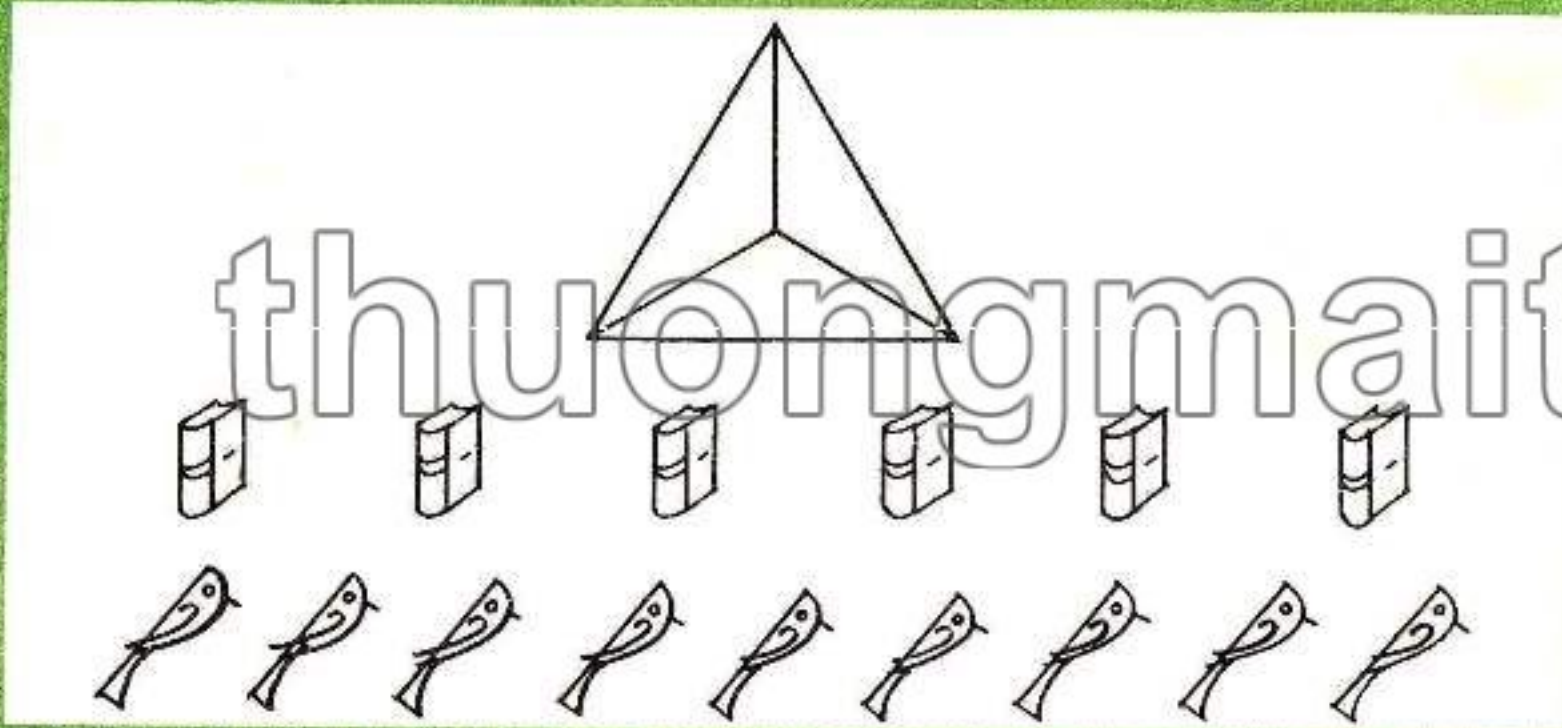


--	--	--	--

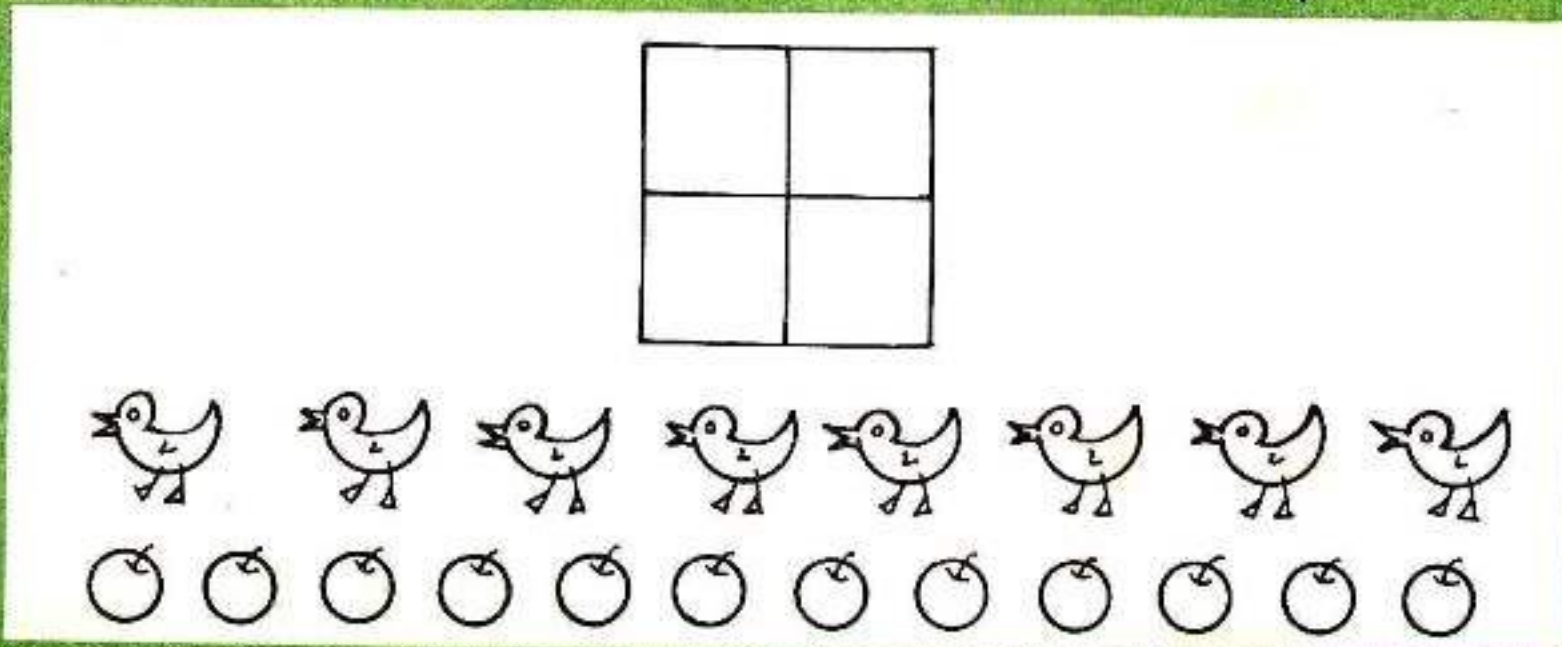
Vẽ vào vỏ và tô màu phân nửa của một vật, phân nửa của mỗi nhóm vật sau đây :



Vẽ vào vỏ và tô màu một phần ba của một vật, của mỗi nhóm vật sau đây :



Vẽ vào vỏ và tô màu một phần tư của một vật, của mỗi nhóm vật sau đây :



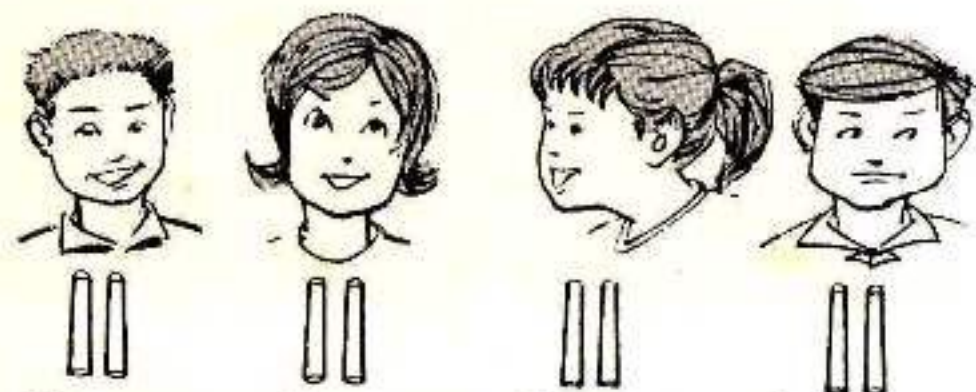
BÀI TẬP

Những vật đã tô màu ở mỗi hàng chỉ một phần mấy ?
(Trả lời trên búng đá hay trong tập vở).

		một phần nửa	một phần ba	một phần tư

Ý-NGHĨA TOÁN NHÂN
NHÂN VỚI 2, 3, 4 VÀ 5

Ý-NGHĨA TOÁN NHÂN

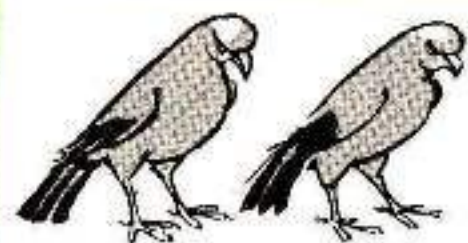


Mỗi trò có 2 viên phấn, 4 trò có bao nhiêu viên phấn ?

2 + 2 + 2 + 2 tức là 4 lần 2 viên, hay $2 \times 4 = 8$ viên.
(Dấu $\times$ đọc là nhân với)

Toán cộng $\begin{array}{r} 2 \\ 2 \\ 2 \\ 2 \\ \hline 8 \end{array}$ cũng như Toán nhân $\begin{array}{r} 2 \text{ viên} \\ 4 \text{ (lần)} \\ \hline 8 \text{ viên} \end{array}$

Khi phải cộng những số giống nhau thì người ta làm toán nhân cho nhanh hơn.



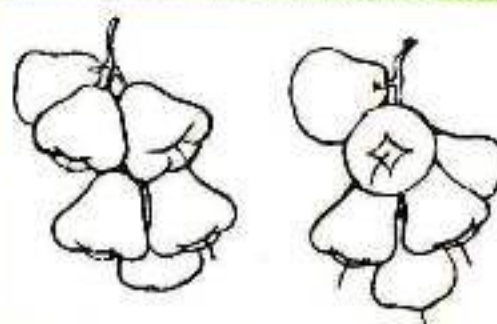
1. Mỗi con chim có 2 chân. Hai con chim có bao nhiêu chân ?
 $2 \text{ chân} + 2 \text{ chân} = 2 \text{ lần } 2 \text{ chân}$
hay $2 \text{ chân} \times 2 = 4 \text{ chân}$.

$$\begin{array}{r} 2 \\ \times 2 \\ \hline 4 \end{array}$$



2. Mỗi bàn tay có 5 ngón. Hai bàn tay có bao nhiêu ngón ?
 $5 \text{ ngón} + 5 \text{ ngón} = 2 \text{ lần } 5 \text{ ngón}$
hay $5 \text{ ngón} \times 2 = 10 \text{ ngón}$.

$$\begin{array}{r} 5 \\ \times 2 \\ \hline 10 \end{array}$$



3. Mỗi chùm mận có 6 trái. Hai chùm có bao nhiêu trái ?
 $6 \text{ trái} + 6 \text{ trái} = 2 \text{ lần } 6 \text{ trái}$ hay
 $6 \text{ trái} \times 2 = 12 \text{ trái}$.

$$\begin{array}{r} 6 \\ \times 2 \\ \hline 12 \end{array}$$

BẢNG NHÂN VỚI 2

2 lần 1 là 2	2 lần 6 là 12
2 lần 2 là 4	2 lần 7 là 14
2 lần 3 là 6	2 lần 8 là 16
2 lần 4 là 8	2 lần 9 là 18
2 lần 5 là 10	2 lần 10 là 20

BÀI TẬP

Làm những toán nhân dưới đây :

$$\begin{array}{r} 3 \\ \times 2 \\ \hline \end{array} \quad \begin{array}{r} 7 \\ \times 2 \\ \hline \end{array} \quad \begin{array}{r} 6 \\ \times 2 \\ \hline \end{array} \quad \begin{array}{r} 9 \\ \times 2 \\ \hline \end{array}$$

TOÁN ĐỐ

- Mỗi con chó có 4 chân. Hỏi 2 con chó có bao nhiêu chân ?
- Mỗi tuần lễ có 7 ngày. Hai tuần lễ có bao nhiêu ngày ?
- Mỗi cái khăn mặt giá 8\$. Chị Hằng mua 2 cái khăn mặt ; hỏi chị phải trả bao nhiêu tiền ?
- Má cho Thư 5\$, chị cũng cho Thư 5\$. Hỏi Thư được bao nhiêu tiền ?

PHẦN GIÁO-VIÊN :

Dùng vật cụ-thể như thẻ, sỏi để dạy toán nhân với 2. Rồi dùng những hình trong sách để hỏi lại. Cho học thuộc lòng bảng nhân với 2.

NHÂN VỚI 3

Có 3 cái bàn. Mỗi bàn có 5 trò. Hỏi tất cả có bao nhiêu trò ?

Bàn thứ nhất có 5 trò :



Bàn thứ hai có 5 trò :



Bàn thứ ba có 5 trò :



3 lần 5 trò là 15 trò

$$\begin{array}{r} \times 5 \text{ trò} \\ 3 \text{ (lần)} \\ \hline 15 \text{ trò} \end{array}$$

5 trò + 5 trò + 5 trò hay $5 \text{ trò} \times 3 = 15 \text{ trò}$

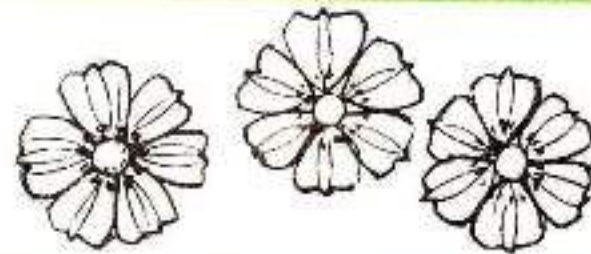
1. Mỗi người có 2 tay. Ba người có bao nhiêu tay ?

$$\begin{array}{r} \times 2 \text{ tay} \\ 3 \\ \hline 6 \text{ tay} \end{array}$$



2. Mỗi bông có 6 cánh. Ba bông có bao nhiêu cánh ?

$$\begin{array}{r} \times 6 \text{ cánh} \\ 3 \\ \hline 18 \text{ cánh} \end{array}$$



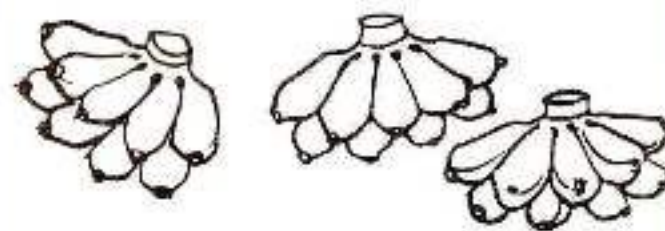
3. Một cái ghế có 4 chân. Ba cái có bao nhiêu chân ?

$$\begin{array}{r} \times 4 \text{ chân} \\ 3 \\ \hline 12 \text{ chân} \end{array}$$



4. Một nải chuối có 9 trái. Ba nải có bao nhiêu trái ?

$$\begin{array}{r} \times 9 \text{ trái} \\ 3 \\ \hline 27 \text{ trái} \end{array}$$



BẢNG NHÂN VỚI 3

3 lần 1 là 3	3 lần 6 là 18
3 lần 2 là 6	3 lần 7 là 21
3 lần 3 là 9	3 lần 8 là 24
3 lần 4 là 12	3 lần 9 là 27
3 lần 5 là 15	3 lần 10 là 30

BÀI TẬP

1. Làm những toán nhân dưới đây vào tập :

$$\begin{array}{r} \times 4 \\ 2 \end{array} \quad \begin{array}{r} \times 4 \\ 3 \end{array} \quad \begin{array}{r} \times 5 \\ 3 \end{array} \quad \begin{array}{r} \times 2 \\ 3 \end{array} \quad \begin{array}{r} \times 7 \\ 3 \end{array} \quad \begin{array}{r} \times 5 \\ 3 \end{array}$$

2. Đặt thành toán nhân những toán cộng dưới đây và làm vào tập :

$$\begin{array}{l} 3 + 3 + 3 = \\ 4 + 4 + 4 = \\ 7 + 7 + 7 = \\ 6 + 6 + 6 = \end{array}$$

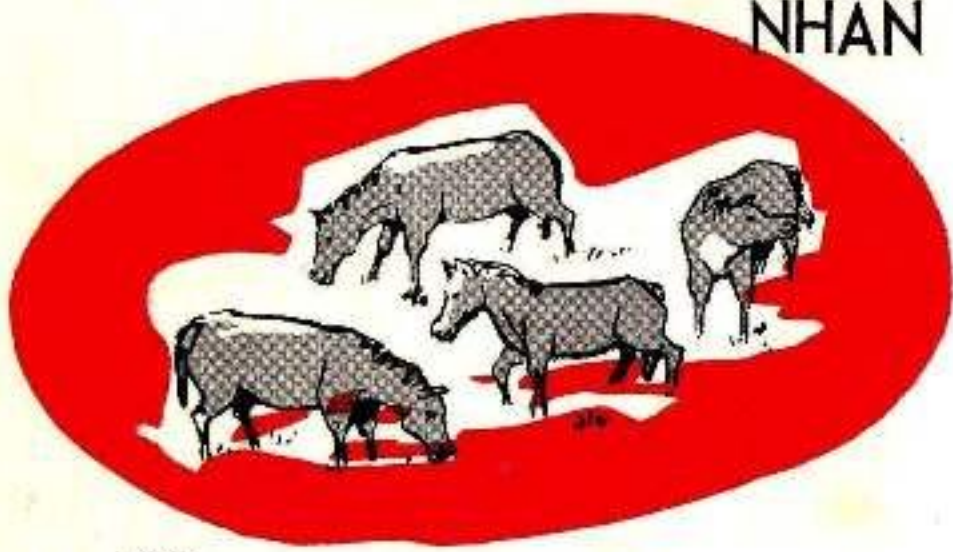
TOÁN ĐỐ

- Chị tôi mua 3 miếng xà-bông, mỗi miếng giá 5\$. Hỏi chị tôi phải trả bao nhiêu tiền ?
- Bà hàng bưởi bán cho khách hàng 3 trái bưởi, giá mỗi trái 8\$. Hỏi bà thu được bao nhiêu tiền ?
- Má tôi mua 3 cây chổi, mỗi cây 6\$. Hỏi má tôi đã trả bao nhiêu tiền ?

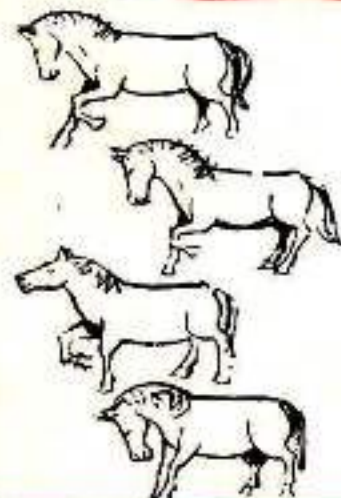
PHẦN GIÁO VIÊN :

Như bài Nhân với 2

NHÂN VỚI 4



Mỗi con ngựa có 4 chân. Hỏi 4 con ngựa có tất cả bao nhiêu chân ?



Con ngựa thứ nhất có 4 chân :

4 lần 4 chân là 16 chân

Con ngựa thứ nhì có 4 chân :

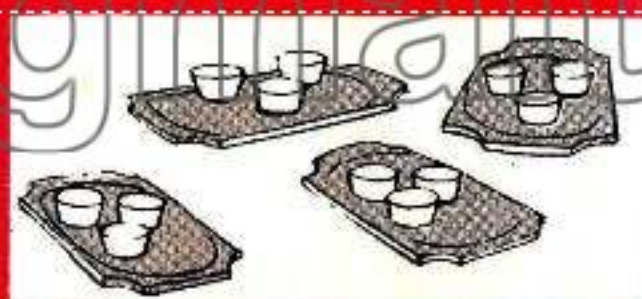
Con ngựa thứ ba có 4 chân :

Con ngựa thứ tư có 4 chân :

$$\begin{array}{r} \times 4 \text{ chân} \\ 4 \text{ (lần)} \\ \hline 16 \text{ chân} \end{array}$$

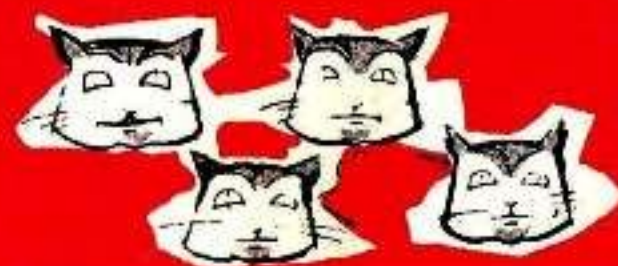
1. Mỗi cái khay có 3 chén. Bốn cái khay có bao nhiêu chén ?

$$\begin{array}{r} \times 3 \text{ chén} \\ 4 \text{ (lần)} \\ \hline 12 \text{ chén} \end{array}$$



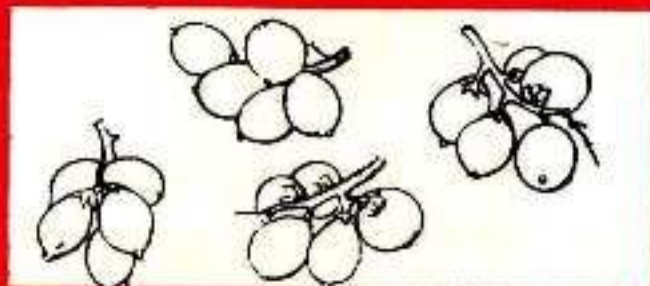
2. Mỗi con mèo có 2 mắt. Bốn con mèo có bao nhiêu mắt tất cả ?

$$\begin{array}{r} \times 2 \text{ mắt} \\ 4 \text{ (lần)} \\ \hline 8 \text{ mắt} \end{array}$$



3. Có 4 chùm cau, mỗi chùm 5 trái. Hỏi 4 chùm có bao nhiêu trái ?

$$\begin{array}{r} \times 5 \text{ trái} \\ 4 \text{ (lần)} \\ \hline 20 \text{ trái} \end{array}$$



BẢNG NHÂN VỚI 4

4 lần 1 là 4	4 lần 6 là 24
4 lần 2 là 8	4 lần 7 là 28
4 lần 3 là 12	4 lần 8 là 32
4 lần 4 là 16	4 lần 9 là 36
4 lần 5 là 20	4 lần 10 là 40

BÀI TẬP

1. Làm những toán nhân dưới đây vào tập :

$$\begin{array}{r} \times 8 \\ 3 \end{array} \quad \begin{array}{r} \times 6 \\ 4 \end{array} \quad \begin{array}{r} \times 7 \\ 4 \end{array} \quad \begin{array}{r} \times 8 \\ 4 \end{array} \quad \begin{array}{r} \times 9 \\ 4 \end{array} \quad \begin{array}{r} \times 3 \\ 3 \end{array} \quad \begin{array}{r} \times 8 \\ 2 \end{array}$$

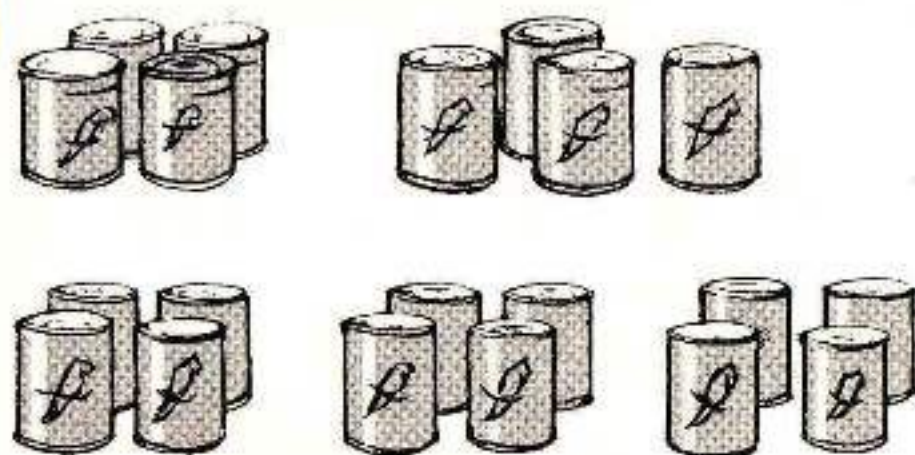
2. Đặt những toán cộng dưới đây thành toán nhân và làm vào tập :

$$\begin{array}{l} 8 + 8 + 8 = \\ 6 + 6 + 6 + 6 = \\ 5 + 5 + 5 = \\ 7 + 7 + 7 + 7 = \end{array}$$

TOÁN ĐỐ

- Bà Kim mua một hộp bánh. Bà trả 4 tờ giấy 5\$. Hỏi giá hộp bánh đó là bao nhiêu ?
- Thầy giáo phát cho 4 trò, mỗi trò 7 ngòi viết. Hỏi thầy đã phát tất cả bao nhiêu ngòi viết ?
- Chị tôi mua 3 hộp bánh Trung-Thu, mỗi hộp có 4 cái bánh. Hỏi 3 hộp có bao nhiêu bánh ?

NHÂN VỚI 5



Một tiệm tạp-hóa bán cho 5 người, mỗi người 4 hộp sữa. Hỏi tiệm đó đã bán bao nhiêu hộp sữa ?

$$\begin{array}{r} \times 4 \text{ hộp} \\ 5 \\ \hline 20 \text{ hộp} \end{array}$$

$$4h + 4h + 4h + 4h + 4h \text{ hay } 4h \times 5 = 20 \text{ hộp}$$

BẢNG NHÂN VỚI 5

5 lần 1 là 5	5 lần 6 là 30
5 lần 2 là 10	5 lần 7 là 35
5 lần 3 là 15	5 lần 8 là 40
5 lần 4 là 20	5 lần 9 là 45
5 lần 5 là 25	5 lần 10 là 50

BÀI TẬP

1. Làm những toán nhân sau đây vào tập :

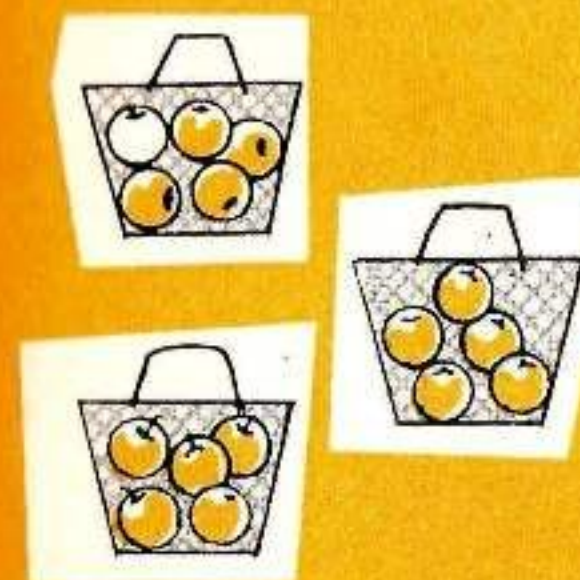
$$\begin{array}{r} \times 3 \\ 5 \\ \hline \end{array} \quad \begin{array}{r} \times 6 \\ 5 \\ \hline \end{array} \quad \begin{array}{r} \times 4 \\ 5 \\ \hline \end{array} \quad \begin{array}{r} \times 2 \\ 5 \\ \hline \end{array} \quad \begin{array}{r} \times 7 \\ 5 \\ \hline \end{array} \quad \begin{array}{r} \times 9 \\ 5 \\ \hline \end{array} \quad \begin{array}{r} \times 8 \\ 5 \\ \hline \end{array} \quad \begin{array}{r} \times 5 \\ 5 \\ \hline \end{array}$$

TOÁN ĐỐ

- Ba tôi mua 5 hộp xà-bông. Mỗi hộp có 5 bánh. Hỏi 5 hộp có tất cả bao nhiêu bánh xà-bông ?
- Bà Hai cho 5 đứa con mỗi đứa một gói kẹo. Mỗi gói kẹo có 8 viên. Hỏi 5 gói có bao nhiêu viên kẹo ?
- Một người mua 5 cái khăn mặt, giá mỗi cái 7\$. Hỏi người ấy phải trả bao nhiêu tiền ?

ĐẶC-TÍNH CỦA TOÁN NHÂN

1. Có 3 giỏ cam, mỗi giỏ 5 trái. Hỏi 3 giỏ có bao nhiêu trái ?



3 lần 5 trái là 15 trái

$$\begin{array}{r} \times 5 \text{ trái} \\ 3 \text{ (lần)} \\ \hline 15 \text{ trái} \end{array}$$

$$5 \text{ trái} \times 3 = 15 \text{ trái}$$

2. Có 5 giỏ cam, mỗi giỏ 3 trái. Hỏi 5 giỏ cam có bao nhiêu trái ?



5 lần 3 trái là 15 trái

$$\begin{array}{r} \times 3 \text{ trái} \\ 5 \text{ (lần)} \\ \hline 15 \text{ trái} \end{array}$$

$$3 \text{ trái} \times 5 = 15 \text{ trái}$$

CHÚ - Ý : Khi ta đảo ngược hai con số của toán nhân thì kết-quả không thay đổi.

PHẦN GIÁO-VIÊN :

Giáo-viên nên cho nhiều thí-dụ khác như $4 \times 3 = 3 \times 4$, $2 \times 6 = 6 \times 2$, v.v... và cắt nghĩa cho học-sinh biết khi ta đảo ngược hai thừa-số của toán nhân thì tích-số không thay đổi.

HỌC ÔN : NHÂN VỚI 2, 3, 4, VÀ 5

Bảng nhân 4 số đầu

6

4

1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
2	4	6	8	10	12	14	16	18	20
3	6	9	12	15	18	21	24	27	30
4	8	12	16	20	24	28	32	36	40
5	10	15	20	25	30	35	40	45	50

4 lần 6 là 24

2 lần 7 là bao nhiêu ?
3 lần 5 là bao nhiêu ?
4 lần 8 là bao nhiêu ?
5 lần 6 là bao nhiêu ?

Làm những bài toán nhân sau đây :

$\times 2$	$\times 3$	$\times 6$	$\times 4$	$\times 8$	$\times 7$	$\times 5$	$\times 9$
$\times 2$	$\times 2$	$\times 2$	$\times 2$	$\times 2$	$\times 2$	$\times 2$	$\times 2$
$\times 4$	$\times 3$	$\times 5$	$\times 7$	$\times 6$	$\times 9$	$\times 2$	$\times 8$
$\times 3$	$\times 3$	$\times 3$	$\times 3$	$\times 3$	$\times 3$	$\times 3$	$\times 3$
$\times 6$	$\times 2$	$\times 7$	$\times 9$	$\times 8$	$\times 4$	$\times 3$	$\times 5$
$\times 4$	$\times 4$	$\times 4$	$\times 4$	$\times 4$	$\times 4$	$\times 4$	$\times 4$
$\times 3$	$\times 5$	$\times 8$	$\times 4$	$\times 6$	$\times 7$	$\times 2$	$\times 9$
$\times 5$	$\times 5$	$\times 5$	$\times 5$	$\times 5$	$\times 5$	$\times 5$	$\times 5$
$\times 5$	$\times 6$	$\times 0$	$\times 0$	$\times 2$	$\times 7$	$\times 0$	$\times 1$
$\times 1$	$\times 1$	$\times 3$	$\times 4$	$\times 1$	$\times 1$	$\times 6$	$\times 2$

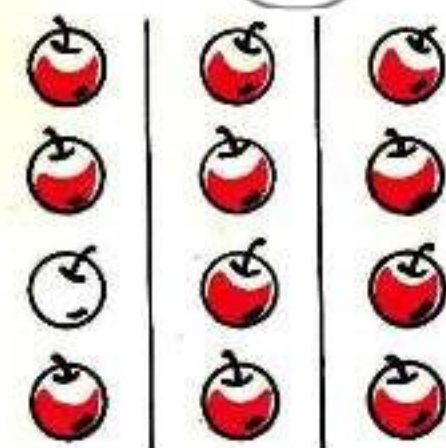
PHẦN GIÁO-VIÊN :

Cách dùng bảng nhân : những số ở cột đầu bên trái chỉ số nhân ; những số ở hàng ngang trên cùng chỉ số phải nhân. Chỗ hai mũi tên gặp nhau là tích-số muốn tìm.
Dạy cho học-sinh biết bất cứ số nào nhân với số không cũng thành không : 1 lần 0 là 0, 2 lần 0 là 0, v.v... và số 1 nhân với số nào thì ra số ấy : 1 lần 1 là 1, 1 lần 4 là 4, 1 lần 9 là 9 v.v...

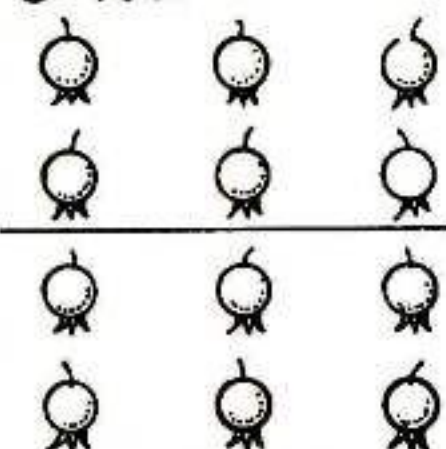
TOÁN ĐÓ VỀ PHÉP NHÂN

1. Có 3 bao đèn cầy, mỗi bao 6 cây. Hỏi cả 3 bao có bao nhiêu cây đèn cầy ?
2. Trên mỗi cái khay có 6 cái chén. Hỏi trên 4 cái khay có bao nhiêu cái chén ?
3. Hào có 1 tờ giấy 20\$ và 3 tờ giấy 5\$. Hỏi Hào có tất cả bao nhiêu tiền ?
4. Mỗi dây phở có 9 căn. Hỏi 5 dây có bao nhiêu căn ?
5. Chị Thu mua một hộp phấn giá 15\$ và 4 bình mực mỗi bình 2\$. Hỏi chị đã trả bao nhiêu tiền ?
6. Anh Xuân có 50 trái mận. Anh cho 5 em mỗi em 7 trái. Hỏi anh còn lại bao nhiêu trái ?

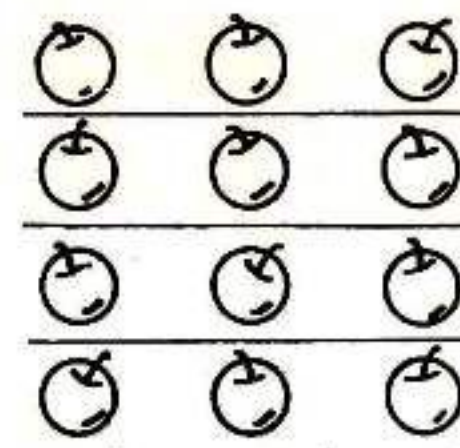
Những số nhân thành 12



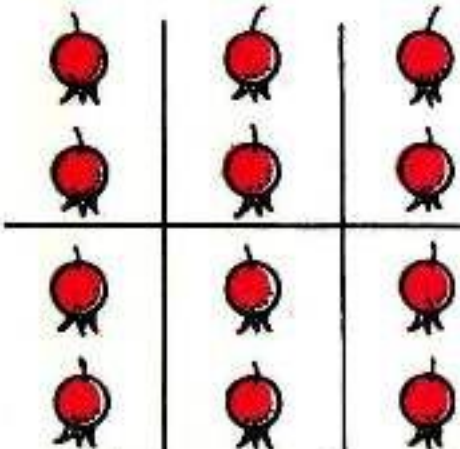
3 lần 4 là 12



2 lần 6 là 12



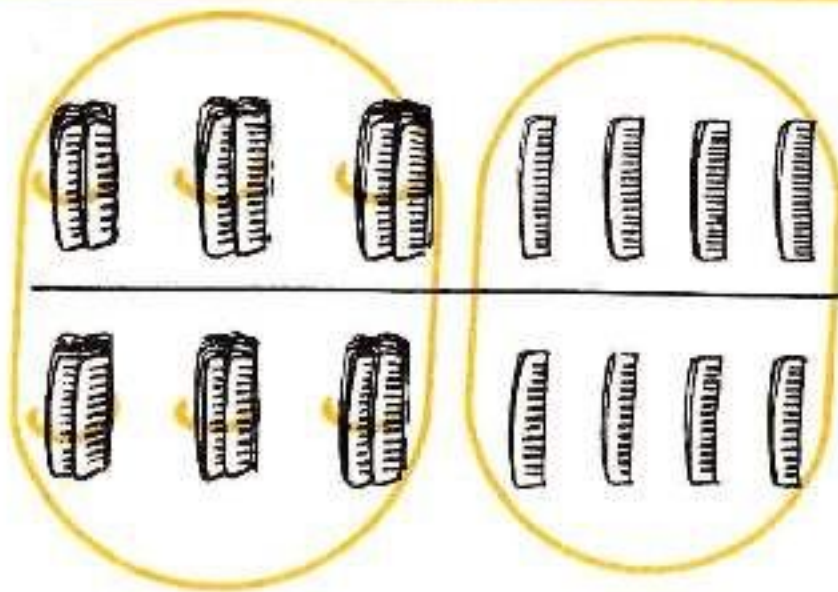
4 lần 3 là 12



6 lần 2 là 12

TOÁN NHÂN : SỐ PHẢI NHÂN CÓ HAI CON SỐ, SỐ NHÃN CÓ MỘT CON SỐ
SỐ PHẢI NHÂN CÓ HAI CON SỐ,
SỐ NHÃN CÓ MỘT CON SỐ, KHÔNG NHỚ

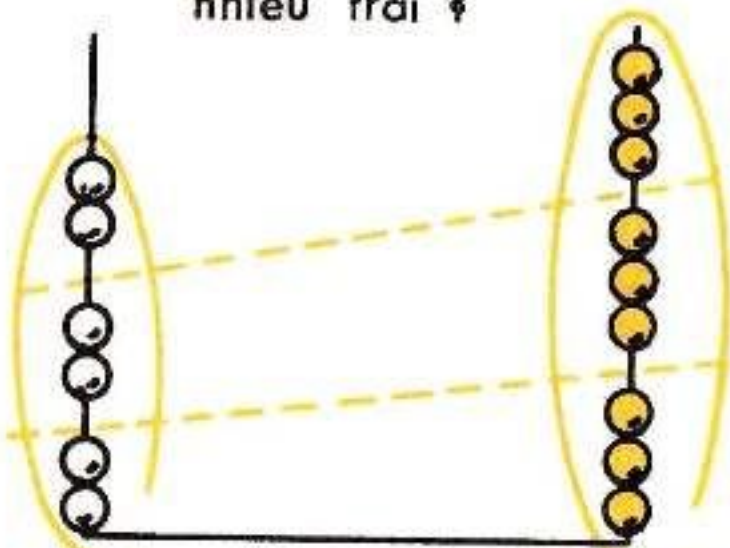
1. Có 2 hộp lược, mỗi hộp đựng 34 cái. Hỏi 2 hộp có tất cả bao nhiêu lược ?



$$\begin{array}{l} 2 \text{ lần } 34 \text{ lược} \\ \text{hay} \\ 34 \text{ lược} \times 2 = \end{array} \quad \begin{array}{r} \times 34 \text{ lược} \\ 2 \\ \hline 68 \text{ lược} \end{array}$$

CÁCH LÀM : Tôi nói : 2 lần 4 đơn-vị là 8 đơn-vị; tôi viết 8 ở dưới cột đơn-vị.
 2 lần 3 chục là 6 chục; tôi viết 6 ở dưới cột hàng chục.
 Được 6 chục 8 đơn-vị tức là 68 cái lược.

2. Mỗi chùm nhãn có 23 trái. Ba chùm nhãn có bao nhiêu trái ?



$$\begin{array}{l} 3 \text{ lần } 23 \text{ trái} \\ \text{hay} \\ 23 \text{ trái} \times 3 = \end{array} \quad \begin{array}{r} \times 23 \text{ trái} \\ 3 \\ \hline 69 \text{ trái} \end{array}$$

Được : 6 chục 9 đơn-vị tức là 69 trái nhãn

BÀI TẬP

Làm vào tập vở những toán nhân sau đây :

$$\begin{array}{l} \times 12 \\ 2 \\ \hline \end{array} \quad \begin{array}{l} \times 23 \\ 2 \\ \hline \end{array} \quad \begin{array}{l} \times 22 \\ 2 \\ \hline \end{array} \quad \begin{array}{l} \times 20 \\ 2 \\ \hline \end{array} \quad \begin{array}{l} \times 33 \\ 2 \\ \hline \end{array}$$

$$\begin{array}{l} \times 44 \\ 2 \\ \hline \end{array} \quad \begin{array}{l} \times 42 \\ 2 \\ \hline \end{array} \quad \begin{array}{l} \times 41 \\ 2 \\ \hline \end{array} \quad \begin{array}{l} \times 24 \\ 2 \\ \hline \end{array} \quad \begin{array}{l} \times 30 \\ 2 \\ \hline \end{array}$$

$$\begin{array}{l} \times 11 \\ 3 \\ \hline \end{array} \quad \begin{array}{l} \times 22 \\ 3 \\ \hline \end{array} \quad \begin{array}{l} \times 21 \\ 3 \\ \hline \end{array} \quad \begin{array}{l} \times 11 \\ 4 \\ \hline \end{array} \quad \begin{array}{l} \times 20 \\ 4 \\ \hline \end{array}$$

$$\begin{array}{l} \times 31 \\ 3 \\ \hline \end{array} \quad \begin{array}{l} \times 30 \\ 3 \\ \hline \end{array} \quad \begin{array}{l} \times 32 \\ 3 \\ \hline \end{array} \quad \begin{array}{l} \times 22 \\ 4 \\ \hline \end{array} \quad \begin{array}{l} \times 21 \\ 4 \\ \hline \end{array}$$

$$\begin{array}{l} \times 12 \\ 4 \\ \hline \end{array} \quad \begin{array}{l} \times 11 \\ 5 \\ \hline \end{array} \quad \begin{array}{l} \times 10 \\ 5 \\ \hline \end{array} \quad \begin{array}{l} \times 45 \\ 1 \\ \hline \end{array} \quad \begin{array}{l} \times 23 \\ 3 \\ \hline \end{array}$$

TOÁN ĐỐ

1. Hai hộp bánh mỗi hộp đựng 24 cái. Hỏi 2 hộp có bao nhiêu bánh ?
2. Trên mỗi cái khay có 12 cái ly. Hỏi trên 3 cái khay có bao nhiêu ly ?
3. Một dòng bắp có 21 cây. Hỏi 4 dòng bắp có tất cả bao nhiêu cây ?
4. Một lớp học có 5 cái bàn dài và 1 cái bàn ngắn. Mỗi bàn dài có 8 trò và bàn ngắn có 6 trò. Hỏi lớp học đó có bao nhiêu trò tất cả ?
5. Một tiệm may có 2 cây vải, mỗi cây có 23m. Tiệm đó dùng hết 30m, hỏi còn lại bao nhiêu mét vải ?
6. Chị tôi mua 3 cái nón, mỗi cái giá 23\$. Chị tôi đưa cho nhà hàng một tờ giấy bạc 100\$. Hỏi nhà hàng phải thối lại bao nhiêu ?

TOÁN NHÂN CÓ NHỚ

BÀI TẬP

1. Mỗi cái cặp sách giá 37\$. Hỏi 2 cái giá bao nhiêu ?

CHỤC	ĐƠN.VỊ
3	7
×	2
+	4
6	
7	4

2 lần 37\$
hay
37\$ × 2 =

× 37\$
2
74\$

6 chục + 1 chục = 7 chục
7 chục và 4 đơn-vị là 74

CÁCH LÀM : Tôi nói : 2 lần 7 đơn-vị là 14 đơn-vị (tức là 1 chục và 4 đơn-vị), tôi viết 4 (dưới cột đơn-vị) và nhớ 1 (tức là 1 chục).
2 lần 3 chục là 6 chục, với 1 chục (nhớ) là 7 chục, tôi viết 7 (dưới cột hàng chục).
Được 7 chục 4 đơn-vị tức là 74\$.

2. Một bình trà giá 18\$. Hỏi 3 bình giá bao nhiêu ?

CHỤC	ĐƠN.VỊ
1	8
×	3
+	4
2	
3	4

3 lần 18\$
hay
18\$ × 3 =

× 18\$
3
54\$

3 chục + 2 chục = 5 chục
5 chục và 4 đơn-vị là 54

× 18 2	× 27 2	× 19 2	× 28 2	× 39 2
× 14 3	× 12 5	× 24 3	× 34 3	× 24 4
× 13 5	× 23 4	× 26 3	× 49 2	× 37 3
× 28 3	× 27 3	× 29 3	× 15 4	× 16 4
× 16 5	× 15 5	× 17 4	× 18 4	× 25 3

TOÁN ĐỐ

- Mỗi tháng ông Tư đi làm 26 ngày. Hỏi trong 3 tháng ông Tư đi làm bao nhiêu ngày ?
- Má tôi mua 4 con chim bồ-câu, mỗi con giá 15\$. Hỏi má tôi phải trả bao nhiêu tiền ?
- Người phu lục-lộ mỗi ngày sửa được 28m đường. Hỏi trong 3 ngày người ấy sửa được khoảng đường dài bao nhiêu mét ?
- Anh tôi có một tờ giấy 50\$, đi xe 2 bận, mỗi bận phải trả 18\$. Hỏi anh tôi còn lại bao nhiêu tiền ?
- Chị tôi có 90\$, muốn mua 2 con gà, mỗi con giá 48\$. Hỏi chị tôi còn thiếu bao nhiêu tiền ?
- Bà Năm mua 3 gói kẹo mỗi gói 13\$ và một hộp bánh giá 45\$. Hỏi bà Năm đã trả bao nhiêu tiền ?

TOÁN NHÂN CÓ NHỚ (tiếp theo)

1. Má tôi mua 3 con gà, mỗi con giá 45\$. Hỏi má tôi phải trả bao nhiêu tiền?

TRĂM	CHỤC	ĐƠN-VỊ
	4	5
	x	3
	1	5
+	2	
1	3	5

3 lần 45

hay

45\$ x 3

135

CÁCH LÀM

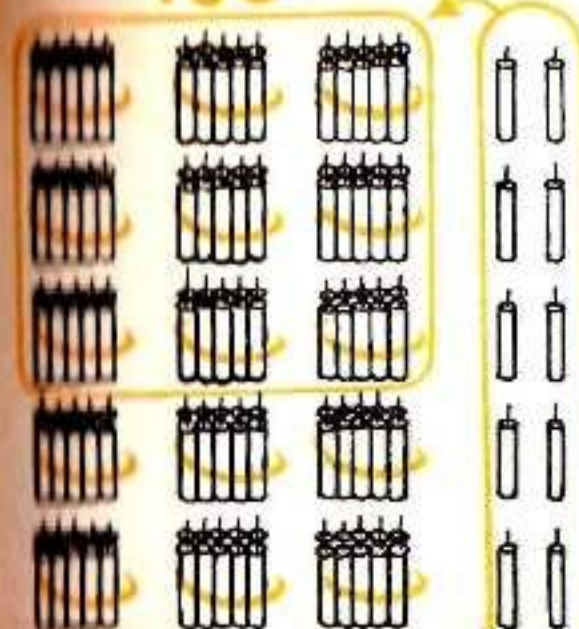
Tôi nói: 3 lần 5 đơn-vị là 15 đơn-vị, tôi viết 5 nhớ 1 chục.

3 lần 4 chục là 12 chục, với 1 chục nhớ là 13 chục. Tôi viết 13 chục. Tôi viết 3 ở dưới cột hàng chục và 1 ở dưới cột hàng trăm.

Được: 1 trăm 3 chục 5 đơn-vị tức là 135\$.

2. Có 5 hộp nến (đèn cầy), mỗi hộp có 32 cây. Hỏi 5 hộp có bao nhiêu cây tất cả?

100



5 lần 32 cây hay 32 cây x 5

$$\begin{array}{r} \times 32 \\ 5 \\ \hline 160 \end{array} \quad \begin{array}{r} \times 32^c \\ 5 \\ \hline 160^c \end{array}$$

Được: 160 cây nến

BÀI TẬP

làm vào tập những toán nhân sau đây:

$$\begin{array}{r} \times 26 \\ 4 \end{array} \quad \begin{array}{r} \times 19 \\ 3 \end{array} \quad \begin{array}{r} \times 25 \\ 4 \end{array} \quad \begin{array}{r} \times 28 \\ 3 \end{array} \quad \begin{array}{r} \times 27 \\ 3 \end{array}$$

$$\begin{array}{r} \times 24 \\ 3 \end{array} \quad \begin{array}{r} \times 15 \\ 2 \end{array} \quad \begin{array}{r} \times 16 \\ 3 \end{array} \quad \begin{array}{r} \times 27 \\ 2 \end{array} \quad \begin{array}{r} \times 18 \\ 2 \end{array} \quad \begin{array}{r} \times 34 \\ 3 \end{array} \quad \begin{array}{r} \times 45 \\ 3 \end{array} \quad \begin{array}{r} \times 32 \\ 5 \end{array} \quad \begin{array}{r} \times 33 \\ 4 \end{array} \quad \begin{array}{r} \times 34 \\ 5 \end{array}$$

$$\begin{array}{r} \times 22 \\ 5 \end{array} \quad \begin{array}{r} \times 23 \\ 4 \end{array} \quad \begin{array}{r} \times 20 \\ 5 \end{array} \quad \begin{array}{r} \times 19 \\ 2 \end{array} \quad \begin{array}{r} \times 25 \\ 3 \end{array} \quad \begin{array}{r} \times 27 \\ 4 \end{array} \quad \begin{array}{r} \times 28 \\ 4 \end{array} \quad \begin{array}{r} \times 37 \\ 5 \end{array} \quad \begin{array}{r} \times 38 \\ 3 \end{array} \quad \begin{array}{r} \times 46 \\ 3 \end{array}$$

TOÁN ĐỐ

- Một tập vở có 32 trang. Hỏi 5 tập có bao nhiêu trang?
- Một tiệm may mua 4 sấp vải, mỗi sấp dài 60m. Hỏi tiệm đó đã mua bao nhiêu mét vải?
- Một trường có 3 lớp học: lớp Ba và lớp Tư có mỗi lớp 52 trò, lớp Năm có 48 trò. Hỏi trường đó có bao nhiêu học trò?
- Chị tôi có 5 tờ giấy 20\$, tiêu hết 85\$. Hỏi chị tôi còn lại bao nhiêu?
- Trong tiệm ăn người ta đặt mỗi bàn 2 đĩa bánh. Mỗi đĩa có 12 cái. Hỏi 3 bàn có bao nhiêu cái bánh?
- Chú tôi mua 4 cái ghế mỗi cái giá 50\$ và 1 cái bàn giá 120\$. Hỏi chú tôi phải trả bao nhiêu tiền?

A. VIỆC MUA BÁN – TÌM TIỀN BÁN

$$\boxed{\text{Tiền bán}} = \boxed{\text{Tiền mua}} + \boxed{\text{Tiền lời}}$$

1. Tiệm tạp-hóa mua một bao bột giá 530\$. Hỏi tiệm ấy phải bán lại bao nhiêu để được lời 65\$?
2. Một bao gạo giá 705\$, công chở hết 38\$. Sau khi bán lại, chủ tiệm được lời 67\$. Tìm tiền bán bao gạo?
3. Ông Nam mua một chiếc xe đạp cũ 680\$. Ông về sửa tốn hết 164\$. Hỏi ông bán lại bao nhiêu để lời 240\$?
4. Cô Thu mua 2 thùng mận mỗi thùng giá 86\$. Bán cả hai, cô lời 54\$. Hỏi giá tiền bán hai thùng mận ấy?
5. Bà Tư bán 15 lít dấm lời mỗi lít 3\$. Tiền mua dấm là 150\$. Bà bán số dấm ấy bao nhiêu tiền?

TÌM TIỀN LỜI

$$\boxed{\text{Tiền lời}} = \boxed{\text{Tiền bán}} - \boxed{\text{Tiền mua}}$$

1. Chị hàng vải mua một cây vải giá 850\$. Chị bán lại 964\$. Vậy chị lời được bao nhiêu?
2. Giá mua một cái tủ là 584\$. Tiền chở hết 22\$. Đem bán lại được 736\$. Hỏi tiền lời cái tủ là bao nhiêu?
3. Nhà hàng bán một hộp bánh 60\$, cặp vợt bóng bàn 135\$. Giá vốn hai món ấy là 164\$. Hỏi nhà hàng lời tất cả bao nhiêu?
4. Anh Hùng mua 36 lít dấm giá 162\$, bán lẻ lại mỗi lít 5\$. Hỏi anh được lời tất cả bao nhiêu?
5. Một người mua 4 cái ghế giá 320\$. Tiền chở hết 24\$. Đem về bán lại mỗi cái 96\$. Hỏi người ấy được lời bao nhiêu?

BIỆN GIÁO-VIÊN :

Bằng những thí-dụ cụ-thể, giáo-viên cho học-sinh đóng kịch mua bán để biết tìm giá bán và tiền lời trước khi cho làm các bài toán đồ ứng-dụng.

TÌM TIỀN MUA

$$\text{Tiền mua} = \text{Tiền bán} - \text{Tiền lời}$$

1. Mẹ trò Sơn bán một số gà vịt được 185\$. Bà lời được 46\$. Tính coi giá mua số gà vịt ấy là bao nhiêu ?
2. Bà Tư bán một con ngỗng được 120\$. Bà lời được 25\$. Hỏi giá mua con ngỗng ấy là bao nhiêu ?
3. Bán 4 thùng xà-bông giá 428\$, người chủ tiệm lời mỗi thùng 27\$. Hỏi người chủ tiệm đã mua 4 thùng xà-bông ấy bao nhiêu ?
4. Chị Xuân bán 3 thùng hộp vịt giá mỗi thùng 75\$. Chị lời cả thảy 58\$. Hỏi chị mua 3 thùng hộp vịt bao nhiêu tiền ?
5. Bà Mẫn mua 40m vải, bán lại 800\$. Bà lời mỗi mét 3\$. Hỏi tiền mua số vải ấy là bao nhiêu ?

B. TIỀN KIẾM ĐƯỢC VÀ TIỀN ĐỀ DÀNH TÌM TIỀN ĐỀ DÀNH

$$\text{Tiền đề dành} = \text{Tiền lãnh} - \text{Tiền xài}$$

1. Bác Thân mỗi tháng lãnh được 1.000\$. Bác xài hết 812\$. Hỏi cuối tháng bác đề dành được bao nhiêu tiền ?
2. Tuần đầu, chú Nhâm lãnh 450\$, tuần kế 428\$. Trong hai tuần, chú xài hết 609\$. Tính coi chú đề dành được trong hai tuần là bao nhiêu ?
3. Người thợ mộc làm 5 ngày trong một tuần lễ, mỗi ngày lãnh 90\$ và xài trong tuần hết 326\$. Hỏi người thợ này đề dành được bao nhiêu trong một tuần ?
4. Anh Dậu lãnh mỗi ngày 85\$ và xài hết 80\$. Hỏi trong một tháng 30 ngày, anh đề dành được bao nhiêu ?
5. Ông Cảnh lãnh mỗi tuần 750\$. Ông trả tiền ăn hết 314\$, tiền thuốc men 90\$, tiền xe cho con đi học 82\$. Hỏi trong một tuần, ông đề dành được bao nhiêu ?

TÌM TIỀN XÀI

$$\text{Tiền xài} = \text{Tiền lãnh} - \text{Tiền để dành}$$

1. Cô Tuyết lãnh tháng rồi 950\$. Cô để dành được 164\$. Hỏi tháng đó cô xài hết bao nhiêu ?
2. Mười ngày đầu tháng, cậu Tư xích-lô kiếm được 375\$, mười ngày kế 243\$ và mười ngày cuối tháng 230\$. Cậu để dành được 280\$. Hỏi trong tháng cậu Tư xài bao nhiêu ?
3. Di Sáu gánh hồ lãnh một ngày 40\$. Di bỏ ống 4\$. Hỏi Di xài mỗi ngày bao nhiêu ?
4. Tý bán báo kiếm mỗi ngày 50\$. Ăn xài xong, Tý còn 18\$. Hỏi trong 5 ngày nó xài bao nhiêu ?
5. Một người làm công lãnh mỗi ngày 86\$. Người ấy làm xong công việc trong 3 ngày và để dành được 63\$. Hỏi người ấy đã xài bao nhiêu tiền trong 3 ngày ?

TÌM TIỀN LÃNH

$$\text{Tiền lãnh} = \text{Tiền xài} + \text{Tiền để dành}$$

1. Người thợ rèn mỗi ngày xài 65\$ và để dành được 15\$. Hỏi mỗi ngày người thợ ấy lãnh bao nhiêu tiền ?
2. Anh tài-xế xài mỗi ngày 50\$ và để dành được 25\$. Tính tiền lãnh của anh tài-xế trong 5 ngày làm việc ?
3. Mỗi ngày anh Tám xài 44\$. Anh để dành được 21\$. Hỏi trong 4 ngày, anh lãnh được bao nhiêu ?
4. Ông Mẫn xài mỗi ngày 70\$ tiền chợ, 36\$ lật-vật, còn lại 54\$. Hỏi mỗi ngày ông lãnh được bao nhiêu tiền ?
5. Anh thợ Hai xài mỗi ngày hết 76\$, còn dư 24\$. Tính coi trong 5 ngày, anh lãnh được bao nhiêu tiền ?

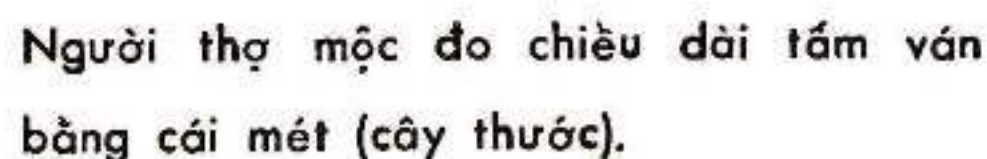
NHỮNG PHẦN HƠN KÉM NHAU

1. Bà Hương mua hai tấm vải. Tấm thứ nhất đo được 25m. Tấm thứ nhì dài hơn tấm thứ nhất 13m. Hỏi cả hai tấm vải đó dài bao nhiêu mét ?
2. Anh tôi cân được 32kg. Tôi kém anh tôi 7kg. Hỏi hai anh em tôi nặng bao nhiêu ?
3. Chị tôi đi chợ mua một con vịt và một con gà. Giá một con vịt là 37\$. Giá con gà gấp ba lần giá con vịt. Hỏi giá con gà bao nhiêu ? Và chị tôi đã trả bao nhiêu tiền ?
4. Lớp tôi có 57 trò và ít hơn lớp Năm 12 trò. Hỏi hai lớp có bao nhiêu trò ?
5. Tôi có 18 ngòi viết. Anh tôi có hơn tôi 5 ngòi. Em tôi có ít hơn tôi 7 ngòi. Hỏi ba anh em tôi có bao nhiêu ngòi viết tất cả ?

TOÁN ĐỐ VẬT

1. Má tôi mua 3 hộp bánh và một hộp kẹo. Má tôi trả cho nhà hàng tất cả 68\$. Giá mỗi hộp bánh là 16\$. Hỏi giá hộp kẹo là bao nhiêu ?
2. Ông Lâm đem 2 con vịt đổi cho người hàng xóm lấy 3 mét vải. Giá mỗi con vịt là 38\$. Giá mỗi mét vải là 23\$. Hỏi ông Lâm còn phải trả thêm người hàng xóm bao nhiêu tiền nữa ?
3. Chị tôi đem một tấm giấy bạc 50\$ đi chợ. Chị tôi mua 4 trái đu-đu và một trái bưởi. Nhà hàng thối lại 6\$. Giá mỗi trái đu-đu là 8\$. Hỏi trái bưởi giá bao nhiêu ?
4. Mỗi ngày, người cha đi làm kiếm được 60\$ và người con kiếm được 30\$. Hỏi trong 5 ngày, hai cha con kiếm được bao nhiêu ?
5. Cha tôi mua một cái tủ và trả cho nhà hàng 3 tờ giấy bạc 200\$ và 4 tờ giấy 50\$. Nhà hàng thối lại 30\$. Hỏi giá cái tủ đó bao nhiêu tiền ?

PHÉP ĐO CHIỀU DÀI :
CÁI MÉT



Mét viết tắt là m.
Người ta viết: 1m, 2m, 3m, 4m.

1. Đặt cái mét ở trên bảng và gạch hai nét ở hai đầu mét để biết chiều dài thật của cái mét.
2. Dùng một miếng tre, một miếng cây hoặc một sợi dây làm một cái mét đơn giản để đo chiều dài, chiều rộng lớp học.
3. Tập ước lượng : gạch xuống sân những đường dài 1m, 2m, 3m, 4m hay 5m v.v... rồi dùng mét đo lại xem có đúng không ?

1. Viết các số dưới đây vào bảng đã theo thứ tự từ nhỏ đến lớn :

5m, 2m, 4m, 7m, 9m, 8m

2. Viết số phải thêm vào bảng đã :

$$\begin{array}{ll} 4m + \underline{\quad} m = 7m & 6m = 2m + \underline{\quad} m \\ 2m + \underline{\quad} m = 6m & 8m = 3m + \underline{\quad} m \\ 4m + \underline{\quad} m = 9m & 5m = 2m + \underline{\quad} m \end{array}$$

3. Viết số phải bớt vào bảng đã :

$9\text{m} - \text{m} = 5\text{m}$ $7\text{m} - \text{m} = 4\text{m}$
 $8\text{m} - \text{m} = 2\text{m}$ $8\text{m} - \text{m} = 3\text{m}$
 $6\text{m} - \text{m} = 4\text{m}$ $9\text{m} - \text{m} = 6\text{m}$

1. Có hai khúc dây. Một khúc đo được 3m và một khúc 5m. Hỏi bề dài hai khúc dây là bao nhiêu mét ?
2. Một cái thang đo được 8m, cái thứ nhì 6m. Hỏi cái thang thứ nhất dài hơn cái thang thứ nhì bao nhiêu mét ?
3. Một thân cây dài 9m. Người ta đẵn ra 4m. Hỏi khúc còn lại dài bao nhiêu ?

CÁC LOẠI MÉT

1. Người bán vải đo vải bằng cây **mét thẳng**.



2. Người thợ may lấy kích thước khách hàng bằng cái **mét vải**.



3. Người thợ mộc dùng cây **mét gấp** đo tấm ván.



THỰC HÀNH

1. Dùng cái mét vải đo vòng ngực, vòng thắt lưng, vòng cổ, chiều dài cánh tay v. v. ...
2. Dùng cây mét gấp đo chiều dài, chiều ngang lớp học, chiều cao bàn ghế.
3. Tập đồng kích người bán vải.

TOÁN ĐỐ

Một xấp vải có 18m. Chị Xuân cắt ra 4m để may một bộ đồ và 2m để may một cái áo sơ-mi. Hỏi xấp vải còn lại bao nhiêu mét ?

CÁI LÍT



Chị Thúy đến tiệm tạp-hóa của bà Tùng mua cho mẹ 5 lít gạo và 2 lít nước tương. Muốn đong 5 lít gạo, bà Tùng dùng cái ống tròn bằng cây xúe đầy gạo. Bà gạt gạo bằng mặt ống rồi trút vào thúng của chị Thúy. Bà vừa đong vừa đếm 1 lít, 2 lít, 3 lít, 4 lít, 5 lít. Ống tròn bằng cây đó gọi là một **cái lít**.

Bà còn dùng cái lít này để đong muối, bắp, mè...



Muốn đong 2 lít nước tương, bà lấy cái ống sắt có quai nhận vào hũ nước tương đong 1 lần, 2 lần cho Thu. Ống sắt này cũng là một **cái lít**.

Người ta thường dùng lít bằng sắt để đong chất lỏng như nước mắm, dầu, giấm, rượu... Có khi người ta còn dùng một chai đúng một lít để đong chất lỏng...

Lít là đơn-vị để đo sức chứa của một vật.

Lít viết tắt là l.

Cái lít cây, lít sắt, chai lít, tuy hình dáng khác nhau nhưng sức chứa đều bằng nhau.

THỰC HÀNH

1. Dùng cái lít mức nước đồ đầy một thùng thiếc và đếm coi bao nhiêu lít.
2. Ước lượng sức chứa của một cái thau, một cái thúng. Rồi dùng cái lít để kiểm soát lại.

BÀI TẬP

1. Toán miệng :

$$\begin{array}{llll} 7l. + 3l. = & 3l. + 2l. = & 10l. - 5l. = & 12l. - 6l. = \\ 4l. + 2l. = & 4l. + 5l. = & 7l. - 4l. = & 8l. - 6l. = \\ 2l. + 6l. = & 2l. + 8l. = & 9l. - 5l. = & 11l. - 7l. = \end{array}$$

2. Tìm tổng số :

$$\begin{array}{l} 2l. + 3l. + 2l. = \\ 3l. + 4l. + 1l. = \\ 1l. + 7l. + 8l. = \end{array}$$

TOÁN ĐỐ

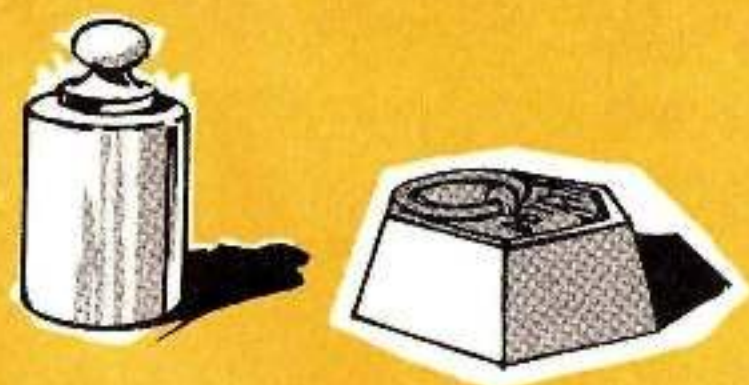
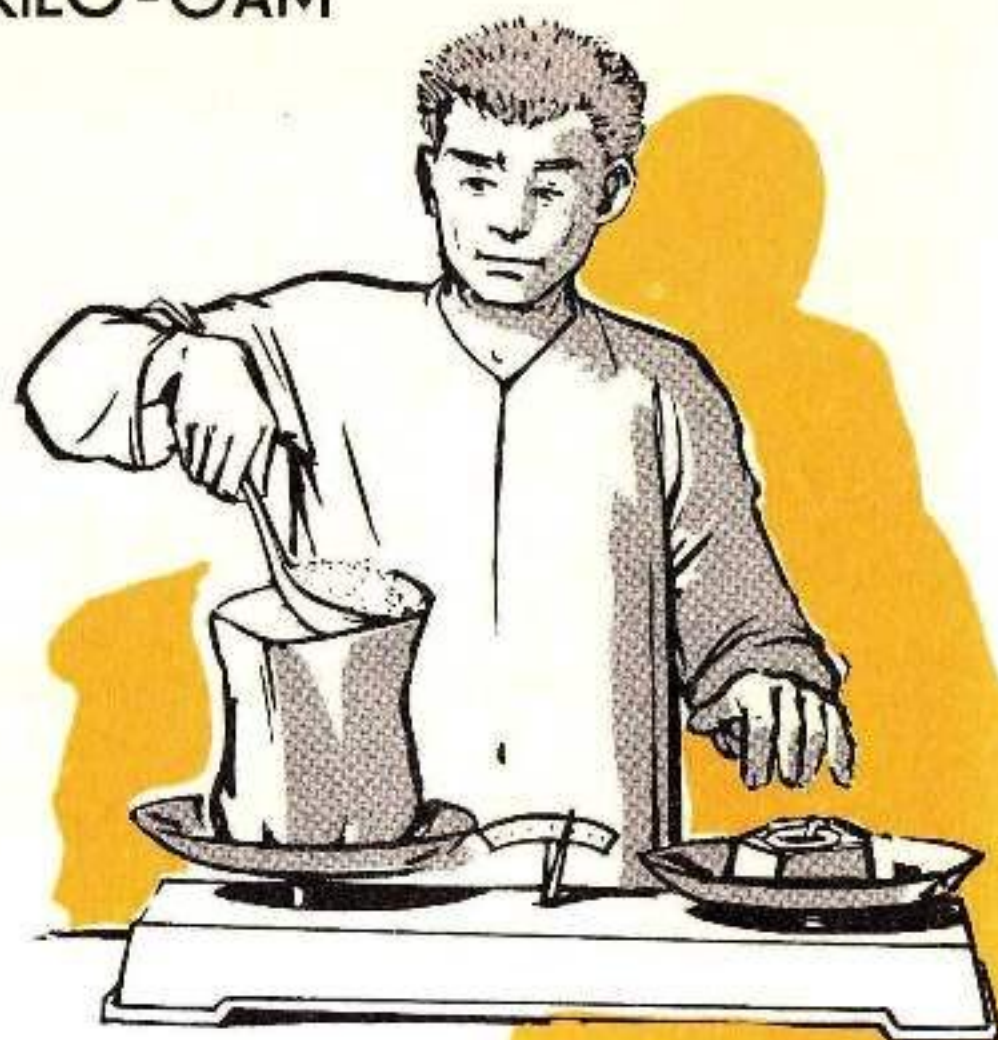
1. Bà Tùng dùng cái lít đong 2 lần đầy nước tương cho chị Thúy và 4 lần cho bé Thảo. Hỏi bà Tùng đã bán bao nhiêu lít nước tương ?
2. Con bò cho mỗi ngày 2 lít sữa. Hỏi trong 3 ngày, con bò ấy cho bao nhiêu lít sữa ?
3. Cha trò Hoàng có 10l. xăng trong thùng xe. Ông dùng hết 4l. Vậy trong thùng xe còn mấy lít xăng ?

KILO-GAM

Nghĩa vào tiệm tạp-hóa mua 1 kilô-gam đường.

Người bán đặt lên một đĩa cân một trái cân bằng đồng hình ống tròn hay một trái cân bằng gang hình lục-lăng nặng 1 kilô.

Bên đĩa kia, người ấy để một cái bao giấy rồi xúc đường đổ lần lần cho đến khi hai đĩa cân đối bên thăng bằng với nhau. Bác gói lại rồi trao cho Nghĩa.



Kilô-gam viết tắt là **Kg**.

Ở tiệm, người ta thấy những trái cân 1 kilô bằng đồng và những trái cân bằng gang nặng 1 kilô, 2 kilô, 5 kilô.

THỰC HÀNH

1. Cân cuốn Tự-điền, một gói xà-bông.
2. Cầm trên tay và ước-lượng coi một hộp bánh, một hộp phấn, một ổ bánh mì, một gói kẹo nặng hay nhẹ hơn 1 kg.
3. Đóng kịch kẻ mua người bán (cân 1 kg đường, 2 kg bột, 3 kg xà-bông).

TOÁN MIỆNG

$8 \text{ kg} + 7 \text{ kg}$	$3 \text{ kg} + 4 \text{ kg} + 2 \text{ kg}$	$15 \text{ kg} - 8 \text{ kg}$
$6 \text{ kg} + 8 \text{ kg}$	$1 \text{ kg} + 7 \text{ kg} + 5 \text{ kg}$	$22 \text{ kg} - 17 \text{ kg}$
$9 \text{ kg} + 5 \text{ kg}$	$6 \text{ kg} + 9 \text{ kg} + 3 \text{ kg}$	$18 \text{ kg} - 9 \text{ kg}$

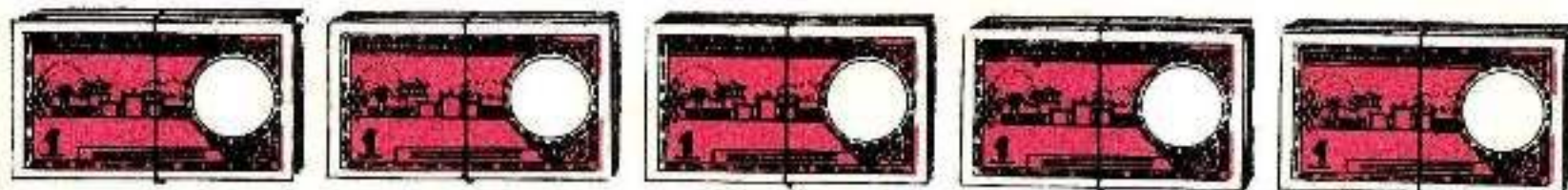
TOÁN ĐỐ

1. Một thùng xà-bông cân nặng 42 kg. Thùng không nặng 3 kg. Hỏi xà-bông nặng bao nhiêu ?
2. Gia-đình ông Đức cần 9 kg đường. Ông phải đi mua ở hai tiệm : một tiệm được 3 kg, một tiệm được 4 kg. Hỏi ông còn phải kiếm mua thêm bao nhiêu kg. đường nữa cho đủ số ?

TIỀN TỆ
GIẤY BẠC 50\$



Tâm có một tấm giấy bạc 50\$. Em đổi ra để lấy giấy bạc 20\$ và 10\$. Em được 2 tấm giấy bạc 20\$ và 1 tấm giấy 10\$.



5 xấp mỗi xấp 10 tấm giấy 1\$

CHƯƠNG II BÀI 1

BÀI TẬP

Viết số tiền vào bảng đã cho đủ 50\$

$$50\$ = 20\$ + 20\$ + \underline{\hspace{2cm}}$$

$$50\$ = 20\$ + 10\$ + 10\$ + \underline{\hspace{2cm}}$$

$$50\$ = 10\$ + 10\$ + 10\$ + \underline{\hspace{2cm}}$$

$$50\$ = 5\$ + 10\$ + 20\$ + 5\$ + 5\$ + \underline{\hspace{2cm}}$$

$$50\$ = 20\$ + 20\$ + 5\$ + \underline{\hspace{2cm}}$$

$$50\$ = 10\$ + 10\$ + 5\$ + 10\$ + 5\$ + \underline{\hspace{2cm}}$$

$$50\$ = 5\$ + 5\$ + 5\$ + 20\$ + 5\$ + 5\$ + \underline{\hspace{2cm}}$$

$$50\$ = 2\$ + 2\$ + 2\$ + 2\$ + 10\$ + 20\$ + 5\$ + 5\$ + \underline{\hspace{2cm}}$$

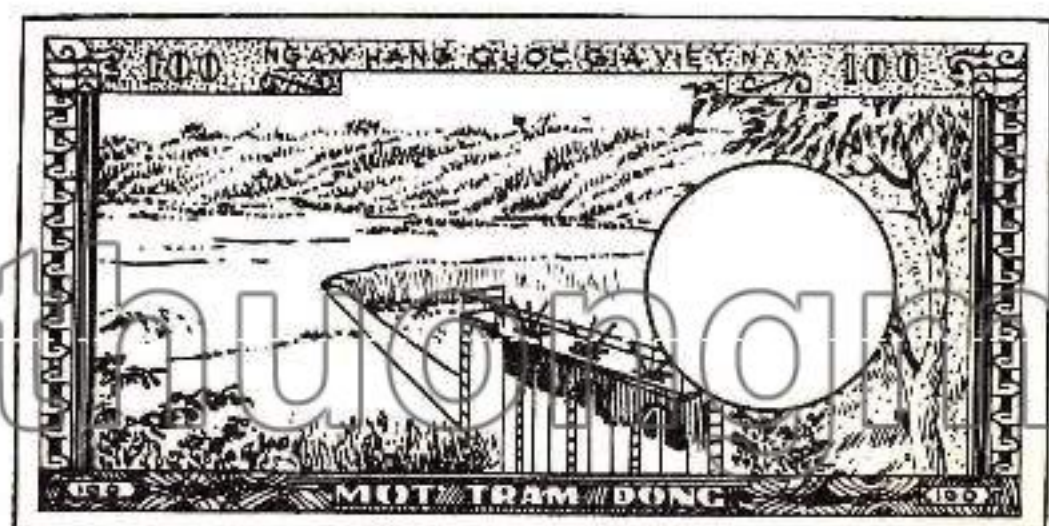
TOÁN MIỆNG

1. Trò Dũng mua một cái cặp giá 50\$. Trò đưa cho nhà hàng mấy tấm giấy bạc 20\$ và mấy tấm 10\$?
2. Anh Tuấn có 1 tấm giấy bạc 50\$. Anh đổi ra giấy 5\$. Anh được mấy tấm giấy bạc 5\$?
3. An đổi tấm giấy bạc 50\$ ra giấy 10\$. An được bao nhiêu tấm giấy bạc 10\$?
4. Bé Thu mua quyển sách Tập đọc giá 25\$. Trò trao cho nhà hàng tấm giấy bạc 50\$. Hỏi nhà hàng thối lại cho trò mấy tấm giấy bạc 5\$?
5. Đi một cuộc xe hết 35\$, ông Tư đưa tấm giấy 50\$. Ông bảo tài-xế thối lại cho ông toàn giấy 5\$. Tài-xế trao cho ông mấy tấm 5\$?
6. Mẹ trò Tam đi chợ mua một con gà giá 42\$. Mẹ trò đưa tấm giấy 50\$. Hỏi người bán thối lại bao nhiêu tấm giấy bạc 2\$?

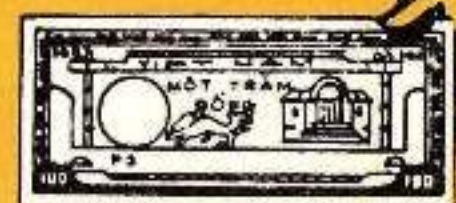
PHÂN GIÁO VIÊN :

1. Giáo viên dùng giấy bạc 50\$ thiết cho học trò nhia kỹ hai bề (một và trái) và nhận xét những đặc điểm như dòng chữ « năm chục đồng bạc » và số « 50\$ ».
2. Tập cho học trò đổi giấy bạc 50\$ ra giấy bạc 20\$, 10\$, 5\$.
3. Cho học trò đóng kịch kể mua người bán (thối tiền).

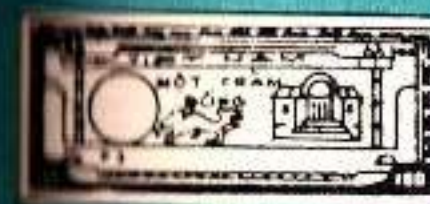
GIẤY BẠC 100\$



Hạnh có 2 tấm giấy 50\$.
Em đòi lấy 1 tấm giấy
100\$.



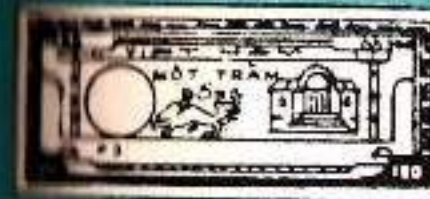
$$50\$ + 50\$ = 100\$$$



$$100\$ = 50\$ 50\$$$



$$100\$ = 20\$ 20\$ 20\$ 20\$ 20\$$$



$$100\$ = \begin{matrix} 10\$ & 10\$ & 10\$ & 10\$ & 10\$ \\ 10\$ & 10\$ & 10\$ & 10\$ & 10\$ \end{matrix}$$

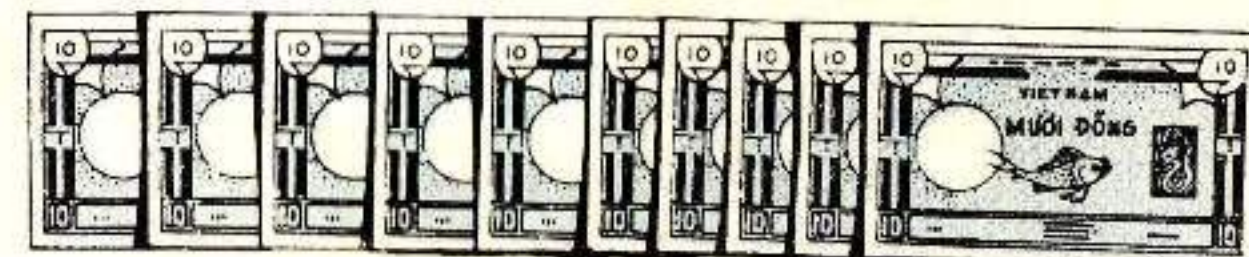


$$100\$ = \begin{matrix} 5\$ & 5\$ & 5\$ & 5\$ & 5\$ \\ 5\$ & 5\$ & 5\$ & 5\$ & 5\$ \\ 5\$ & 5\$ & 5\$ & 5\$ & 5\$ \\ 5\$ & 5\$ & 5\$ & 5\$ & 5\$ \end{matrix}$$

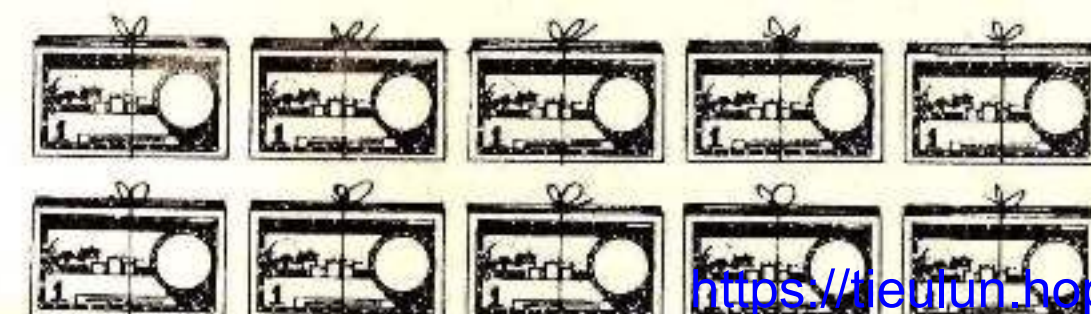
5 xấp, mỗi xấp 10 tấm giấy bạc 2\$



10 tấm mỗi tấm 10\$



10 xấp, mỗi xấp 10 tấm giấy bạc 1\$



BÀI TẬP

Viết số tiền vào bảng đã cho đủ 100\$

$$100\$ = 50\$ + _____\$$$

$$100\$ = 20\$ + 20\$ + 20\$ + 20\$ + _____\$$$

$$100\$ = 50\$ + 20\$ + 20\$ + _____\$$$

$$100\$ = 20\$ + 50\$ + 20\$ + _____\$$$

$$100\$ = 10\$ + 20\$ + 50\$ + _____\$$$

$$100\$ = 10\$ + 20\$ + 5\$ + 5\$ + 10\$ + _____\$$$

$$100\$ = 50\$ + 10\$ + 20\$ + 5\$ + 5\$ + 5\$ + _____\$$$

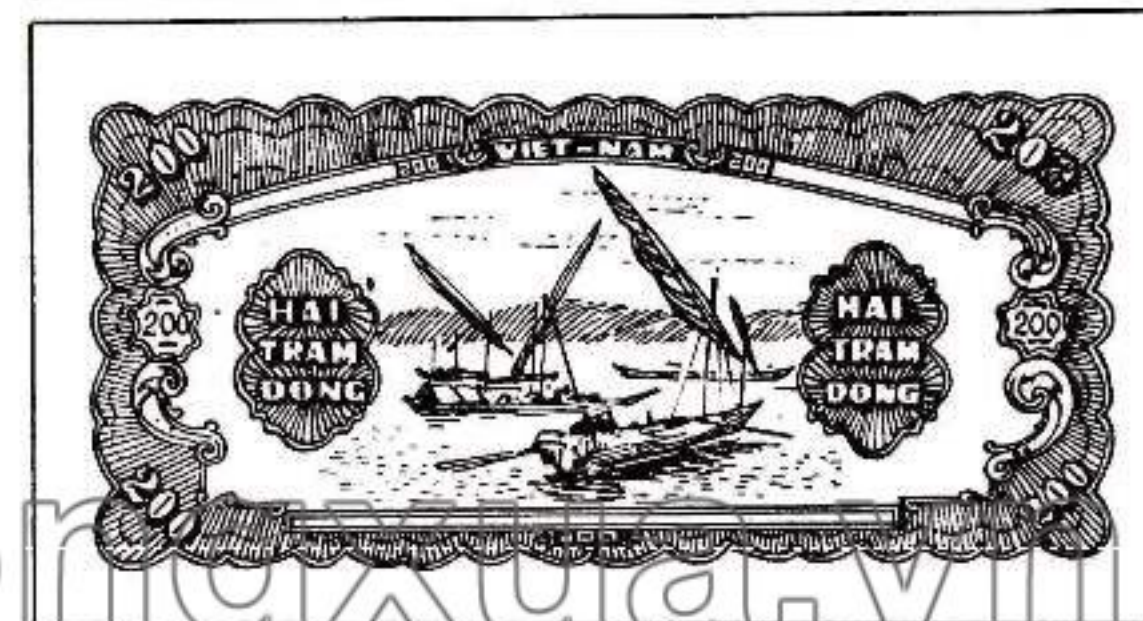
$$100\$ = 2\$ + 2\$ + 1\$ + 50\$ + 10\$ + 5\$ + 20\$ + 2\$ +$$

$$1\$ + 5\$ + _____\$$$

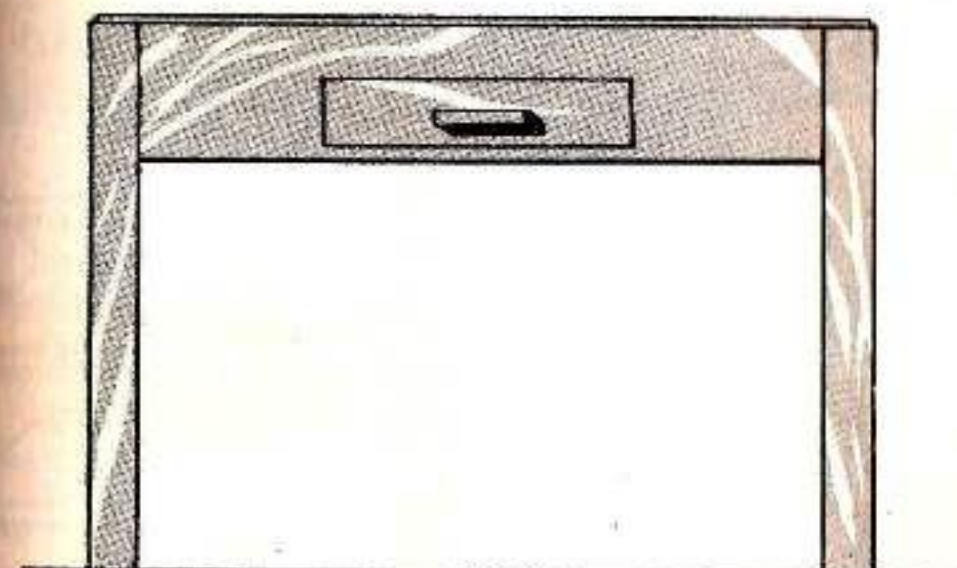
TOÁN MIỆNG

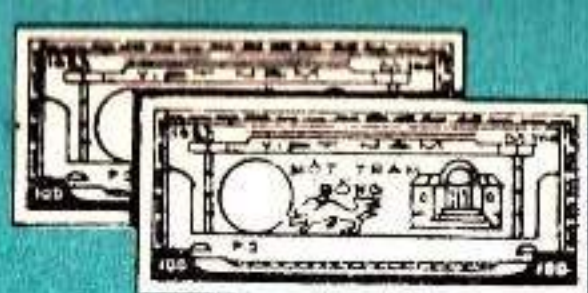
1. Xuân có một tấm giấy bạc 100\$. Trò đổi ra giấy 50\$. Trò được mấy tấm?
2. Tuấn đổi một tấm giấy bạc 100\$, lấy một tấm giấy 50\$, một tấm giấy 20\$ và số còn lại thì lấy giấy 10\$. Hỏi Tuấn được mấy tấm giấy 10\$?
3. Mẹ trò Nam mua một xấp hàng 175\$. Mẹ trò đã trả cho nhà hàng một tấm giấy 100\$, một tấm giấy 50\$ và bao nhiêu tấm giấy 5\$?
4. Anh Tư thiếu anh Sanh 80\$. Anh đưa cho anh Sanh một tấm giấy bạc 100\$. Hỏi anh này thối lại cho anh Tư mấy tấm giấy bạc 10\$?
5. Vào rạp hát bóng, cậu Hân đưa một tấm giấy bạc 100\$ để mua một vé hát hạng nhứt 45\$ và một vé hạng nhì 30\$. Hỏi người bán vé phải thối lại bao nhiêu tiền?

GIẤY BẠC 200\$



Ông Thanh mua một cái bàn giá 200\$. Ông có thể trả 2 tấm giấy bạc 100\$ hoặc một tấm giấy bạc 200\$.





$$100\$ + 100\$ = 200\$$$

$$200\$ = 100\$ 50\$ 50\$$$

$$200\$ = 50\$ 50\$ 50\$ 50\$$$

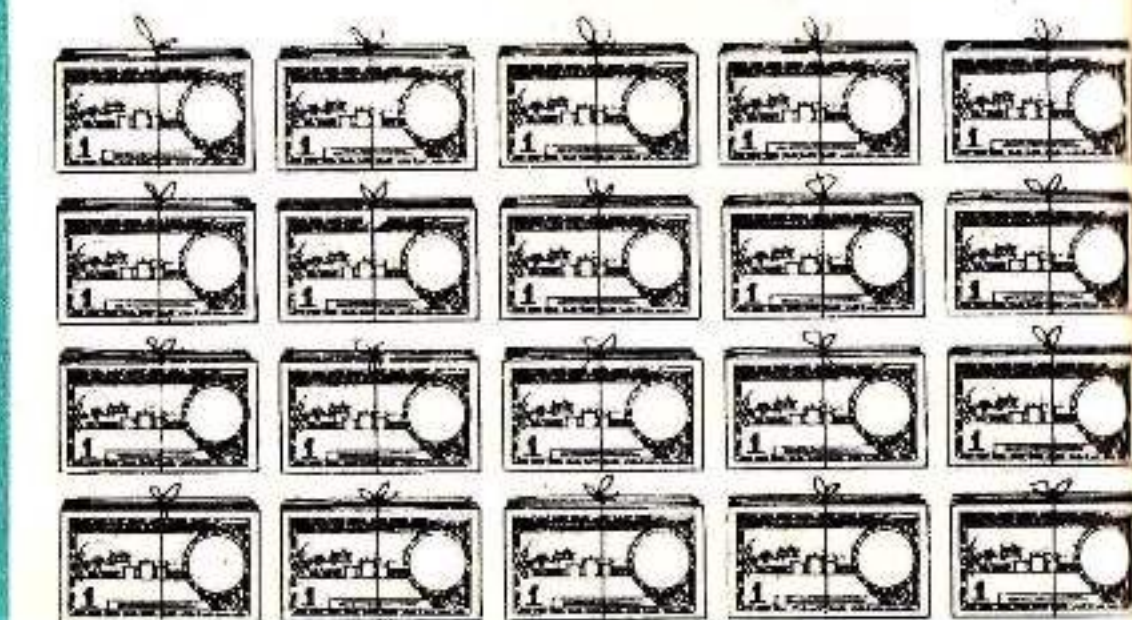
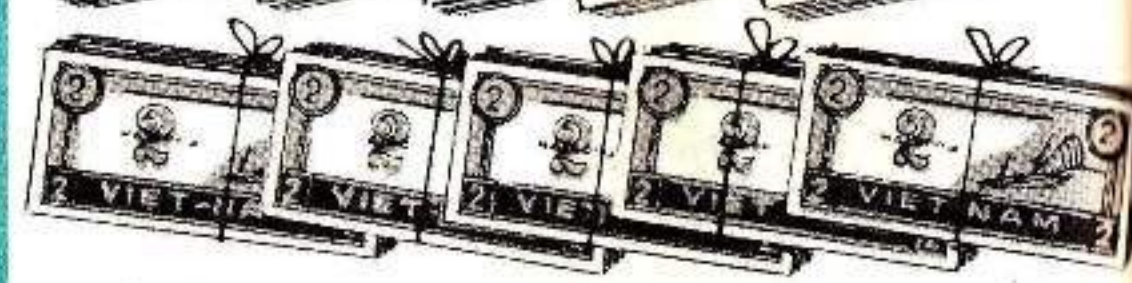
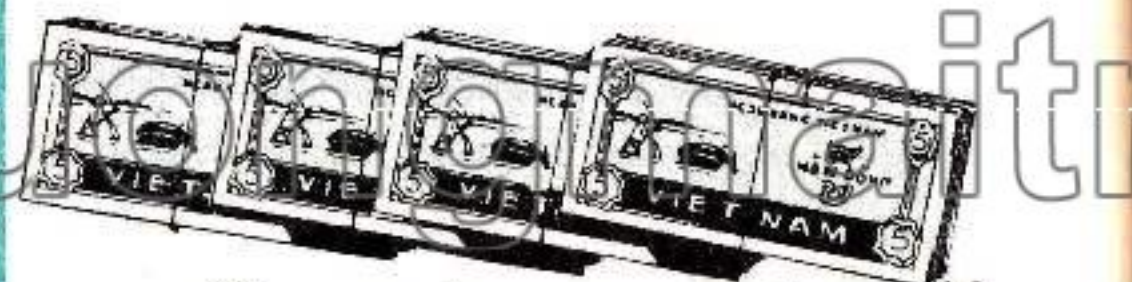
$$200\$ = 20\$ 20\$ 20\$ 20\$ 20\$ 20\$$$

$$200\$ = 10\$ 10\$ 10\$ 10\$ 10\$ 10\$ 10\$ 10\$ 10\$ 10\$$$

$$200\$ = 4 \text{ xấp, mỗi xấp 10 tấm giấy bạc } 5\$$$

$$200\$ = 10 \text{ xấp, mỗi xấp 10 tấm giấy bạc } 2\$$$

$$200\$ = 20 \text{ xấp, mỗi xấp 10 tấm giấy bạc } 1\$$$



BÀI TẬP

Viết số tiền vào bảng đã cho đủ số 200\$:

$$200\$ = 100\$ + _____\$$$

$$200\$ = 100\$ + 50\$ + _____\$$$

$$200\$ = 50\$ + _____\$ + 100\$$$

$$200\$ = 100\$ + 20\$ + 50\$ + 10\$ + _____\$$$

$$200\$ = 50\$ + 20\$ + 10\$ + 100\$ + _____\$$$

$$200\$ = 50\$ + 20\$ + 20\$ + 10\$ + 50\$ + _____\$$$

TOÁN MIỆNG

1. Nhân đôi tấm giấy bạc 200\$. Nhân nhận được một tấm giấy 100\$ và mấy tấm 50\$?
2. Tâm đổi tấm giấy bạc 200\$. Người ta đưa cho một tấm giấy 100\$ và một tấm giấy 50\$. Vậy người ta còn phải đưa cho Tâm bao nhiêu tấm giấy 10\$ nữa?
3. Tý mua một cái cặp da giá 100\$. Tý trao cho người bán một tấm giấy bạc 200\$. Hỏi người bán thối lại cho Tý mấy tấm giấy bạc 20\$?
4. Bà Năm mua một rô xoài 120\$. Bà đưa một tấm giấy bạc 200\$. Người bán thối lại cho bà ấy mấy tấm giấy bạc 20\$?
5. Thầy Hai có một tấm giấy bạc 200\$ mua một đôi giày giá 180\$. Hỏi người bán thối lại cho thầy mấy tấm giấy bạc 5\$?

GIẤY BẠC 500\$



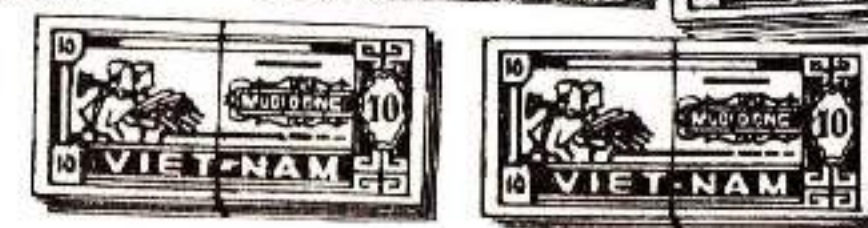
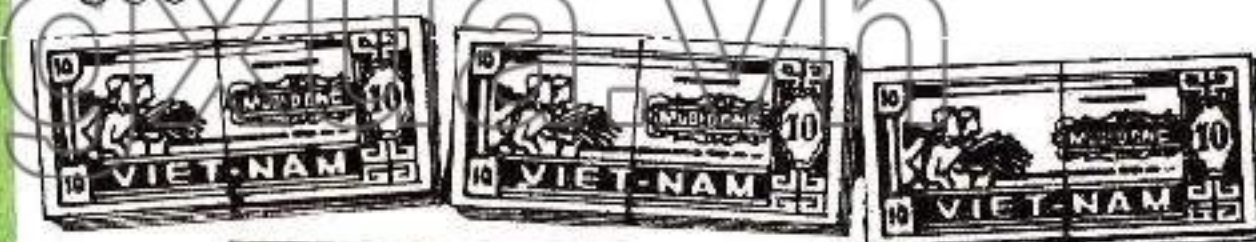
$$500\$ = 100\$ 100\$ 100\$ 100\$ 100\$$$

$$500\$ = 200\$ 100\$ 200\$$$

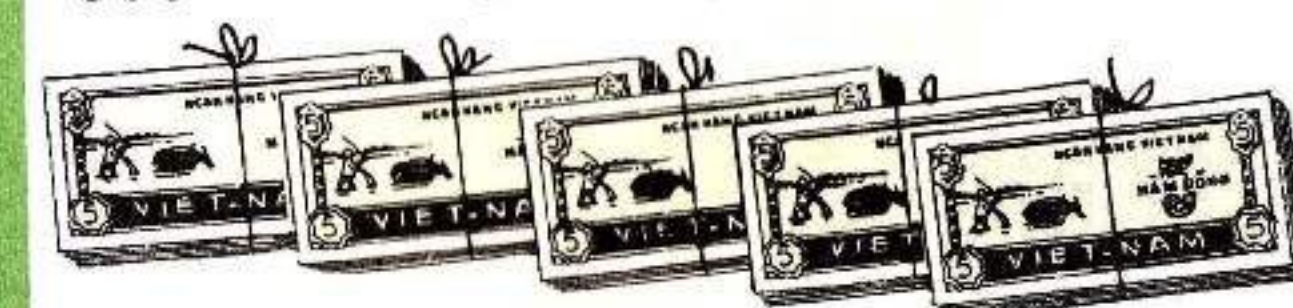
$$500\$ = \begin{matrix} 50\$ & 50\$ & 50\$ & 50\$ & 50\$ \\ 50\$ & 50\$ & 50\$ & 50\$ & 50\$ \end{matrix}$$

$$500\$ = \begin{matrix} 20\$ & 20\$ & 20\$ & 20\$ & 20\$ \\ 20\$ & 20\$ & 20\$ & 20\$ & 20\$ \\ 20\$ & 20\$ & 20\$ & 20\$ & 20\$ \\ 20\$ & 20\$ & 20\$ & 20\$ & 20\$ \\ 20\$ & 20\$ & 20\$ & 20\$ & 20\$ \end{matrix}$$

$$500\$ = 5 \text{ xấp, mỗi xấp 10 tám giấy bạc } 10\$$$



$$500\$ = 10 \text{ xấp, mỗi xấp 10 tám giấy bạc } 5\$$$



BÀI TẬP

Viết số tiền vào bảng đã cho đủ 500\$

$$500\$ = 100\$ + 100\$ + 100\$ + 100\$ + _____\$$$

$$500\$ = 200\$ + 100\$ + 100\$ + _____\$$$

$$500\$ = 100\$ + 100\$ + 200\$ + 50\$ + _____\$$$

$$500\$ = 50\$ + 100\$ + 100\$ + 50\$ + _____\$$$

$$500\$ = 200\$ + 100\$ + 100\$ + 50\$ + 20\$ + 10\$ + _____\$$$

TOÁN MIỆNG

1. Ba trò Tâm đổi tám giấy bạc 500\$ để lấy một tấm giấy 200\$, một tấm giấy 100\$. Hỏi còn lấy thêm bao nhiêu tấm giấy 20\$ nữa?
2. Cô Xuân đổi một tấm giấy 500\$ để lấy toàn giấy 50\$. Hỏi cô Xuân được bao nhiêu tấm giấy bạc 50\$?
3. Bác Tư đổi một tấm giấy bạc 500\$. Bác lấy ba tấm giấy bạc 100\$ còn bao nhiêu bác đổi giấy bạc 10\$. Hỏi bác được bao nhiêu tấm giấy bạc 10\$?
4. Chị Thu đi chợ mua 300\$ vừa gà vừa vịt. Chị đưa tấm giấy bạc 500\$. Hỏi người bán gà vịt thối lại cho chị mấy tấm giấy bạc 50\$?
5. Bà Hai mua 400\$ gạo. Bà đưa một tấm giấy 500\$. Người bán thối lại cho bà bao nhiêu tấm bạc 10\$? Hay bao nhiêu giấy 5\$?

PHẦN BA : HÌNH - HỌC

ĐIỂM VÀ ĐƯỜNG

Ý-NIỆM VỀ ĐIỂM VÀ ĐƯỜNG

I. ĐIỂM VÀ ĐƯỜNG.

A. B

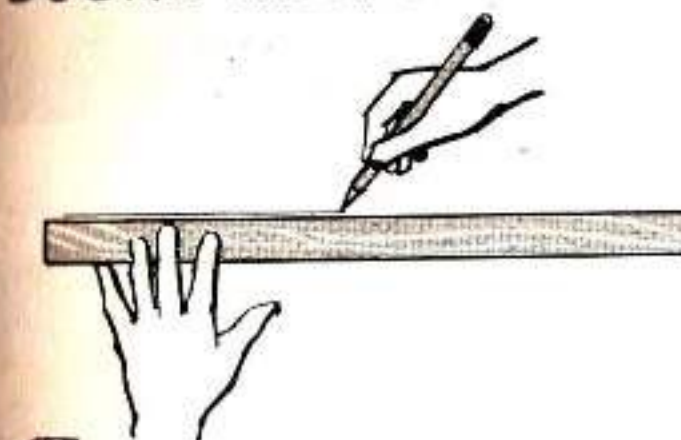


Một nét chấm nhỏ trên giấy là **một điểm**.

Người ta thường đặt chữ A, chữ B để gọi tên điểm như **điểm A**, **điểm B**.

Hai điểm cách nhau có thể nối liền bằng một đường.

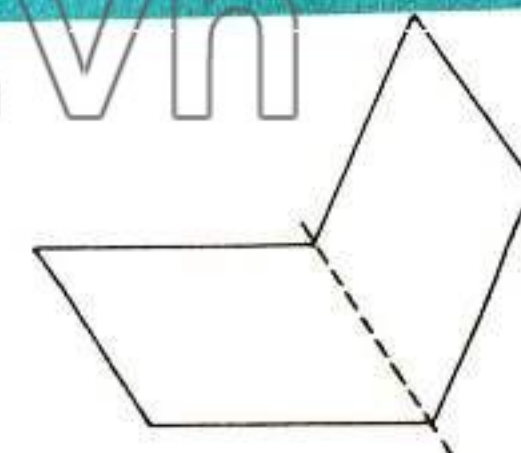
II. ĐƯỜNG THẲNG.



1. Đường gạch theo một cây thước là **một đường thẳng**.

2. Sợi chỉ căng ra là **một đường thẳng**.

3. Lăn xếp của một tờ giấy là **một đường thẳng**.



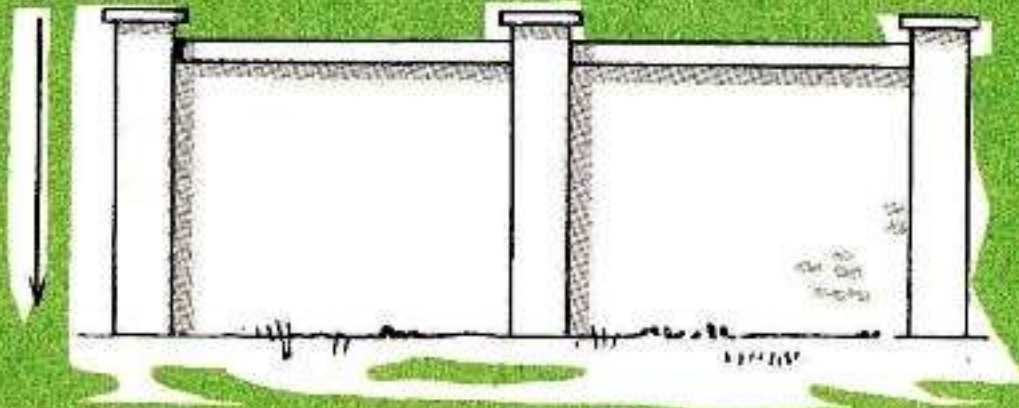
NHẬN-XÉT. Cạnh của bàn viết, bảng đen, thước gạch hăng (thước kẻ), cửa ra vào, cửa sổ đều là **những đường thẳng**.

BÀI TẬP

1. Chấm hai điểm trên bảng đã rồi nối liền thành đường thẳng.
2. Chỉ những đường thẳng của các đồ-vật trong lớp học.

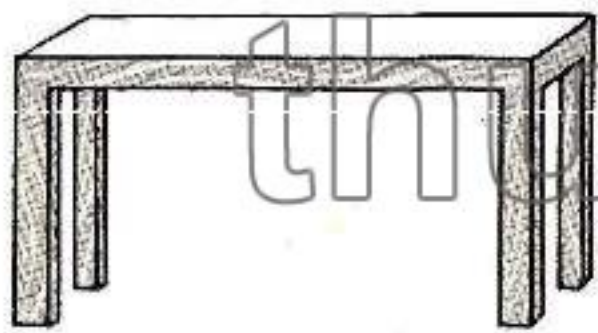
CÁC CHIỀU CỦA ĐƯỜNG THẲNG

I. ĐƯỜNG THẲNG ĐỨNG.



Cột nhà, vách tường là những **đường thẳng đứng**.

Nhân buộc một hòn chì nhỏ vào đầu một sợi nhợ rồi cầm đầu nhợ thả xuống. Ta thấy sợi nhợ thành một **đường thẳng đứng**.



Chân bàn viết là **đường thẳng đứng**.



NHẬN-XÉT : Cột nhà, vách tường, sợi dây có cột hòn chì nhỏ (dây dọi), chân bàn viết của trò là những **đường thẳng đứng**.

BÀI TẬP

1. Với một sợi nhợ và một hòn sỏi nhỏ làm thành sợi dây dọi.
2. Dùng sợi dây dọi ấy tìm những đường thẳng đứng của các vật trong lớp.

II. ĐƯỜNG THẲNG NẰM.



Mặt nước phẳng trong ly là một **đường thẳng nằm**.

Mặt nước phẳng trong bồn cá là một **đường thẳng nằm**.



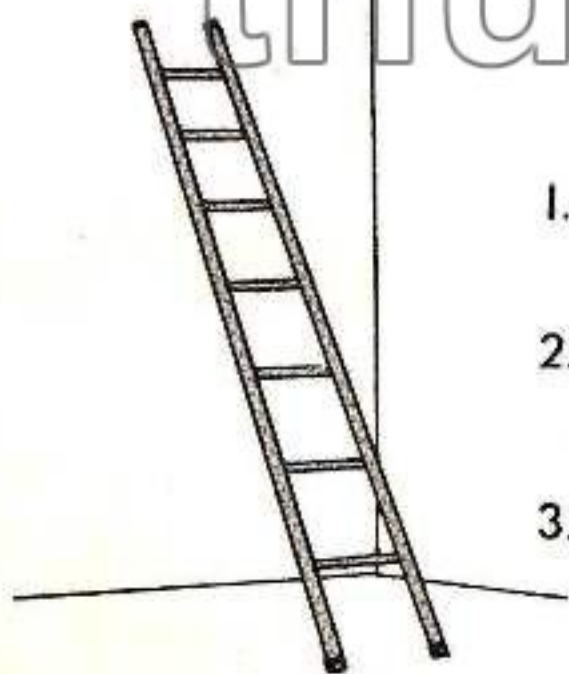
Thả một cây thước gạch hàng vào một thau nước. Cây thước nổi trên mặt nước theo một **đường thẳng nằm**.

III. ĐƯỜNG THẲNG XIÊN.

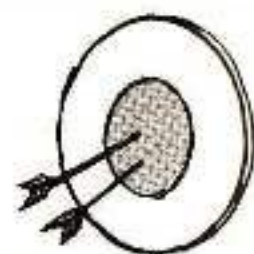


Hai cánh tay của Thu làm thành hai **đường thẳng xiên**.

Cái thang bắc vào tường để sơn là những **đường thẳng xiên**.



Các mũi tên do bé Sang bắn đi theo chiều **đường thẳng xiên**.



BÀI TẬP

1. Làm một sợi dây dọi bằng một sợi chỉ với một cục gôm hoặc một viên sỏi.
2. Nhận-xét mặt nước trong ly, trong thau, trong chai khi để đứng, khi để nghiêng.
3. Tìm trong lớp học những đường thẳng đứng, đường thẳng nằm, đường thẳng xiên của các vật.

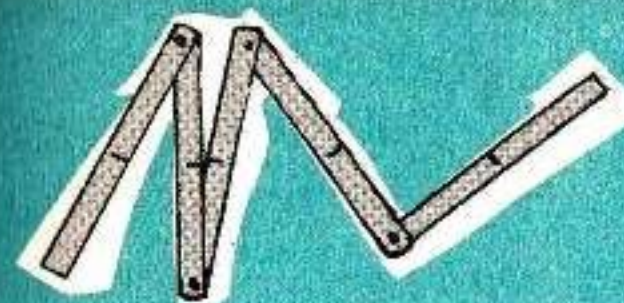
PHÂN GIÁO.VIÊN :

Cất nghĩa cho học-sinh biết đường thẳng xiên là một đường không thẳng đứng và không thẳng nằm.

ĐƯỜNG GẺY – ĐƯỜNG CONG – ĐƯỜNG SONG SONG

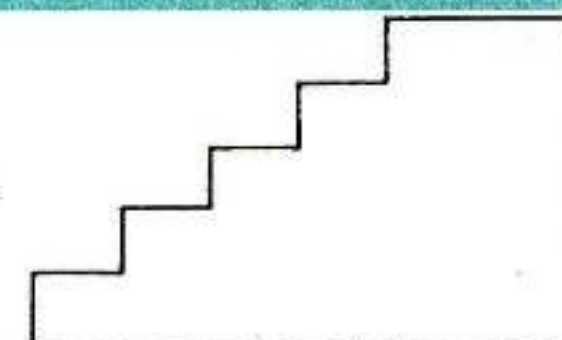
I. ĐƯỜNG GẺY.

Một cái que thẳng bẻ làm đôi là một **đường gẻy**.



Cây thước xếp mở ra nửa chừng là một **đường gẻy**.

Bậc thang là một **đường gẻy**.



GHI NHỚ : Đường gẻy do hai hoặc nhiều đường thẳng lập thành.

II. ĐƯỜNG CONG.

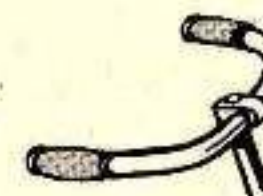
Sợi dây bé Thu đang nhảy làm thành một **đường cong**.



Chiếc vòng của cậu Thân là một **đường cong**.



Tay cầm xe đạp là một **đường cong**.



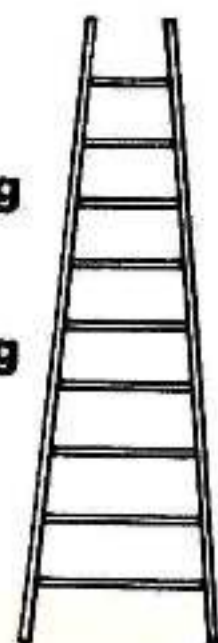
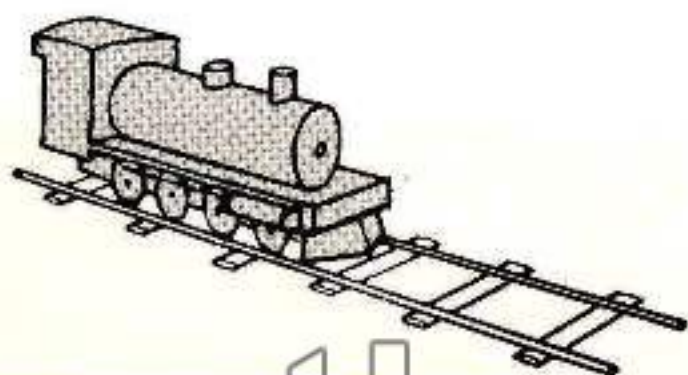
C U O S

Các chữ C U O S
là những chữ có
đường cong.

III. ĐƯỜNG SONG SONG

Hai đường ray xe lửa là **hai đường thẳng song song**.

Đường kẻ trong tập vở là **những đường thẳng song song**.



Các nấc thang là **những đường thẳng song song**.



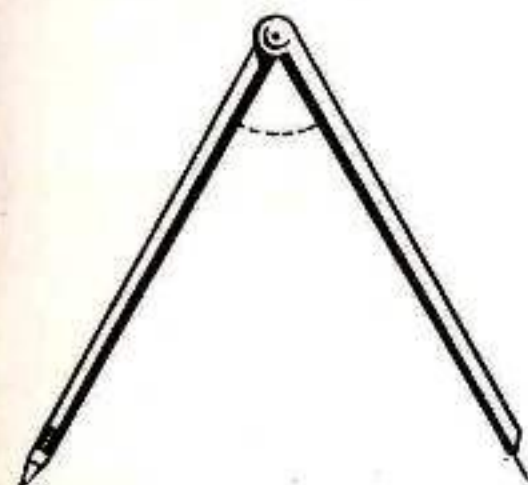
BÀI TẬP

1. Tập vẽ đường gẫy, đường cong.
2. Xếp giấy thành những đường thẳng song song.

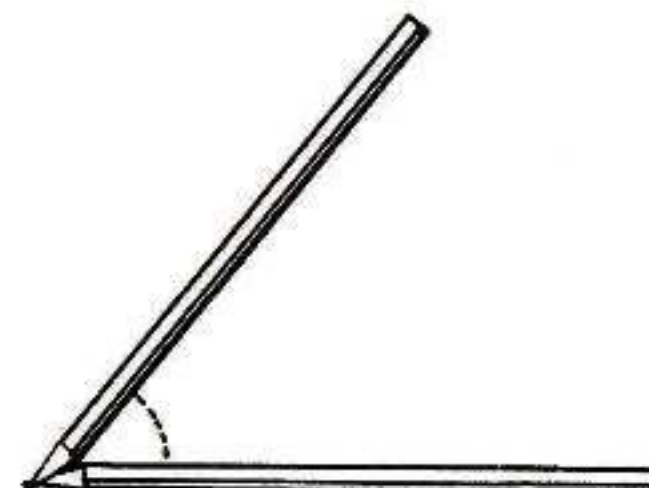
PHẦN GIÁO VIÊN

- Dùng những vật có thật để chỉ cho học trò biết thế nào là đường gẫy, đường cong đường song song.
- Tập vẽ các thứ đường đã học.

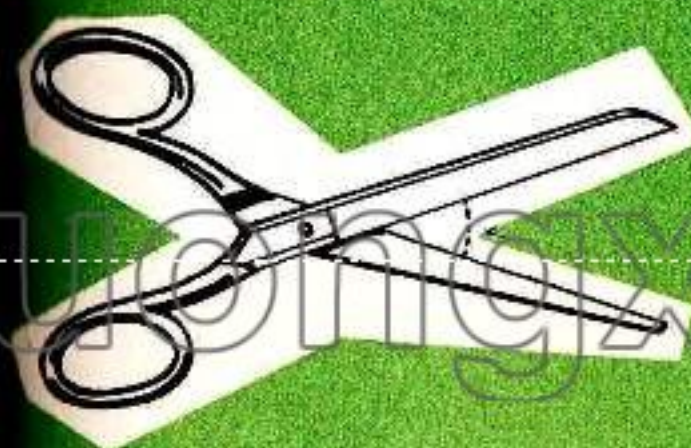
CÁC GÓC



Hai gọng của công-
ba mở ra làm thành
một góc



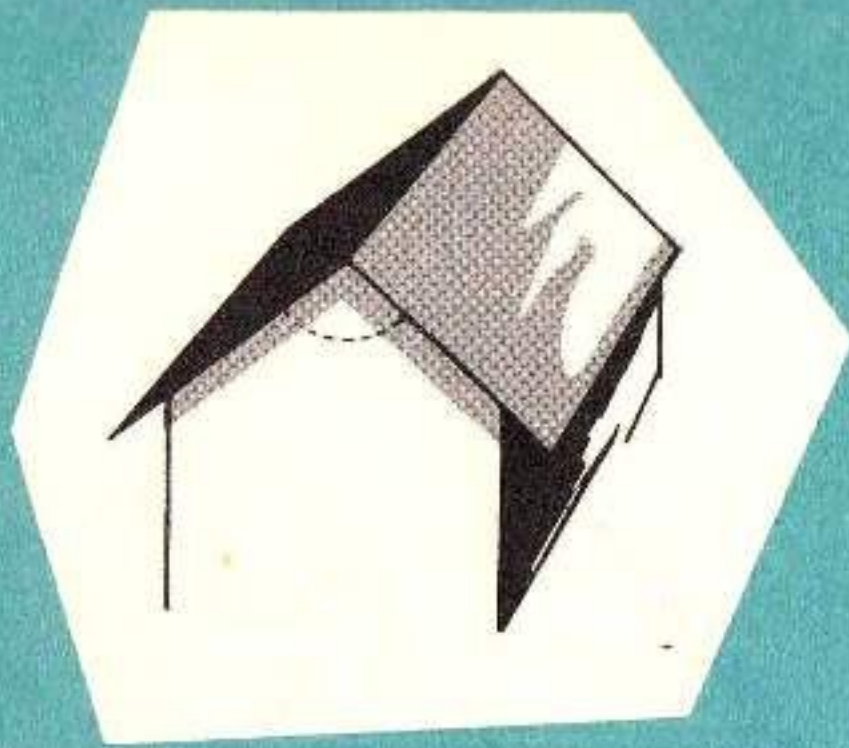
Hai cây viết chì chầu
đầu nhau làm thành
một góc



Hai lưỡi kéo mở ra làm thành
một góc

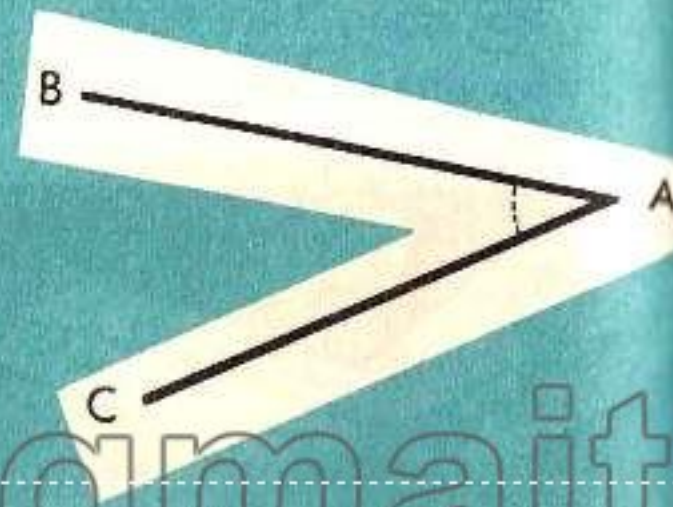


Hai cây kim đồng hồ hợp thành
một góc



Hai mái nhà hợp thành **một góc**.

Hai đường thẳng gặp nhau hợp thành **một góc**.



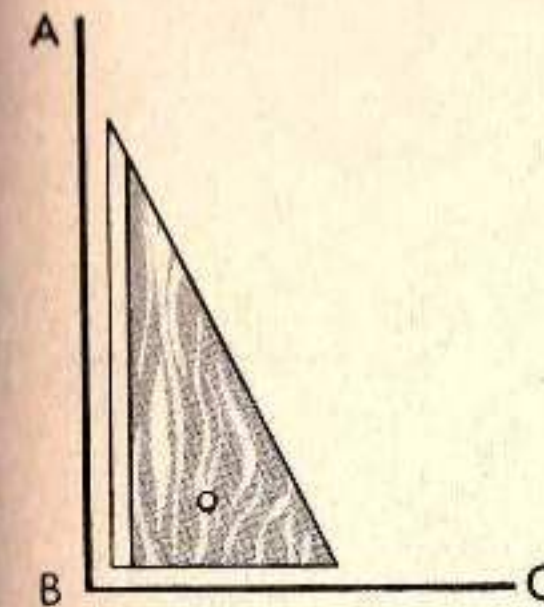
A là **đỉnh góc**.

Đường thẳng AB và AC gọi là **cạnh góc**.

BÀI TẬP

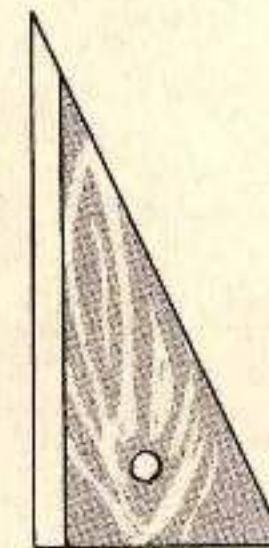
1. Chỉ các góc bàn, ghế trong lớp học.
2. Dùng hai cây thước làm thành một góc.
3. Vẽ một góc và đề rõ đỉnh, cạnh.

GÓC VUÔNG – ĐƯỜNG THẲNG GÓC



Đường AB là đường thẳng đứng.
Đường BC là đường thẳng nằm.
Hai đường đó hợp lại thành một **góc vuông**.

Đường AB là **đường thẳng góc** với đường BC.



Người ta dùng thước ê-ke để đo góc vuông.

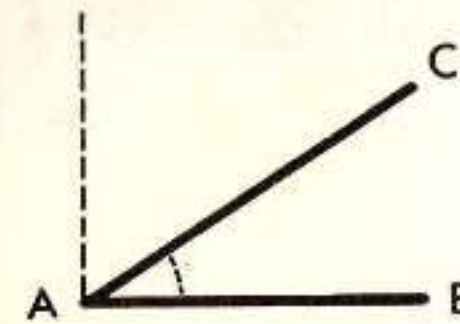
NHẬN-XÉT

- Góc bằng đen, góc mặt bàn là những góc vuông.
- Hai cạnh của quyển vở, của cuốn sách làm thành những góc vuông.
- Một trang giấy có 4 góc vuông.
- Một cây thước, đặt đúng thẳng trên cây thước nằm ngang làm thành 2 góc vuông.

BÀI TẬP

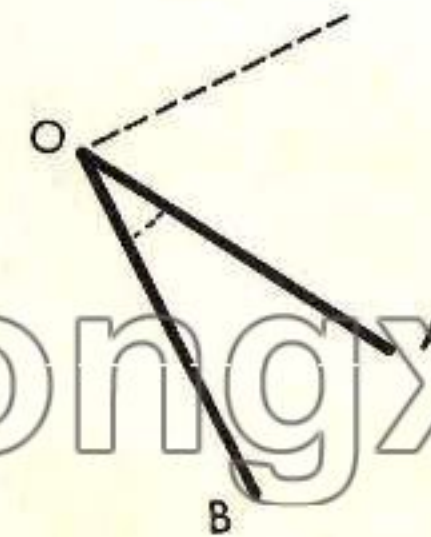
1. Chỉ những góc vuông của những đồ vật ở trong lớp.
2. Mở cái công-ba thành một góc vuông.
3. Dùng hai cây thước chắp thành một góc vuông, thành hai góc vuông.
4. Vẽ một đường thẳng nằm AB, dùng ê-ke gạch một đường thẳng góc từ trên xuống điểm A.

GÓC NHỌN – ĐƯỜNG XIÊN GÓC



Đây là một góc (góc CAB).

Góc này gồm có đường thẳng nằm AB và đường thẳng xiên CA. Góc này nhỏ hơn một góc vuông. Người ta gọi là **góc nhọn**. Đường CA gọi là đường xiên góc với đường AB.



Góc BOA cũng là một góc nhọn vì nó nhỏ hơn góc vuông.

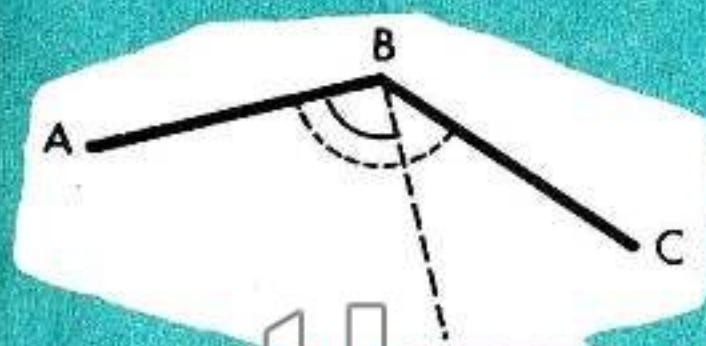
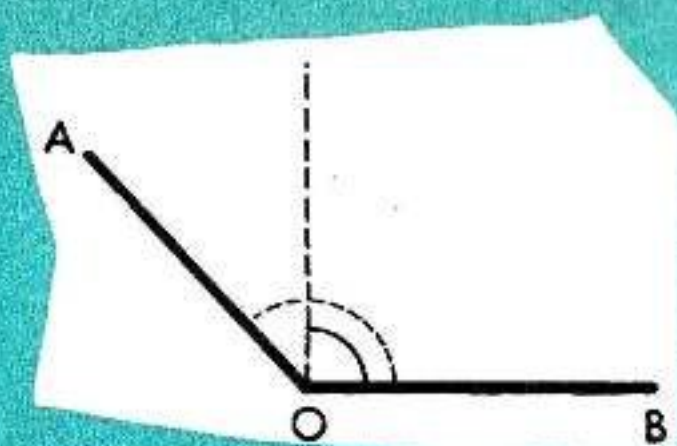
BÀI TẬP

1. Tìm các đồ vật có góc nhọn.
2. Mở hai cánh công-ba thành một góc vuông, rồi khép lại thành những góc nhọn nhỏ dần.
3. Dùng giấy bìa cắt một góc vuông. Cắt góc vuông này thành 2 góc nhọn.

GÓC TÙ

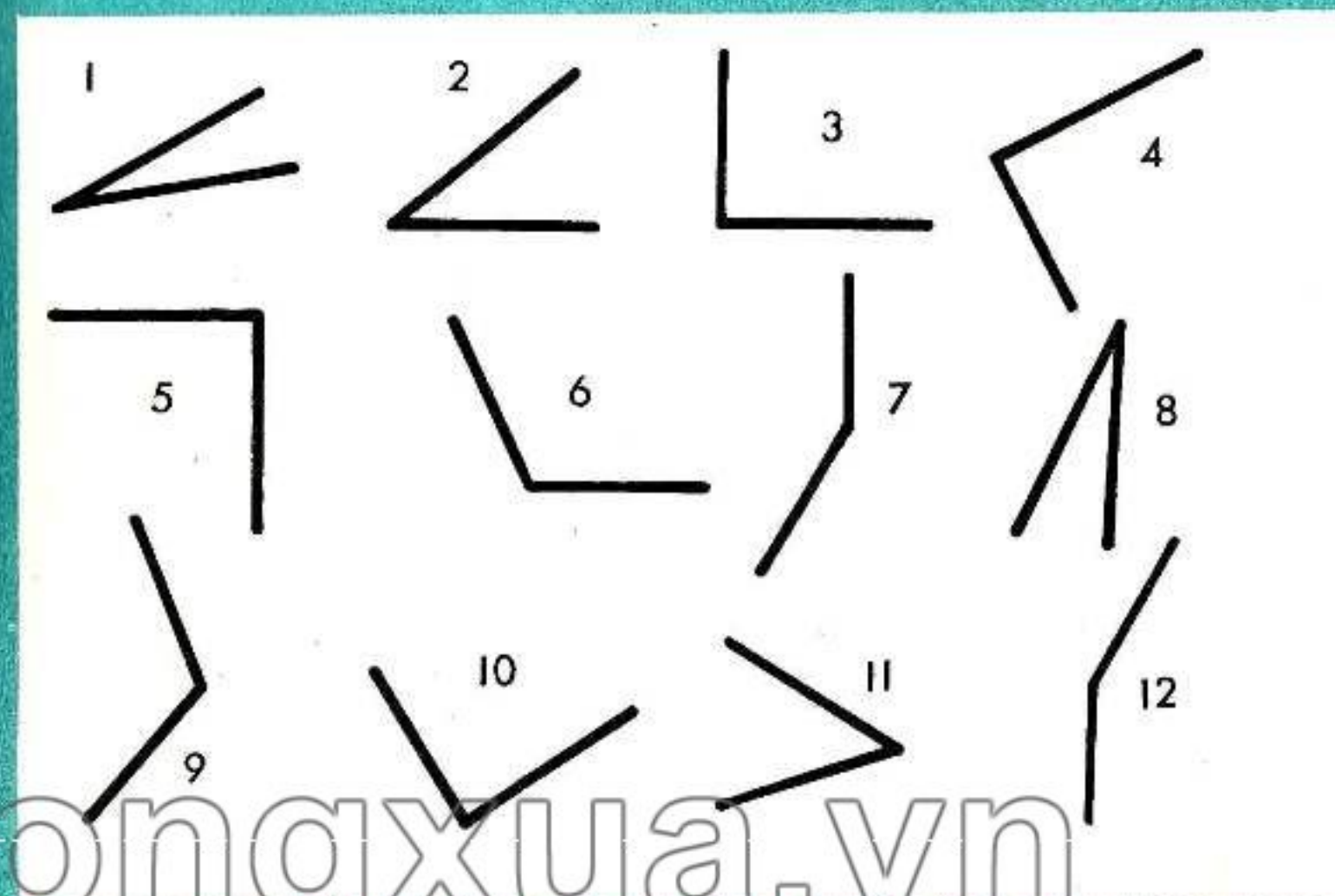
Đây cũng là một góc (góc AOB).
Góc này gồm có một đường thẳng nằm (OB) và một đường xiên góc (AO).

Góc này to hơn một góc vuông.
Người ta gọi là **góc tù**.



Góc ABC này cũng là một góc tù,
vì nó to hơn một góc vuông.

HỌC ÔN : CÁC GÓC



BÀI TẬP

1. Tìm trong lớp những đồ vật có góc tù.
2. Mở hai cánh công-ba thành một góc tù, rồi khép lại thành một góc vuông (kiểm-soát bằng thước ê-ke).
3. Dùng giấy bìa cắt một góc tù.

Hình số 6 là hình góc gì ?

Hình số 8 là hình góc gì ?

Đếm xem trong hình vẽ có bao nhiêu góc vuông ?

Bao nhiêu góc nhọn ? Bao nhiêu góc tù ?

NHẬN-XÉT

L V T K

Chữ nào có góc vuông ?

Chữ nào có góc nhọn ?

Chữ nào có góc tù ?

BÀI TẬP

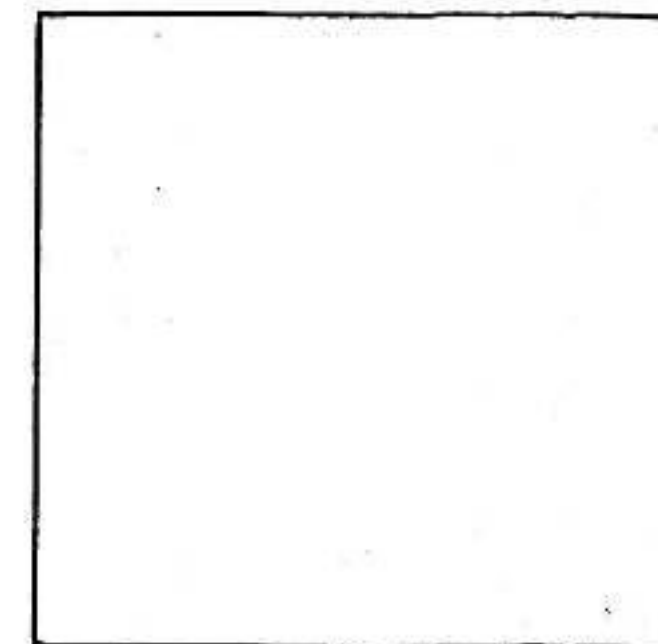
Tìm những chữ khác có góc vuông.

Những chữ có góc nhọn.

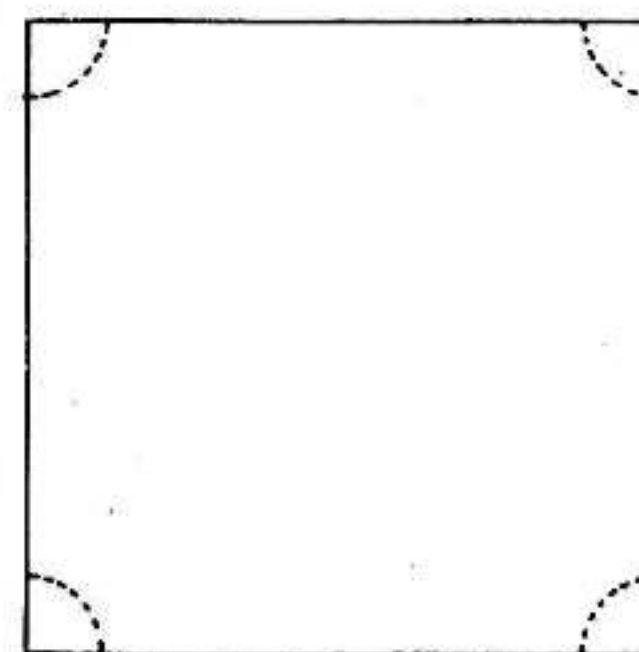
Những chữ có góc tù.

Ý-NIỆM VỀ HÌNH VUÔNG VÀ HÌNH CHỮ NHẬT

HÌNH VUÔNG

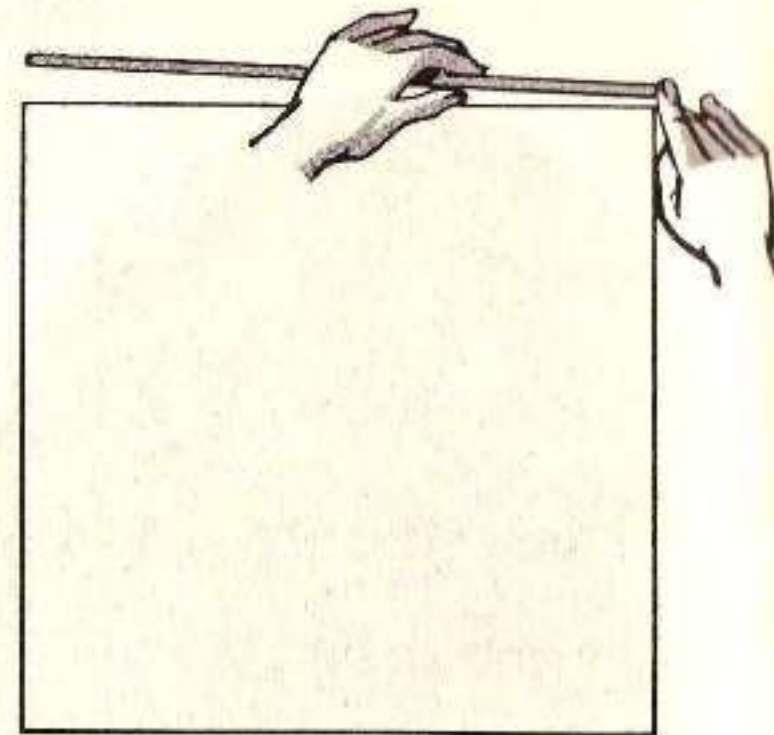


GHI NHỚ : Hình vuông có 4 cạnh dài bằng nhau và 4 góc vuông.



Đo 4 cạnh hình này (số 1) xem có bằng nhau không?

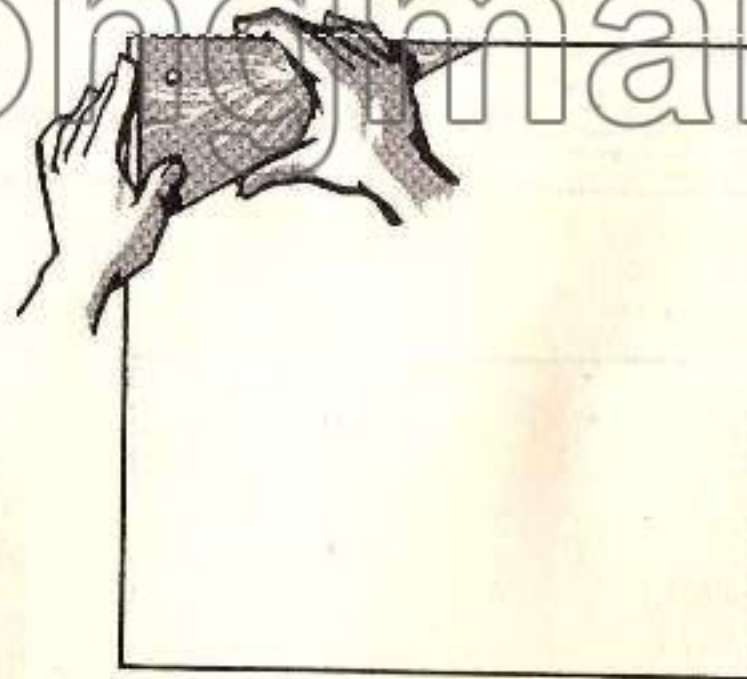
Hình này có phải là hình vuông không? Tại sao?



1

Dùng ê-ke đo xem 4 góc hình này (số 2) có vuông không?

Hình này có phải là hình vuông không? Tại sao?



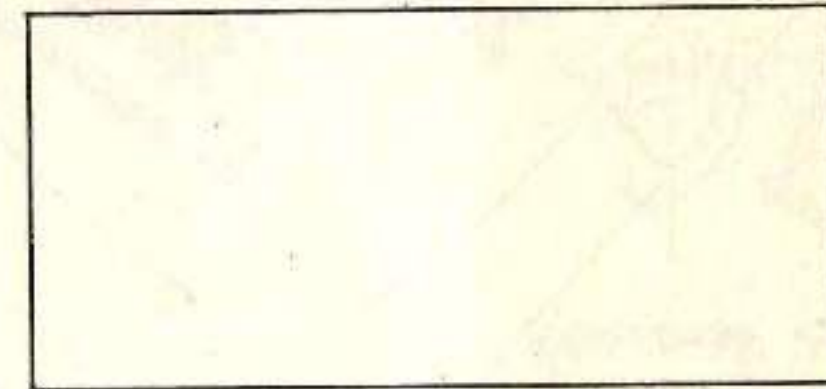
2

PHẦN GIÁO-VIÊN :

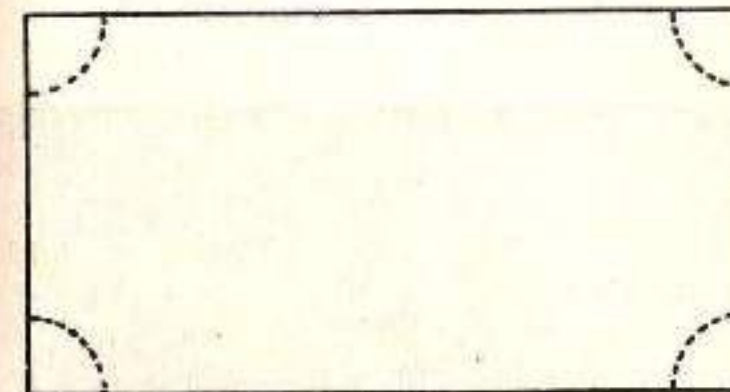
Cho học-sinh chỉ những vật ở trong lớp có hình vuông như viên gạch bông, đầu thước kẻ v.v... cho vẽ hình vuông vào bảng con, chỉ 4 cạnh và 4 góc vuông. Dạy học-sinh gấp chéo trang giấy để làm thành hình vuông.

HÌNH CHỮ NHẬT

Hình chữ nhật có 4 cạnh gồm 2 cạnh dài và 2 cạnh ngắn.

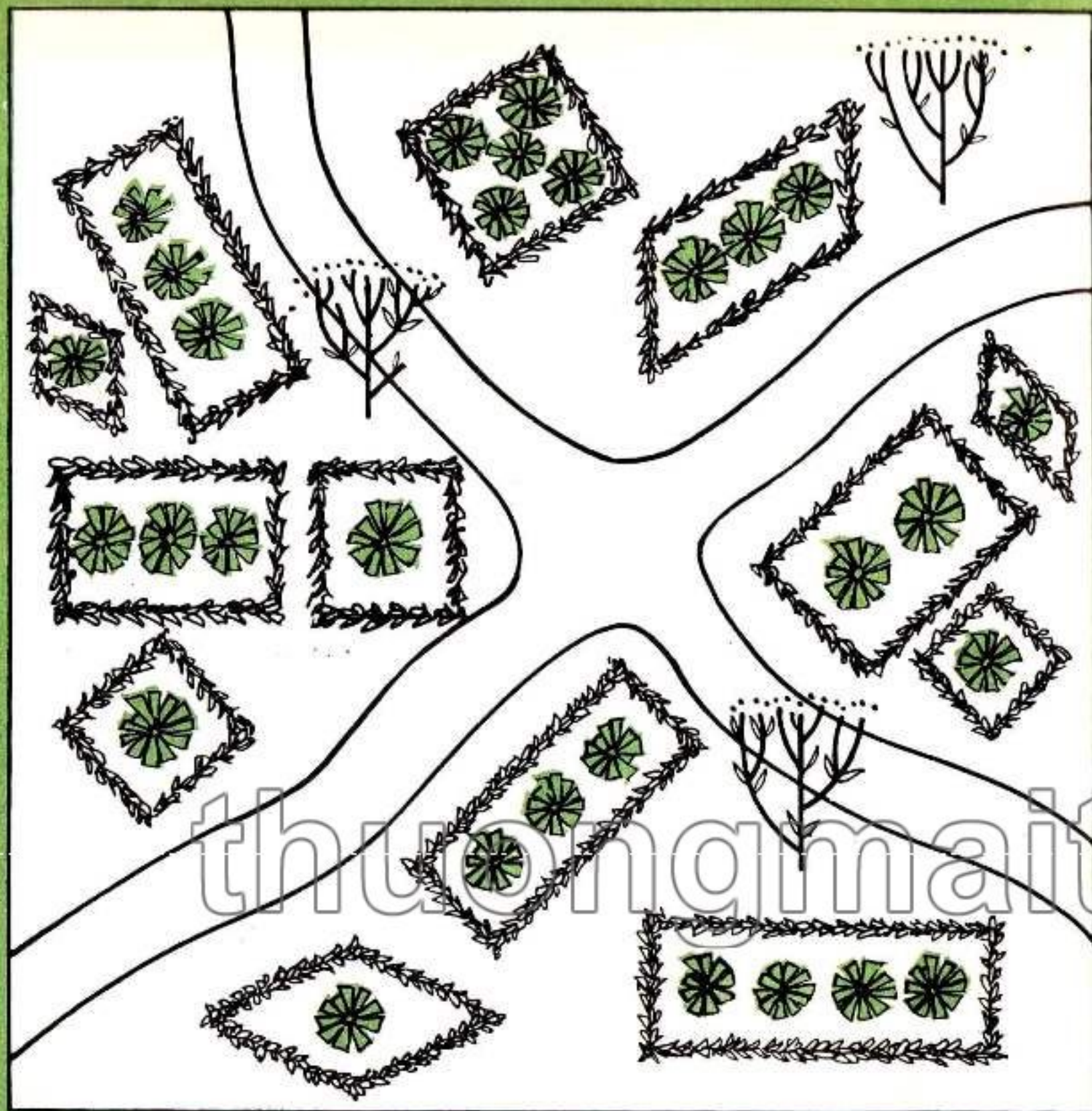


GHI NHỚ : Hình chữ nhật có 2 cạnh dài bằng nhau, 2 cạnh ngắn bằng nhau và có 4 góc vuông.



Hai cạnh dài bằng nhau,
hai cạnh ngắn bằng nhau

Hình chữ nhật có
4 góc vuông.



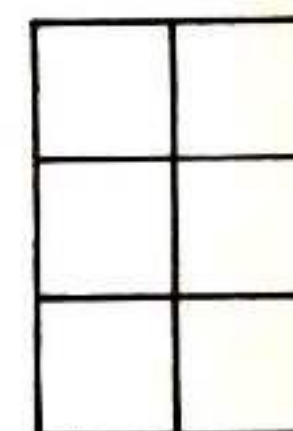
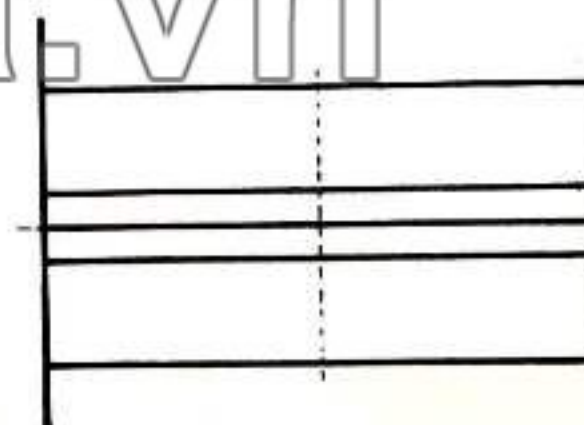
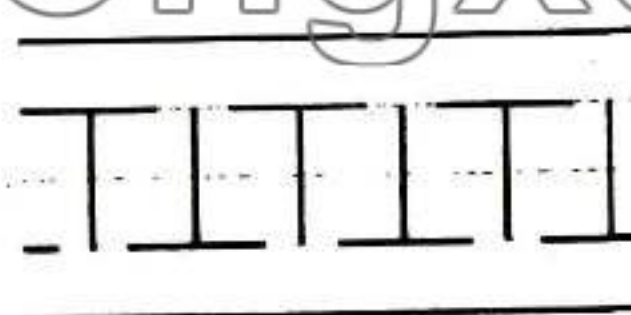
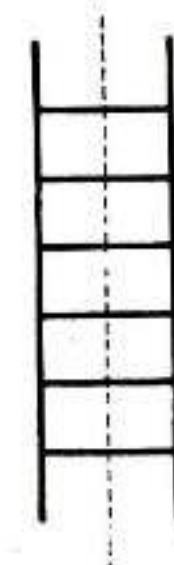
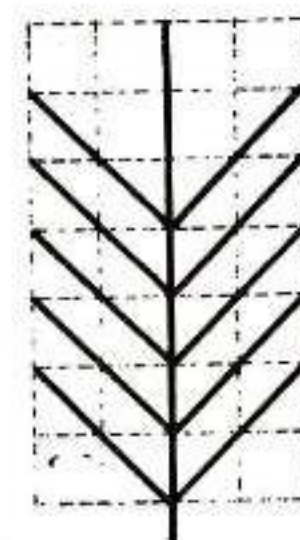
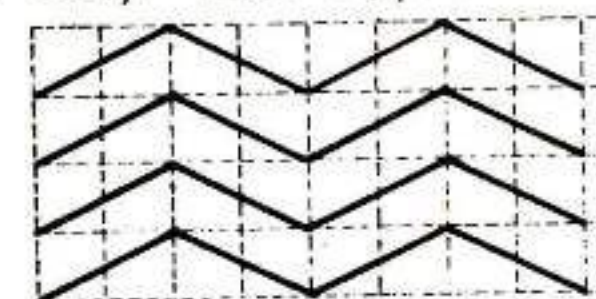
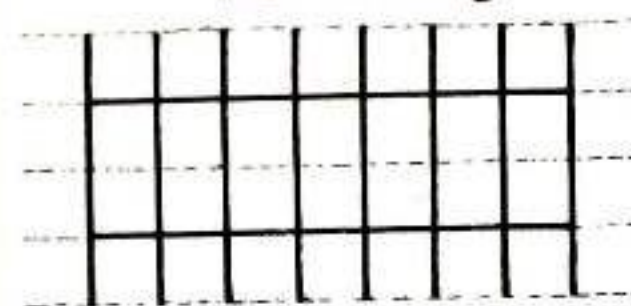
1. Chỉ những hình vuông.
2. Chỉ những hình chữ nhật.
3. Đếm xem trong bản vẽ có bao nhiêu hình vuông? Bao nhiêu hình chữ nhật?
4. Những hình nào không phải hình vuông hoặc hình chữ nhật?

PHẦN GIÁO-VIÊN :

Cho học-sinh nhận-xét những đồ vật trong lớp có hình chữ nhật như bảng đen, quyển vở, mặt bàn v.v... Cho vẽ hình chữ nhật vào bảng con. Chỉ bốn góc vuông, chỉ hai cạnh dài, hai cạnh ngắn. Cát nghĩa cho học-sinh biết hình chữ nhật khác hình vuông ở chỗ nào? Giống hình vuông ở chỗ nào?

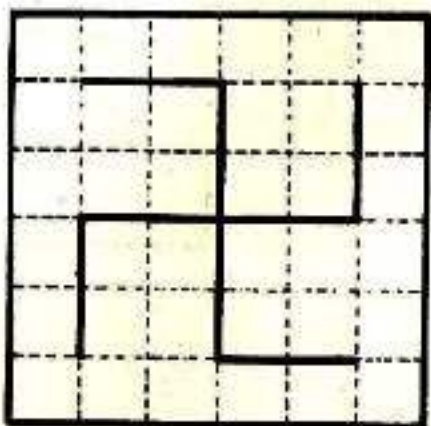
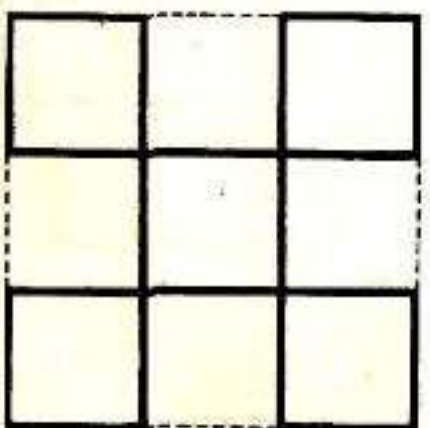
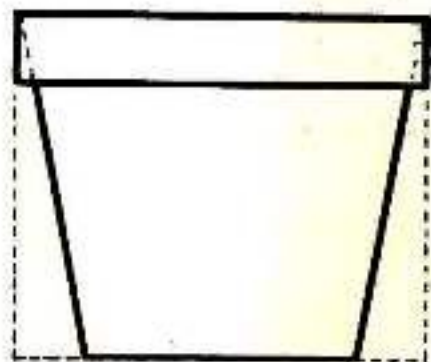
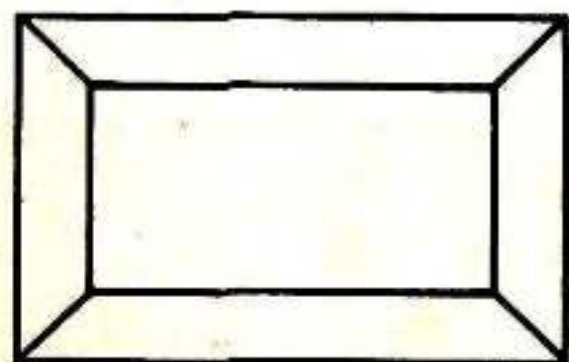
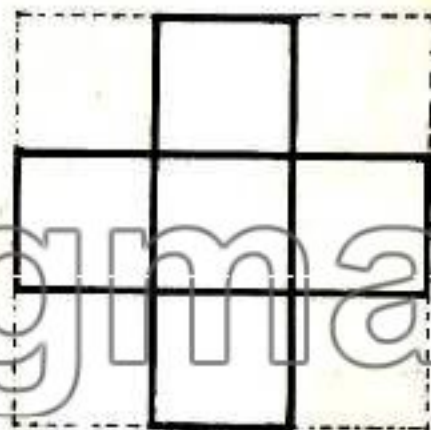
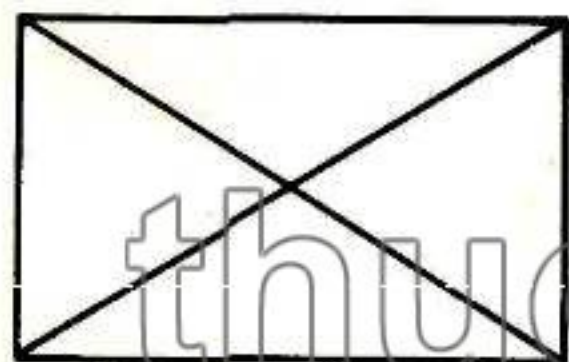
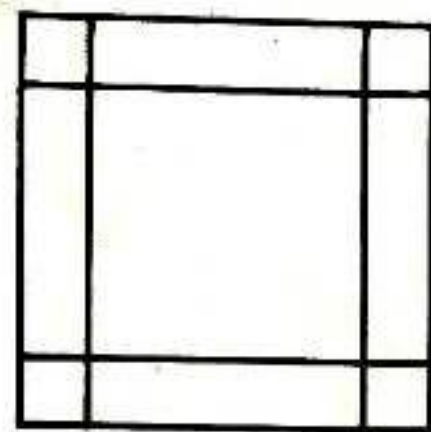
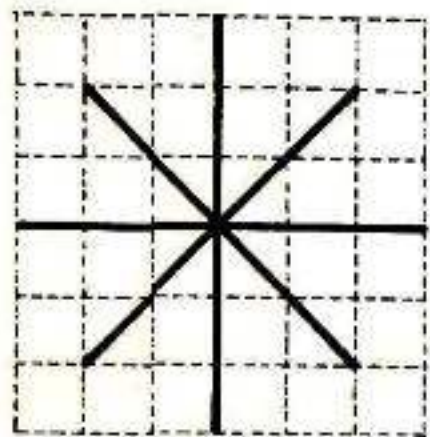
VẼ GẠCH

Vẽ những hình sau đây vào tập :



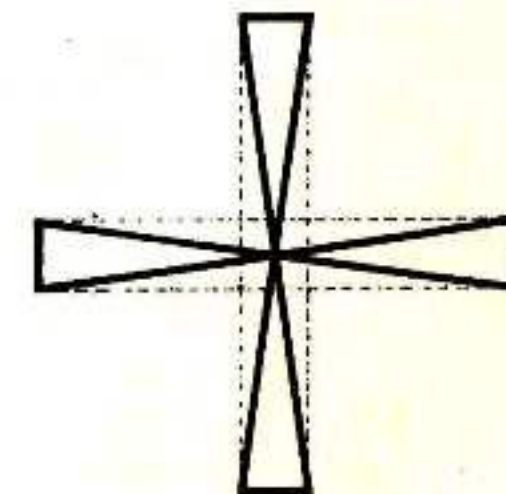
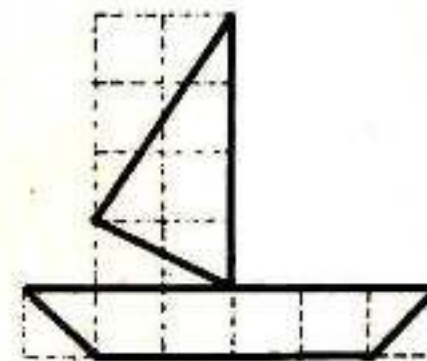
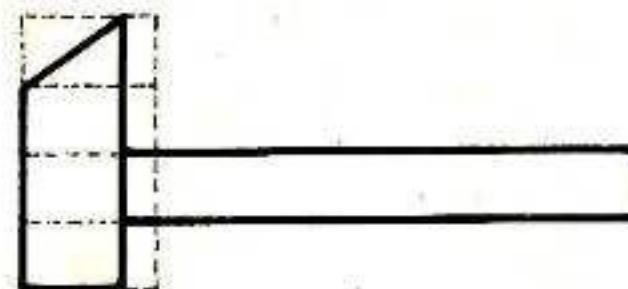
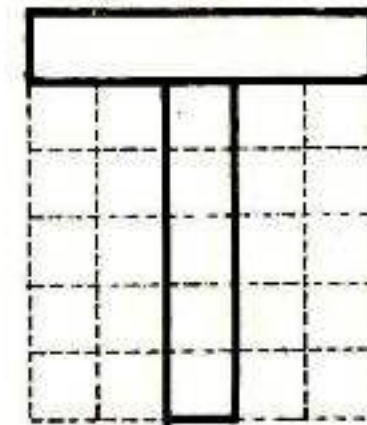
VẼ GẠCH

Vẽ những hình sau đây vào tập :



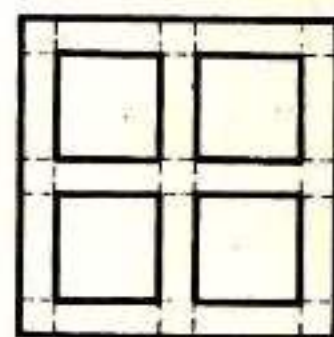
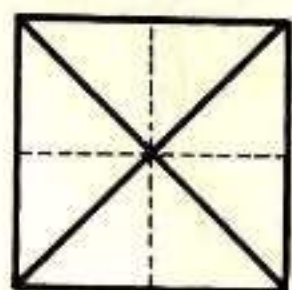
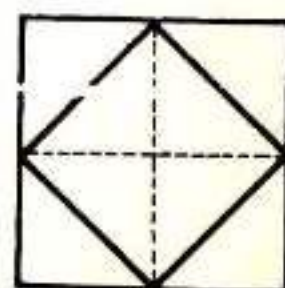
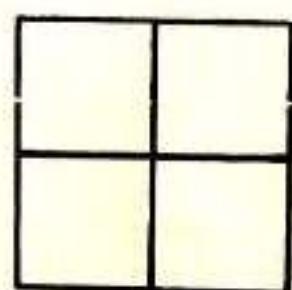
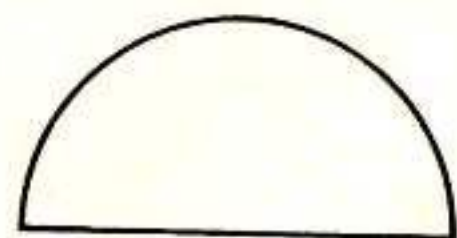
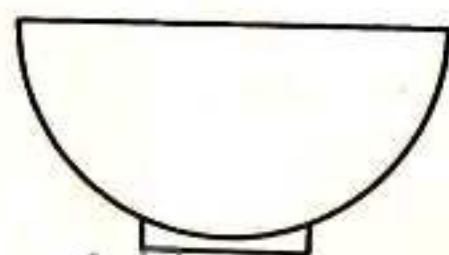
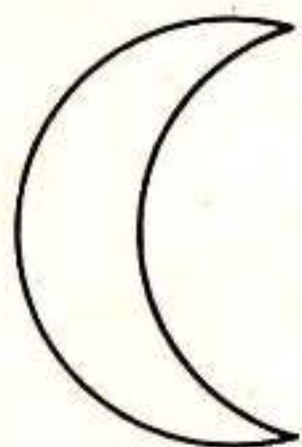
VẼ GẠCH

Vẽ những hình sau đây vào tập :



VẼ GẠCH

Vẽ những hình sau đây vào tập :



NHÂN DÂN HOA-KỲ

với sự hợp-tác của

BỘ VĂN-HÓA GIÁO-DỤC

VIỆT-NAM CÔNG-HÒA

thân tặng

các Trường Sở tại Việt-Nam